

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ HẤP THỤ VÀ
LƯU GIỮ CÁC-BON CỦA RỪNG**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi ý kiến: 65

2. Kết quả cụ thể như sau:

- 14 ý kiến nhất trí với nội dung dự thảo: 01 Bộ (Bộ Quốc phòng), 13 địa phương

- 51 ý kiến góp ý:

+ 09 Bộ (Bộ Ngoại giao, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học – Công nghệ),

+ 39 địa phương (12 UBND tỉnh, thành phố; 27 Sở NN và MT)

+ 08 đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

+ 08 tổ chức khác

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
A	Dự thảo Nghị định			
I	Căn cứ pháp lý			
1		Sở NN&MT tỉnh Đắk Nông	“ <i>Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025</i> ” đề nghị điều chỉnh thành: “ <i>Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025</i> ”. Lý do: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua.	Bộ NN&MT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại phần Căn cứ pháp lý của Dự thảo Nghị định
2		Sở NN&MT tỉnh Lạng Sơn	Tại phần viện dẫn căn cứ dự thảo Nghị định, quy định: “ <i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025.</i> ” Đề nghị xem xét sửa lại thành “ <i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.</i> ”	Bộ NN&MT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại phần Căn cứ pháp lý của Dự thảo Nghị định
3		Bộ Tài chính	Về cơ sở pháp lý ban hành Nghị định: Căn cứ khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp quy định: “Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả dịch vụ môi trường rừng và điều chỉnh, miễn, giảm mức chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng”. Ngày 16/11/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số của Luật Lâm nghiệp, tuy nhiên, chưa quy định cụ thể về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Đến nay, tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ mới chỉ quy định thí điểm chuyên nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh làm rõ căn cứ xây dựng Nghị định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng áp dụng trong phạm vi toàn quốc trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.	Bộ NN&MT tiếp thu, bổ sung và làm rõ tại mục 1 và 2 dự thảo Tờ trình, thuyết minh dự thảo Nghị định

II	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng			
1		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Phạm vi cần làm rõ hơn và phù hợp với quy định tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP, đó là “trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon” thay cho “dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”. Đề xuất điều chỉnh phạm vi của Nghị định là “Nghị định này quy định nguyên tắc, điều kiện, đối tượng và phương thức thực hiện trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong lâm nghiệp”	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì Nghị định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp, đồng thời đã bổ sung một số nội dung của Nghị định 119/2025/NĐ-CP.
2		Bộ Công an	Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là doanh nghiệp có liên quan giảm phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon rừng được cung ứng.	Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì tổ chức đã bao gồm doanh nghiệp có liên quan.
3		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Phạm vi điều chỉnh của Nghị định tập trung vào 4 điểm: a) Cung ứng dịch vụ các-bon của rừng về nguyên tắc, điều kiện, đối tượng, hình thức, mức chi trả hoặc giá chi trả. b) Trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon của rừng thông qua sàn giao dịch. c) Xác định lượng kết quả giảm phát thải khí các-bon và tín chỉ các-bon của rừng để chuyển nhượng thông qua cung ứng dịch vụ hoặc để trao đổi, bù trừ thông qua sàn giao dịch. d) Quản lý sử dụng tiền thu được từ trao đổi, bù trừ cung ứng dịch vụ tín chỉ các-bon của rừng.	Bộ NN&MT đã rà soát, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định
4		Bộ Tư pháp	Về đối tượng áp dụng, trên cơ sở hoàn thiện quy định về phạm vi điều chỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, đảm bảo bao quát hết các đối tượng áp dụng, nhất là các đối tượng được coi là chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp năm 2017. Theo khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp năm 2017, hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là một trong các loại dịch vụ môi trường rừng. Tại khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: “Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả dịch vụ môi	Bộ NN&MT tiếp thu ý kiến, đã rà soát, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã bao quát các đối tượng áp dụng tại khoản Điều 1, bao gồm chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp. Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên như dự thảo và làm rõ tại mục 1 dự thảo Tờ trình, thuyết minh dự thảo Nghị định

			<p>trường rừng và điều chỉnh, miễn, giảm mức chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, trong đó đã hướng dẫn khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp. Do đó, về nguyên tắc, cần sửa đổi, bổ sung các quy định chi tiết về đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả; điều chỉnh, miễn, giảm mức chi trả; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP để bổ sung quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ vấn đề này và cân nhắc chỉnh sửa tên của Nghị định cho phù hợp. Trường hợp chỉnh lý thành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, đề nghị nêu rõ tại Tờ trình: nội dung sửa đổi, hoàn thiện; nội dung bổ sung; nội dung lược bỏ; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết .</p> <p>Trường hợp bảo lưu, đề nghị thuyết minh rõ và bổ sung vào dự thảo Tờ trình lý do cần tách riêng một nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; đồng thời, làm rõ nguyên tắc xử lý, áp dụng quy định liên quan đến đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đã được quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP); đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn.</p>	
5	Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ NN&MT	Khoản 1, Điều 1: Đề nghị xem xét, điều chỉnh: "...tín chi các-bon rừng được cung ứng..." thành "...tín chi các-bon rừng được tạo ra, sở hữu và cung ứng..."	Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 về thực hiện các biện	

				pháp tạo kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon rừng
			Khoản 2, Điều 1: Đề nghị xem xét, điều chỉnh đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân có liên quan cho thống nhất với Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
6		UBND tỉnh Thanh Hóa	Tại khoản 2, điều 1 về đối tượng áp dụng: Đề nghị chỉnh sửa và bổ sung thành “Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến các hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều này” . Lý do: Tại điểm b, khoản 2, điều 4 có quy định “bên sử dụng dịch vụ gồm: b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam; tại khoản 1, điều 12 về hình thức trao đổi, chuyển nhượng cũng nêu cụ thể các đối tượng này.	Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì tổ chức, cá nhân đã bao gồm cả trong nước và nước ngoài.
7		CARE International	Tại khoản 1 Điều 1, phạm vi điều chỉnh chỉ đề cập tới tín chỉ các bon rừng. Tuy nhiên, trong thực tế tín chỉ các bon không chỉ được tạo ra từ các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng mà còn qua các hoạt động nông lâm kết hợp. Tuy nhiên, chưa rõ Dự thảo quy định tín chỉ các-bon rừng dựa trên mục đích sử dụng đất rừng hay dựa vào hoạt động tạo ra tín chỉ các-bon (bao gồm hoạt động nông lâm kết hợp). Ngoài ra để đảm bảo tính toàn vẹn và đi theo xu thế của thế giới, cần làm rõ các tín chỉ các bon rừng này bao gồm cả tín chỉ rừng trên cạn, rừng ngập mặn và lâm nghiệp đô thị. Phạm vi điều chỉnh đề cập đến đối tượng được cung ứng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng nhưng không đề cập tới người mua dịch vụ, các bên trung gian tham gia vào các hoạt động	Bộ NN&MT đã rà soát, bổ sung phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 về thực hiện các biện pháp tạo kết quả giảm phát thải khí nhà kính. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, khoản 1 nêu phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được

			thương mại đặc biệt đối với nhóm hướng tới thị trường tự nguyện. Do thị trường các bon vận hành bởi cả người mua, người bán và bên trung gian, tất cả các đối tượng này cần được quy định rõ ràng trong các văn bản pháp luật.	quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định.
			Tại khoản 2 Điều 1, Dự thảo Nghị định đề cập đến cả thị trường trong nước và nước ngoài, do vậy, cần làm rõ đối tượng áp dụng này bao gồm cả các tổ chức và cơ quan trong và ngoài nước. Mặc dù đã bao gồm “cộng đồng”, nhưng Nghị định có thể làm rõ hơn việc nhận diện các nhóm yếu thế cụ thể trong đó (ví dụ: người dân tộc thiểu số, phụ nữ, người khuyết tật, hộ nghèo) có thể bị ảnh hưởng khác nhau hoặc cần hỗ trợ đặc biệt và thể hiện cam kết về các tiêu chuẩn chất lượng cao về mặt xã hội rõ ràng hơn – như đã đề cập trong Quyết định 419 về Chương trình REDD+ quốc gia.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì tổ chức, cá nhân đã bao gồm cả trong nước và nước ngoài Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, cộng đồng được nêu tại khoản 2 Điều 1 gắn với sở hữu rừng và chủ rừng theo pháp luật lâm nghiệp
III	Điều 2. Giải thích từ ngữ			
1		Viện Điều tra, Quy hoạch rừng	Cần nhắc thuật ngữ “thời điểm tham chiếu” hay “ Giai đoạn tham chiếu cơ sở ”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
2		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị xem xét chỉnh sửa nội dung giải thích thuật ngữ “ <i>Tín chỉ các-bon rừng</i> ” đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường “ <i>Tín chỉ các - bon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí carbon dioxide (CO₂) hoặc một tấn khí carbon dioxide (CO₂) tương đương</i> ”.	Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên dự thảo vì tín chỉ các-bon rừng là 1 loại tín chỉ được quy định tại khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường.
3		UBND tỉnh Nghệ An	Đề nghị điều chỉnh bổ sung: “ <i>Tín chỉ các-bon rừng là đơn vị đo lường lượng khí CO₂ hoặc khí nhà kính tương đương CO₂e được hấp thụ và lưu giữ thông qua hoạt động bảo vệ, phát triển rừng, tương đương 1 tấn CO₂e được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền trong nước hoặc tổ chức quốc tế có tiêu chuẩn công nhận</i> ”. Lý do: Đảm bảo đầy đủ nội hàm khái niệm giúp dễ hiểu, dễ hình dung hơn.	Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên dự thảo vì tín chỉ các-bon rừng là 1 loại tín chỉ được quy định tại khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường.

4	Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao (CHESH)	<p>Nghị định giải thích chưa rõ các từ ngữ sau: 1) Tín chỉ các-bon là gì?; 2) Tại sao nguyên tố các-bon lại quy định bằng cụm từ Tín chỉ các-bon trong giao dịch?; 3) Một tín chỉ các-bon tương đương với bao nhiêu trọng lượng khí CO₂?!</p> <p>Do vậy, Trung tâm CHESH xin được làm rõ Điểm 2, Điều 2 như sau:</p> <p>Tín chỉ các-bon rừng là lượng CO₂ do rừng tự nhiên hấp thu được quy đổi thành 1 tấn CO₂ tương đương và được gọi là 1 tín chỉ các-bon khi đã được pháp lý xác nhận đủ điều kiện đưa lên sàn giao dịch. Tín chỉ các-bon rừng tự nhiên do Bộ Nông nghiệp và Môi trường đại diện thay Chính phủ giám sát và xác nhận tính pháp lý <u>trên cơ sở tôn trọng có kiểm tra và đánh giá các quy chuẩn về tín chỉ các-bon hiện hành của Quốc tế đối với bê các-bon thuộc Rừng tự nhiên nhiệt đới của Việt Nam!</u>.</p>	Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên dự thảo vì tín chỉ các-bon rừng là 1 loại tín chỉ được quy định tại khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường.
5	Bộ Công thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ khái niệm “ <i>Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế</i> ” tại khoản 2 và trách nhiệm công bố danh mục Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế được phép cấp tín chỉ các-bon rừng tại Việt Nam.	Bộ NN&MT tiếp thu, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị định.
6	Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Nêu khái niệm về tín chỉ các-bon nhưng không đúng bản chất. Tín chỉ các-bon là tên chung và phải đáp ứng: (i) được tạo ra từ các hoạt động giảm nhẹ (gồm giảm phát thải khí nhà kính, tăng hấp thụ các-bon); (ii) được tổ chức thứ ba độc lập, có chức năng thẩm định và xác minh; và (iii) được cơ quan có thẩm quyền công nhận.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì tín chỉ các-bon rừng là 1 loại tín chỉ các-bon được quy định tại khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường.
7	UBND tỉnh Nghệ An	<p>Đề nghị điều chỉnh bổ sung khoản 3 Điều 2 thành nội dung: “<i>Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là hoạt động bảo vệ, phát triển rừng nhằm hấp thụ và lưu giữ khí CO₂ trong sinh khối và đất rừng, từ đó tạo ra kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon rừng.</i>”</p> <p>Lý do: Hoạt động bảo vệ, phát triển rừng tạo ra dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng còn kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là sản phẩm của dịch vụ hấp</p>	Bộ NN&MT tiếp thu, chỉnh sửa khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị định.

			thụ và lưu giữ các-bon rừng, vì vậy đề nghị chỉnh sửa giúp làm rõ nội hàm khái niệm, đảm bảo dễ hiểu, thống nhất trong thực thi.	
8		Cục Biến đổi khí hậu	Đề nghị xem lại nội dung tại khoản 3 về giải thích từ ngữ “Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng” cho phù hợp với quy định tại khoản 23 Điều 2 Luật Lâm nghiệp năm 2017.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.
9		Bộ Tài chính	Đối với các định nghĩa tại Điều 2, đề nghị Bộ NN&MT căn cứ Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 06/2022/NĐ-CP để điều chỉnh, đảm bảo chính xác, rõ ràng. Ví dụ như tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng”. Quy định này chưa rõ ràng, đồng thời, Luật lâm nghiệp 2017 quy định Hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh là một loại dịch vụ môi trường rừng. Theo đó, khoản 23 Điều 2 quy định: “Dịch vụ môi trường rừng là hoạt động cung ứng các giá trị sử dụng của môi trường rừng”. Đề nghị rà soát, điều chỉnh lại định nghĩa phù hợp với Luật lâm nghiệp.	Bộ NN&MT tiếp thu, đã rà soát các định nghĩa. Định nghĩa về Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đã được chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.
			Ngoài ra, đề nghị Bộ NN&MT bổ sung định nghĩa về dự án các-bon rừng và cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế để xác định các cơ quan này là đối tượng nào?	Tiếp thu, bổ sung tại khoản 7 và 9 Điều 2 dự thảo Nghị định.
10		Bộ Công thương	Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát đảm bảo đồng bộ hệ thống pháp luật về khái niệm “Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon” sử dụng trong dự thảo Nghị định với các quy định về loại hình dịch vụ môi trường rừng theo Luật Lâm nghiệp.	Bộ NN&MT tiếp thu, đã rà soát đảm bảo đồng bộ, thống nhất.
			Đề nghị sửa khoản 3 như sau: “3. <i>Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là hoạt động tạo ra kết quả giảm phát thải khí nhà kính của rừng hoặc tín chỉ các-bon rừng.</i> ”	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.

		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Thuật ngữ “ <i>Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng</i> ” chưa chuẩn xác nên xem lại cách diễn đạt. Thực chất dịch vụ này chủ yếu tạo ra lượng “hấp thụ tăng thêm” để bù đắp cho phát thải từ các nguồn khác. Theo Luật Lâm nghiệp 2017, “hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính” là 2 khía cạnh riêng	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.
11		Bộ Công thương	Hoạt động “Cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng” đang bị giới hạn như là một đối tượng được tham gia sàn giao dịch các-bon (theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025). Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ nội hàm của việc dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, việc chuyển giao, kinh doanh các tín chỉ các-bon rừng thực hiện theo pháp luật có liên quan.	Bộ NN&MT tiếp thu, chỉnh sửa khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.
			Đề nghị sửa khoản 4 như sau: “ <i>4. Cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là hoạt động trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng giữa bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ thông qua thỏa thuận hoặc hợp đồng, sàn giao dịch các-bon</i> ”.	Tiếp thu, chỉnh sửa khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.
12		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là hoạt động trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng thông qua thỏa thuận hoặc hợp đồng, sàn giao dịch các-bon. Cần rà soát để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 20 “Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước” và Điều 20a “Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế” Nghị định 119/2025/NĐ-CP.	Đã rà soát, chỉnh sửa định nghĩa dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng tại khoản 3 Điều 2, bổ sung định nghĩa bên cung ứng dịch vụ tại khoản 4 Điều 2 để quy định chi tiết khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp, phù hợp với Điều 65 Luật Lâm nghiệp năm 2027.
13		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc khái niệm theo hướng: “Cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.

			của rừng là hoạt động trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon rừng thông qua thỏa thuận, hợp đồng hoặc sàn giao dịch các-bon, trong khuôn khổ thị trường các-bon trong nước hoặc quốc tế ”.	
14		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc khái niệm theo hướng: “ Thỏa thuận hoặc Hợp đồng trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon rừng (sau đây gọi là Hợp đồng) là văn bản thỏa thuận được ký kết giữa bên cung ứng dịch vụ hoặc đại diện của bên cung ứng với bên sử dụng dịch vụ hoặc đại diện của bên sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon từ rừng”.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì hiện nay sử dụng 2 cụm từ “ <i>thỏa thuận</i> ” hoặc “ <i>Hợp đồng</i> ” để phù hợp với đại diện bên cung ứng là cơ quan nhà nước (Chính phủ, Bộ chuyên ngành, UBND cấp tỉnh...) hoặc doanh nghiệp.
15		Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai	Tại khoản 6 Điều 2, quy định “ <i>Triển khai dự án các-bon rừng là việc xây dựng, đăng ký, đo đạc, báo cáo và cấp tín chỉ các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước hoặc quốc tế</i> ”. Đối với việc triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước và theo tiêu chuẩn quốc tế tại Điều 8, 9 đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân và không thuộc sở hữu toàn dân, chủ rừng và UBND cấp tỉnh triển khai dự án là chưa phù hợp, bị chòng chéo. Ngoài ra, tại Điều 11 quy định kinh phí triển khai dự án các-bon rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định chưa quy định cấp có thẩm quyền nào sẽ phê duyệt việc đề cương và dự toán thực hiện dự án.	Bộ NN&MT tiếp thu chỉnh sửa tại Điều 10, 11 dự thảo Nghị định để rõ ý hơn.
16		Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	Cần bổ sung định nghĩa cụ thể về “tiêu chuẩn các-bon trong nước và quốc tế” để tránh nhầm lẫn khi áp dụng.	Bộ NN&MT tiếp thu, bổ sung định nghĩa tiêu chuẩn các-bon tại khoản 8, Cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế tại khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị định.
17		Bộ Xây dựng	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung giải thích từ ngữ: “tiêu chuẩn các-bon trong nước” và “tiêu chuẩn	Bộ NN&MT tiếp thu, bổ sung tại khoản 8, khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị định.

			các-bon quốc tế”, “Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế” nêu tại Điều 2, 8 và 9 của dự thảo Nghị định.	
18		Bộ Công thương	- Đề nghị bổ sung định nghĩa cho thuật ngữ “ Dự án các-bon rừng ” được sử dụng tại khoản 6.	Bộ NN&MT tiếp thu, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định.
			- Đề nghị sửa khoản 6 như sau: “6. <i>Triển khai dự án các-bon rừng là việc thực hiện đầy đủ các bước: xây dựng, đăng ký, đo đạc, báo cáo, thẩm định và cấp tín chỉ các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước hoặc tiêu chuẩn quốc tế được công nhận</i> ”.	Đã rà soát, bỏ định nghĩa, nội dung triển khai được quy định cụ thể tại Điều 10, 11 của dự thảo Nghị định
19		UBND tỉnh Lào Cai	- Đề nghị bổ sung, làm rõ nội hàm của cụm từ “Dự án các-bon rừng”	Bộ NN&MT tiếp thu, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định.
20		UBND tỉnh Nghệ An	- Đề nghị bổ sung một khoản vào Điều 2, dự thảo Nghị định giải thích khái niệm “Dự án các-bon rừng”, với nội dung: “ <i>Dự án các-bon rừng là tập hợp các hoạt động được thiết kế và triển khai tại khu vực có rừng, nhằm bảo vệ, phát triển rừng hoặc cải thiện chất lượng rừng để hấp thụ và lưu giữ khí nhà kính, có hồ sơ xác định cơ sở phát thải, đo lường - giám sát - kiểm chứng kết quả, được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế được công nhận, nhằm tạo ra tín chỉ các-bon có thể giao dịch.</i> ” Lý do: Đây là một khái niệm chung được đề cập trong Điều 5 của dự thảo Nghị định, tuy nhiên chưa được giải thích rõ thế nào là dự án các-bon rừng.	Bộ NN&MT tiếp thu, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định.
21		Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Đề nghị bổ sung thêm định nghĩa về “rừng thuộc sở hữu toàn dân” và “rừng không thuộc sở hữu toàn dân”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì rừng thuộc sở hữu toàn dân” và “rừng không thuộc sở hữu toàn dân” đã được quy định tại Điều 7 Luật Lâm nghiệp năm 2017.

22	UBND tỉnh Hoà Bình	<p>Bổ sung phần Giải thích từ ngữ cho các thuật ngữ như: “NDC”, “sản giao dịch carbon”, “tín chỉ carbon quốc tế”, “REDD+”.</p> <p>Quy định cụ thể cơ chế bảo đảm quyền lợi cho các nhóm dễ tổn thương (hộ gia đình, cộng đồng) tham gia các dự án carbon, đặc biệt khi đánh giá, chính sách chia sẻ lợi ích. Dự thảo nên quy định rõ các cấp chịu trách nhiệm trong quy trình: ai duyệt, ai giám sát, ai thanh toán, ai xử lý vi phạm. v.v...</p> <p>Bổ sung Điều, khoản quản lý nguy cơ trùng lặp tín chỉ carbon khi chuyển nhượng cho tổ chức quốc tế và đề xuất rõ quy trình chấp thuận giao dịch carbon quốc tế, ai phối hợp, ai ký, cơ chế giám sát sau chuyển nhượng.</p> <p>Xem xét, rà soát và cân nhắc quy định trình tự triển khai dự án carbon rừng trong vùng đặc thù như vùng biên giới, khu vực nhạy cảm an ninh - quốc phòng và nên có phụ lục hướng dẫn mẫu giám sát tác động môi trường, báo cáo về chia sẻ lợi ích.</p>	<p>Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì các thuật ngữ này đã được quy định tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP.</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì Dự thảo Nghị định đã quy định về quản lý sử dụng nguồn thu từ các-bon rừng tại Điều 16 dự thảo Nghị định, trong đó quy định cụ thể về các đối tượng được hưởng lợi, trong đó có hộ gia đình, cộng đồng dân cư tham gia các dự án các-bon rừng.</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì nội dung này đã thể hiện tại khoản 3, 4 Điều 12 dự thảo Nghị định...</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì những nội dung này đã được thể hiện trong quy định về Tiêu chuẩn các-bon trong nước và quốc tế...</p>
23	Tổ chức Emergent (tại văn bản thông qua email ngày 01 tháng 7 năm 2025)	Vui lòng bổ sung định nghĩa về “tiêu chuẩn các-bon trong nước” và “tiêu chuẩn các-bon quốc tế” để đảm bảo rằng việc chuyển nhượng theo ERPA phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.	Tiếp thu, bổ sung định nghĩa về tiêu chuẩn các-bon tại khoản 8 và Cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế tại khoản 9 Điều 2 Dự thảo Nghị định
24	Sở NNMT tỉnh Tuyên Quang	<p>Đề nghị xem xét, bổ sung giải thích từ ngữ thế nào là “Hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng” để áp dụng thống nhất.</p> <p>Lý do: Hiện tại chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào giải thích từ ngữ “Hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”.</p>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo

25	Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm một số thuật ngữ như: tiêu chuẩn các-bon rừng (yêu cầu theo các tiêu chuẩn khác nhau, như đảm bảo an toàn môi trường xã hội, rò rỉ phát thải, dịch chuyển phát thải, chu kỳ dự án theo tiêu chuẩn v.v.); cô lập, loại bỏ các-bon của rừng; chia sẻ lợi ích các-bon rừng; dự án các-bon rừng.	Tiếp thu, bổ sung tại khoản 7, 8 Điều 2 dự thảo Nghị định.
		Nên xem xét, cân nhắc chỉnh sửa lại định nghĩa về “Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng” tại Khoản 3 cho phù hợp.	Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị định.
26	Viện Điều tra, Quy hoạch rừng	Bổ sung thêm về thuật ngữ tiêu chuẩn các-bon rừng, các hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất có thể dẫn tới “giảm phát thải”, “tăng hấp thụ” và cung cấp dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.	Tiếp thu, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 dự thảo Nghị định.
27	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị rà soát các từ ngữ giải thích đảm bảo thống nhất với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các pháp luật khác có liên quan; bổ sung làm rõ từ ngữ “dự án các-bon rừng”.	Tiếp thu, đã rà soát đảm bảo các thuật ngữ phù hợp với pháp luật hiện hành và bổ sung giải thích thuật ngữ Dự án các-bon rừng tại khoản 7 Điều 2 Dự thảo Nghị định.
28	Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Khoản 1. Kết quả giảm phát thải khí các-bon của rừng là lượng giảm phát thải khí các-bon của rừng và lượng tăng hấp thụ các-bon của rừng tại thời điểm xác định so với thời điểm tham chiếu theo tiêu chuẩn các-bon (sau đây gọi tắt là kết quả giảm phát thải).	
		Bổ sung thêm 1 khoản: xxx. Lượng giảm phát thải khí các-bon từ rừng là lượng phát thải khí các-bon được giảm do hạn chế mất rừng và suy thoái rừng tại thời điểm xác định so với thời điểm tham chiếu theo tiêu chuẩn các-bon.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
		Bổ sung thêm 1 khoản: xxx. Lượng tăng hấp thụ các-bon của rừng là lượng các-bon được rừng hấp thụ, lưu giữ bằng các hoạt động khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh, trồng mới, trồng lại rừng tại thời điểm xác định so với thời điểm tham chiếu theo tiêu chuẩn các-bon.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo

		<p>Bổ sung thêm 1 khoản: xxx. Quyền hưởng dụng các-bon rừng là quyền của tổ chức, cá nhân được hưởng giá trị thu được từ các-bon rừng khi họ tham gia, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thuộc quyền sở hữu của người khác trong một thời hạn nhất định</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p>
		<p>Khoản 2. Tín chỉ các-bon của rừng tương đương với 1 tấn khí các-bon dioxide (CO₂) được rừng hấp thụ lưu giữ hoặc kết quả giảm phát thải khí các-bon do hạn chế mất rừng và suy thoái rừng tại thời điểm xác định so với thời điểm tham chiếu theo tiêu chuẩn các-bon. Tín chỉ các-bon rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế cấp.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì tín chỉ các-bon rừng là 1 loại tín chỉ được quy định tại khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường.</p>
		<p>Khoản 3. Dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng là các hoạt động khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng, trồng mới rừng, trồng lại rừng, bảo vệ rừng, chống mất rừng và chống suy thoái rừng để tạo tín chỉ các-bon dùng để trao đổi, bù trừ, chuyển nhượng.</p>	<p>Đã rà soát, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị định.</p>
		<p>Khoản 4. Cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là hoạt động chuyển nhượng tín chỉ các-bon của rừng thông qua hợp đồng giữa bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ.</p>	<p>Sau khi tổng hợp, nghiên cứu góp ý đã bỏ khái niệm Cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, chỉnh sửa thuật ngữ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng tại khoản 3 và bổ sung khái niệm “bên cung ứng dịch vụ” tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định.</p>
		<p>Bổ sung thêm 1 khoản: xxx. Trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon của rừng thực hiện theo cơ chế đăng ký, triển khai các chương trình, dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (gọi chung là Dự án các bon rừng) và tạo tín chỉ các-bon của rừng theo các phương pháp được quốc tế hoặc Việt Nam công nhận. Tín chỉ các-bon của rừng từ dự án các-bon của rừng được trao đổi trên thị trường các-bon hoặc bù cho lượng</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này được quy định cụ thể tại Điều 8 dự thảo Nghị định.</p>

			phát thải khí nhà kính vượt quá hạn ngạch được phân bổ.	
			Khoản 5. Hợp đồng chuyển nhượng tín chỉ các-bon của rừng là văn bản được ký giữa bên cung ứng dịch vụ hoặc đại diện bên cung ứng dịch vụ với bên sử dụng dịch vụ hoặc đại diện bên sử dụng dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng và giảm phát thải khí các-bon từ rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
			Bổ sung thêm 1 khoản: Khái niệm về Dự án các-bon rừng Yêu cầu khoản này cho cho 2 trường hợp: + Trường hợp Dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon thì phải phù hợp với Điều 20 NĐ 06 và Điều 17 của NĐ 119 + Trường hợp theo cơ chế cung ứng dịch vụ các bon rừng (áp dụng cơ chế DVMTR)	Tiếp thu, đã bổ sung tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định.
29		UBND thành phố Đà Nẵng	Tại Điều 2 bổ sung thêm các từ ngữ để giải thích: a) Các bon rừng: các bon dioxide (CO ₂) được rừng hấp thụ hoặc loại bỏ, tính bằng tấn trên hecta. b) Tín dụng các bon rừng: lượng khí CO ₂ được hấp thụ hoặc giảm thải nhờ vào hoạt động bảo vệ, phục hồi hoặc quản lý rừng bền vững được đo bằng tấn các bon dioxide (CO ₂). c) Rừng thuộc sở hữu toàn dân: Rừng thuộc sở hữu toàn dân là rừng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu, bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng do Nhà nước đầu tư toàn bộ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
			Tại khoản 3 Điều 2: Đề nghị sửa cụm từ “Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng” thành cụm từ “Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là kết quả giảm phát thải và loại bỏ phát thải từ rừng, tín chỉ các-bon rừng”	Đã rà soát, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định
30		Bộ Tư pháp	Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “ <i>Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng</i> ”. Đề nghị giải thích và	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị định

			<p>làm rõ theo hướng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng bao gồm những loại hình dịch vụ và/hoặc hoạt động nào để tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện</p> <p>Dự thảo Nghị định sử dụng nhiều từ ngữ chuyên môn nhưng chưa được giải thích, như: “dự án các-bon rừng” (Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 13); “tiêu chuẩn các-bon” (khoản 1, khoản 6 Điều 2; Điều 8; Điều 9)... Đề nghị cân nhắc bổ sung giải thích các từ ngữ nêu trên, đảm bảo thống nhất trong cách hiểu và áp dụng pháp luật</p>	<p>Tiếp thu, đã bổ sung định nghĩa dự án các-bon rừng, tiêu chuẩn các-bon tại khoản 7, khoản 8 Điều 2 Dự thảo Nghị định.</p>
			<p>Đề nghị thống nhất cách áp dụng từ ngữ tại dự thảo Nghị định, như: “cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế” tại khoản 2 Điều 2 và “cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế” tại khoản 3 Điều 9, đồng thời làm rõ là các cơ quan nào?</p>	<p>Tiếp thu, đã rà soát và bổ sung định nghĩa Cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế tại khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị định.</p>
31		Vụ Hợp tác quốc tế	<p>Khoản 2, Điều 2: Đề nghị xem xét, điều chỉnh thành: "Tín chỉ các-bon rừng (<i>chứng chỉ giảm/hấp thụ phát thải khí nhà kính</i>) là sự chứng nhận hay đại diện cho quyền phát thải ra 1 tấn CO₂ hoặc 1 tấn CO₂ tương đương, do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế cấp cho kết quả giảm phát thải từ rừng hoặc lượng tăng hấp thụ các-bon của rừng"</p> <p>Điều 2: Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung về "sở hữu tín chỉ các-bon"</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì tín chỉ các-bon rừng là 1 loại tín chỉ được quy định tại khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì phạm vi Nghị định không quy định về sở hữu tín chỉ các-bon</p>
32		CARE International	<p>Khoản 1. Cần làm rõ Kết quả giảm phát thải theo tiêu chuẩn các bon nào (Tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn các-bon quốc tế ?). Ngoài việc có kết quả theo tiêu chuẩn các bon, cũng cần làm rõ liệu có cần Cơ quan nhà nước nào xác nhận điều đó hay không bởi nhiều tiêu chuẩn các-bon hiện nay đang bị chỉ trích vì đưa ra các phương pháp tính toán kết quả giảm phát thải không</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, khoản 1 chỉ giải thích thuật ngữ kết quả giảm phát thải khí nhà kính của rừng.</p>

			chính xác do vậy rất cần một bên khác thẩm định lại kết quả.	
			Khoản 2. Để đảm bảo Việt Nam chỉ cho phép và công nhận các tín chỉ chất lượng các bon giá trị cao theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris và Yêu cầu của Ủy Ban Liên Chính Các bon, các nhà hoạch định chính sách nên cân nhắc không chỉ định nghĩa tín chỉ các bon là do Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường và Tiêu chuẩn các bon quốc tế cấp, mà các tiêu chuẩn các bon quốc tế cấp phải đáp ứng tiêu chí chất lượng cao do Hội đồng liên chính cho thị trường carbon tự nguyện (ICVCM) công nhận. Ngoài ra trong khi quy trình cấp tín chỉ các bon do Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế cấp tương đối rõ ràng thì quy trình cấp tín chỉ các bon rừng do Bộ Nông Nghiệp và Môi trường Việt Nam cấp chưa rõ ràng và được đề cập trong Dự thảo này. Do vậy cần có giải thích và định nghĩa rõ ràng về quy trình này trong dự thảo để hỗ trợ và hướng dẫn cụ thể cho các bên có liên quan. Ngoài ra tín chỉ các bon rừng có thể là kết quả của cả giảm và loại bỏ phát thải từ rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, tiêu chuẩn các-bon quốc tế sẽ được các bên thỏa thuận thống nhất áp dụng. Quy trình cấp tín chỉ các-bon theo tiêu chuẩn các-bon rừng quốc gia được quy định tại Điều 10, 11 dự thảo Nghị định.
			Khoản 2. Đề xuất bổ sung giải thích từ ngữ “các bon rừng” đề phù hợp và dễ hiểu với các bên có liên quan.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
			Khoản 3. Dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các bon là kết quả của các việc giảm phát thải và loại bỏ phát thải từ rừng (do vậy cần bổ sung loại bỏ phát thải). Ngoài ra, kết quả giảm phát thải không có nghĩa là tín chỉ các bon rừng bởi không phải kết quả giảm phát thải nào cũng được chứng nhận và cấp phép do đó không thể giao dịch như tín chỉ các bon rừng. Ngoài ra để làm rõ về dịch vụ này có thể cân nhắc sử dụng các định nghĩa quốc tế thông dụng Hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng bao gồm: (a) Rừng hấp thụ CO ₂ từ khí quyển và lưu trữ các-bon trong các bộ phận của cây và đất; (b) Lưu giữ các-bon: các-bon được lưu trữ trong rừng dưới dạng sinh khối (cây, lá, rễ) và trong đất, giúp giảm lượng CO ₂ trong khí quyển; (c) Giảm phát thải: Bằng cách ngăn chặn mất	Tiếp thu, đã rà soát các định nghĩa. Định nghĩa về Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đã được chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định.

			rừng và suy thoái rừng, rừng giúp giảm lượng CO ₂ thải ra môi trường; (d) Quản lý rừng bền vững: Quản lý rừng hiệu quả giúp duy trì và tăng cường khả năng hấp thụ và lưu trữ các-bon của rừng	
			Khoản 5. Trong Điều 4 của Nghị định này đề cập tới các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước do vậy trong khoản 5 đề cập tới Thỏa thuận này cũng cần làm rõ Thỏa thuận có thể giữa các cá nhân và tổ chức trong nước hoặc giữa các tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, do các hoạt động và hợp đồng thực hiện ký trên lãnh thổ của Việt Nam, cần có quy định rõ ràng về hợp đồng tiếng Việt được coi là hợp đồng chính thức và cần có các Bộ mẫu hợp đồng cụ thể hướng dẫn các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước thực hiện các giao dịch này. Ngoài ra trong khoản 5 này đề cập tới Người mua/đại diện bên mua và Người bán/đại diện bên bán nhưng trong thực tế có nhiều tổ chức đóng vai trò trung gian không đại diện cho bên mua và bên bán (ví dụ, chủ rừng có thể ký hợp đồng với bên phát triển dự án, một cá nhân có thể bán cho một bên bán buôn tín chỉ các bon). Do vậy cần có những quy định cụ thể về các bên trung gian này	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ; Hợp đồng được quy định tại Điều 14 dự thảo Nghị định.
			Khoản 6: nên được làm rõ hơn về quy trình triển khai dự án các-bon rừng: "Là việc xây dựng, thẩm định, đăng ký dự án với các tổ chức, đơn vị cấp tín chỉ các-bon trong nước hoặc quốc tế; định kỳ đo đạc, báo cáo, thẩm tra và cấp tín chỉ các-bon theo tiêu chuẩn các-bon trong nước hoặc quốc tế". Ngoài ra, để hướng dẫn cụ thể hơn về loại hình dự án các bon rừng thực hiện và đáp ứng toàn bộ quy trình cấp và quản lý tín chỉ các bon rừng, nên làm rõ như sau: - Triển khai dự án các-bon rừng là việc xây dựng dự án trồng mới và trồng lại rừng, quản lý rừng bền vững, giảm phát thải khí nhà kính từ phá rừng và suy thoái	Tiếp thu, được bổ sung chỉnh sửa quy định cụ thể tại Điều 10 Dự thảo Nghị định

			<p>rừng (REDD+), nông lâm kết hợp, các bon xanh dương rừng ngập mặn</p> <p>- Đăng ký, đo đạc, báo cáo, thẩm định, cấp tín chỉ các-bon rừng, cấp chứng chỉ nghỉ hưu đã sử dụng tín chỉ các bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước hoặc quốc tế. Đặc biệt lưu ý quy trình cấp chứng chỉ nghỉ hưu hay đã sử dụng của tín chỉ các bon rừng để đảm bảo không báo cáo hai lần.</p>	
			<p>Đề xuất sửa “giảm phát thải” thành “giảm phát thải khí nhà kính” cho phù hợp với các Luật, nghị định hiện có và với nội dung cụ thể trong dự thảo Nghị định này (ví dụ tại Điều 10)</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa bổ sung giảm phát thải khí nhà kính</p>
			<p>Trong văn bản này đề cập rất nhiều tới rừng thuộc sở hữu toàn dân nên cần có định nghĩa rõ ràng về vấn đề này trong Điều 2 để đảm bảo các bên hiểu rõ phạm vi được đề cập tới, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì rừng sở hữu toàn dân được quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp</p>
			<p>Dự thảo hiện nay chưa đưa ra định nghĩa về các bon rừng cũng như hướng dẫn cụ thể loại hình sở hữu hay quy trình chuyển nhượng quyền các bon rừng. Điều này vẫn là khúc mắc lớn nhất khiến các nhà đầu tư cả trong nước và quốc tế ngần ngại đầu tư vào lĩnh vực này. Các nhà đầu tư mong đợi hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề này để đảm bảo lòng tin của họ vào việc đầu tư ở Việt Nam. Để có thể sở hữu quyền các bon rừng, cần có quy trình kiểm tra và giám sát các cá nhân và cơ quan tổ chức có đủ các minh chứng hợp pháp về quyền này. Cần làm rõ khi có quyền các bon rừng, người sở hữu sẽ có quyền gì và không có quyền gì.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, Nghị định này không quy định về sở hữu các-bon rừng, quy trình chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng đã được quy định tại Điều 14 Dự thảo Nghị định.</p>
33	Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP)	<p>Một số thuật ngữ trong dự thảo Nghị định chưa được định nghĩa hoặc giải thích rõ ràng, gây khó khăn cho việc áp dụng, cụ thể:</p> <p>(1) Thuật ngữ “tiêu chuẩn các-bon” và “các-bon rừng” được sử dụng nhưng không viện dẫn đến khuôn khổ pháp lý trong nước hoặc quốc tế nào cụ thể, chưa rõ ý nghĩa (có phải tiêu chuẩn quốc gia dự kiến ban hành hay</p>	<p>Tiếp thu, đã bổ sung một số thuật ngữ tại Điều 2, gồm: bên cung ứng, bên sử dụng và tiêu chuẩn các-bon.</p>	

			<p>tiêu chuẩn quốc tế hiện có). Cần bổ sung định nghĩa hoặc viện dẫn cụ thể.</p> <p>(3) “giảm phát thải”;</p> <p>(4) “kết quả giảm phát thải” và “sàn giao dịch các-bon”;</p> <p>(5) “bên cung ứng” và “bên sử dụng”;</p> <p>(6) “tiêu chuẩn các-bon”.</p>	
IV	Điều 3. Nguyên tắc cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng			
1		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Đề nghị rà soát, cân nhắc sửa tên điều như sau: “Nguyên tắc cung ứng và sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng” để đảm bảo bao quát và đầy đủ quy định của cả bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa tiêu đề của Điều 3 dự thảo Nghị định
			<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung như sau: “1. Hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đảm bảo công khai, minh bạch, có trách nhiệm, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, chủ rừng và các bên liên quan”.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định.
2		Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	<p>Quy định về không ảnh hưởng cam kết quốc tế, cần làm rõ cách kiểm soát để tránh trùng lặp tín chỉ các-bon trong các chương trình quốc tế như REDD+.</p>	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì nội dung này đã thể hiện tại khoản 3, 4 Điều 12 dự thảo Nghị định.
3		Bộ Công thương	<p>Đề nghị sửa khoản 2 như sau: “2. <i>Việc cung ứng và sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính mà Việt Nam tham gia</i>”.</p>	Tiếp thu, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định.
4		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sửa lại như sau: “Việc cung ứng dịch vụ không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính mà Việt Nam là thành viên”.</p>	Tiếp thu, bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Dự thảo Nghị định.
5		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Cân nhắc sửa khoản 3 thành: “Kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng đã được trao đổi, chuyển nhượng theo hợp đồng hoặc trên sàn giao dịch các-bon không được tiếp tục trao đổi, chuyển nhượng cho bên sử dụng khác”.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo.

6		Cục Môi trường	Đề xuất, cần làm rõ hơn nếu việc chuyển nhượng, trao đổi liên quan đến mục tiêu NDC của Việt Nam và mục tiêu của quốc gia mua tín chỉ (cơ chế điều chỉnh tương ứng theo Điều 6 Thỏa thuận Paris).	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì nội dung này đã thể hiện tại khoản 2 Điều 3, khoản 3, 4 Điều 12 Dự thảo Nghị định.
7		Bộ Tài chính	Theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 119/2025/NĐ-CP, hàng hóa được giao dịch trên sàn giao dịch các-bon bao gồm hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon theo quy định, không bao gồm kết quả giảm phát thải. Đề nghị Bộ NN&MT điều chỉnh lại nội dung này đảm bảo phù hợp.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì kết quả giảm phát thải được thực hiện trao đổi, chuyển nhượng trên thị trường thông qua Hợp đồng.
8		UBND tỉnh Điện Biên	<p>Đề nghị sửa nội dung “<i>Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là nguồn thu của chủ rừng, được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng</i>” thành “<i>Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là nguồn thu của chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ, phát triển rừng và các nội dung chi khác theo quy định của pháp luật</i>”.</p> <p>Lý do:</p> <p>Ngoài đối tượng là chủ rừng theo quy định tại Điều 8, Luật Lâm nghiệp, bên cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng còn có đối tượng là ban nhân dân cấp xã quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì UBND cấp xã không phải là chủ rừng, được chia sẻ lợi ích theo quy định tại Nghị định.
9		Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai	Nội dung “ <i>Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là nguồn thu của chủ rừng, được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng</i> ”, đề nghị xem xét, bổ sung “... được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao đời sống cho lực lượng bảo vệ rừng”.	Đã rà soát, chỉnh sửa khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.

10		Vụ Pháp chế, Bộ NN &MT	Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét sửa lại như sau: “Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng thuộc chủ rừng, được sử dụng cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật”.	Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.
11		Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao (CHESH)	<p>Trung tâm CHESH xin được bổ sung tính logic và bình đẳng giữa các chủ thể tham gia giao dịch Tín chỉ các-bon tại Điểm 4 Điều 3 như sau:</p> <p>4. Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là nguồn thu của chủ rừng, được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng;</p> <p>Nguồn thu này bao gồm đóng góp nghĩa vụ các loại THUẾ và các loại PHÍ khi CHỦ RỪNG tham gia dịch vụ cung ứng. Các loại THUẾ đó là: 1) <u>Thuế Tài nguyên các-bon từ rừng tự nhiên do Chủ rừng đứng chủ Quyền sử dụng đất 50 năm trong đó có rừng tự nhiên</u>; 2) Thuế kinh doanh tín chỉ các-bon hàng năm từ trừ lượng các-bon tích lũy được trong diện tích đất có rừng do chủ rừng có giấy chứng nhận Quyền sử dụng 50 năm, được quy đổi thành tín chỉ các-bon hàng năm; 3) Phí đồng quản trị về thủ tục hành chính chi trả cho các quy trình chuyên gia về kỹ thuật và pháp lý để có được một tín chỉ hợp pháp trước khi lên sàn giao dịch.</p>	Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.
12		Sở NNMT tỉnh Tuyên Quang	<p>Đề nghị chuyển nội dung quy định “4. Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải..., được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng” tại khoản 4, Điều 3 vào một trong các điều tại Chương III Quản lý sử dụng nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.</p> <p>Lý do: Quy định “4. Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải..., được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng” tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định phù hợp với nội dung quản</p>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

			lý sử dụng nguồn thu nhưng không phù hợp nguyên tắc cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.	
13		Bộ Công thương	Đề thu hút được nguồn lực từ khối kinh tế tư nhân đầu tư phát triển vào lĩnh vực phát triển, duy trì và bảo tồn rừng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định tạo điều kiện để các doanh nghiệp được ủy quyền hoặc hợp tác hợp pháp với chủ rừng tham gia triển khai dự án các-bon rừng. Trong các hợp tác đầu tư, quyền phân chia và sở hữu tín chỉ các-bon nên được xác lập theo hợp đồng và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Doanh nghiệp đầu tư vốn, công nghệ và nhân lực để phát triển tín chỉ các-bon rừng cần được pháp luật bảo hộ quyền thu lợi từ phần tín chỉ tương ứng với đóng góp tài chính và kỹ thuật của mình và sử dụng nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng tín chỉ các-bon rừng cho hoạt động của doanh nghiệp, không chỉ cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng như quy định tại khoản 4 Điều 3.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định.
14		Bộ Tài chính	Quy định này dẫn đến cách hiểu là toàn bộ nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng, dẫn đến mâu thuẫn với quy định khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định: “1. Bên cung ứng có quyền quyết định việc sử dụng số tiền thu được từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật”. Đề nghị Bộ NN&MT rà soát, điều chỉnh lại điều khoản này, tránh mâu thuẫn, khó khăn trong triển khai. Ngoài ra, đề nghị Bộ NN&MT bổ sung quy định về quản lý, giám sát đối với việc sử dụng nguồn thu cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.
15		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị bổ sung chữ in nghiêng đậm vào khoản 4: “Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là nguồn thu của chủ rừng, được sử dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ,	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì cụm từ bảo vệ và phát triển rừng đã bao gồm các hoạt động duy trì và phát triển hệ

			duy trì và phát triển hệ sinh thái rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học ” để phù hợp với quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 138 Luật Bảo vệ môi trường và điểm c khoản 1 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học.	sinh thái rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
16	Bộ Công thương		Đề nghị sửa khoản 5 như sau: “5. Khuyến khích các bên hợp tác triển khai dự án các-bon rừng và chia sẻ lợi ích từ việc trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng trên cơ sở ưu tiên thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội ”.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định.
			Nghiên cứu, bổ sung khoản 6 về nguyên tắc trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon rừng phù hợp với các quy định về cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì dự thảo Nghị định này là cụ thể hoá một số nội dung quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.
17	Tổng công ty Hàng không Việt Nam		Đề nghị bổ sung thêm Mục 6, Điều 3 như sau: 6. Khuyến khích các bên tham gia cơ chế bảo hiểm rủi ro để tăng độ tin cậy của tín chỉ các-bon rừng trong trường hợp xảy ra sự cố bất khả kháng.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.
18	Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường		Đề nghị bổ sung thêm mục: Các dự án các-bon rừng đảm bảo mang lại lợi ích kinh tế, xã hội cho cộng đồng và không gây hại cho môi trường.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì nội dung này đã được thể hiện tại khoản 1 Điều 3.
19	Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh		Tại Điều 3 dự thảo Nghị định: Đề nghị xem xét, bổ sung nguyên tắc ưu tiên đối với các đối tượng chủ rừng hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong tiếp cận thị trường tín chỉ các-bon rừng.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì nguyên tắc 5 đã bao gồm các đối tượng này.
20	Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends		Điều 3. Nguyên tắc cung ứng và sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng	Tiếp thu, đã chỉnh sửa tiêu đề Điều 3 dự thảo Nghị định.
21	UBND thành phố Đà Nẵng		Tại khoản 1: Việc cung ứng và sử dụng dịch vụ cần làm rõ hơn các bên liên quan không chỉ hai lợi ích giữa Nhà nước, chủ rừng mà còn doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, phụ nữ và dân tộc thiểu số.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định.

			Tại khoản 5 có nêu “Khuyến khích các bên hợp tác triển khai dự án các-bon rừng và chia sẻ lợi ích từ việc trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng”. Tuy nhiên, trong nội dung dự thảo Nghị định chưa quy định rõ lợi ích giữa các bên, đặc biệt là người dân, nhà đầu tư và bên trung gian hỗ trợ cho địa phương, chủ rừng để xây dựng các dự án các-bon rừng.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 5 Điều 3, chia sẻ lợi ích sẽ được các bên thỏa thuận thông qua hợp đồng.
22		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung nguyên tắc “Việc cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng phải bảo đảm nguyên tắc tính bổ sung (additionality), tránh tính hai lần (avoiding double counting) và không ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính (đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC)) mà Việt Nam đã tham gia.” vào Điều 3.	Tiếp thu, đã rà soát, chỉnh sửa đảm bảo tránh tính hai lần, không ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính mà Việt Nam tham gia tại Điều 3 dự thảo Nghị định.
23		CARE International	Sử dụng nguồn thu (Khoản 4): Việc quy định nguồn thu được sử dụng cho “bảo vệ và phát triển rừng” là phù hợp. Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả và phù hợp với Luật Lâm nghiệp, nên nhấn mạnh thêm việc sử dụng nguồn thu để “cải thiện sinh kế” cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân chủ rừng.	Đã rà soát, chỉnh sửa khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.
			Khoản 1. Việc cung ứng và sử dụng dịch vụ cần làm rõ hơn về các bên có liên quan khi yêu cầu không chỉ hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, chủ rừng, mà còn bao gồm doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, phụ nữ và người dân tộc thiểu số (bởi nhóm người này không phải luôn là chủ rừng và thường bị bỏ quên).	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định.
			Khoản 1 cũng có thể bổ sung để làm rõ hơn nguyên tắc cung ứng và sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng phải đảm bảo tính bổ sung, tránh rò rỉ và không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học, xã hội hoặc quyền và lợi ích của cộng đồng địa phương, đồng thời góp phần vào phát triển bền vững.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
			Khoản 2. Việc quy định về việc mua bán, trao đổi tín chỉ các bon rừng cần phải dựa trên cơ sở vận hành hệ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo

			thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các bon và vận hành sản giao dịch các bon.	
			Khoản 3. Mặc dù quy định này để đáp ứng yêu cầu không bán và báo cáo tín chỉ các bon 2 lần, nhưng điều này gây ra nhiều lo ngại đối với các doanh nghiệp muốn đầu tư vào hoạt động này. Chủ rừng có thể ký thỏa thuận với bên đề xuất dự án hoặc bên trung gian – và các bên này đều tham gia đầu tư với mong muốn bán lại tín chỉ các bon tạo ra từ dự án này. Tuy nhiên, với quy định này, có nghĩa bên đề xuất dự án hay bên trung gian sẽ không có khả năng bán lại tín chỉ. Đây có thể là trở ngại lớn và làm giảm tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam. Do vậy rất cần các nhà hoạch định chính sách xem xét kỹ lưỡng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, khoản 3 này quy định không được bán hai lần.
			Khoản 4. Với quy định này thì nguồn thu và lợi ích từ trao đổi và thương mại tín chỉ các bon rừng chỉ thuộc về chủ rừng chứ không thuộc về hoặc được chia sẻ với các bên đầu tư dự án, hoặc các bên đề xuất, bên trung gian cho dự án. Việc nguồn thu và lợi ích không được chia sẻ với các bên đầu tư có liên quan sẽ không tạo ra động lực tài chính để khối tư nhân đầu tư vào lĩnh vực này. Ngoài ra cần làm rõ, nguồn thu được sử dụng để đảm bảo tính bền vững của dự án các bon rừng trong thời gian dự án đủ dài để tạo ra sản phẩm tín chỉ. Ví dụ nhiều quốc gia quy định, khi có nguồn thu dự án phải báo cáo sẽ sử dụng nguồn thu thế nào để đảm bảo chu kỳ các bon rừng trong 50 năm. Điều này nhằm tránh việc dự án chỉ tập trung vào lập kế hoạch tài chính cho trước mắt mà không nghĩ đến đảm bảo tính lâu dài của dự án.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, trong trường hợp chủ rừng có hợp tác liên kết thì việc chia sẻ lợi ích sẽ theo hợp đồng liên kết.
			Khoản 5. Cần làm rõ cơ chế chia sẻ lợi ích ở đây bao gồm chia sẻ lợi ích môi trường, kinh tế và xã hội.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lợi ích chia sẻ theo hợp đồng giữa các bên.
			Trong nguyên tắc thực hiện này không nhấn mạnh về đa dạng sinh học, điều mà thị trường quốc tế quan tâm cũng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

			như Luật đa dạng sinh học của Việt Nam yêu cầu tuân thủ.	
			Mặc dù khoản 1 đã nhấn mạnh nguyên tắc “công khai, có trách nhiệm, hài hòa lợi ích” nhưng chưa nhấn mạnh đến quyền lợi của các thành viên cộng đồng và việc đảm bảo các yêu cầu về lồng ghép giới. Đề xuất: Bổ sung nguyên tắc về bình đẳng giới và đảm bảo an toàn: Đảm bảo bình đẳng giới và quyền lợi của cộng đồng dân cư, bao gồm nam giới, nữ giới và các nhóm yếu thế để tuân thủ Khoản 1,2 – Điều 3- Thông tư 17/2014/TT-BTP-VN về Lồng ghép BĐG trong XD văn bản quy phạm pháp luật.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
24		UNEP	Định nghĩa hoặc giải thích rõ các thuật ngữ: (2) “trao đổi các-bon”; (3) “chủ rừng” và “bảo vệ và phát triển rừng”. Khái niệm “chủ rừng” chỉ được định nghĩa tại khoản 1(a) Điều 4, nên cần viện dẫn ngay từ Điều 2 để bảo đảm tính thống nhất, dễ theo dõi. Đồng thời, cần hướng dẫn hoặc tiêu chí cụ thể xác định hoạt động nào được coi là “bảo vệ và phát triển rừng” nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch khi xác định hoạt động đủ điều kiện hưởng lợi. (4) “các bên” được sử dụng trong bối cảnh trao đổi tín chỉ các-bon và “lợi ích”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
V	Điều 4. Bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ			
1		Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao (CHESH)	Dự thảo Nghị định tại Điều 4 là một bất cập, cụ thể: Điều 4 chỉ quy định có 2 mục là chưa đủ tạo ra cơ chế kích thích trong logic cung và cầu, do đó khi Nghị định ra đời sẽ gây ra những bất cập và khó khăn để hình thành thị trường tín chỉ các-bon của bể rừng tự nhiên. Các bất cập chi tiết được phân tích như sau: - Nghị định chỉ sử dụng Luật Lâm nghiệp làm căn cứ để quản trị và giám sát nguyên tắc giao dịch Tín chỉ các-bon từ rừng, trong khi không soi chiếu, tương tác và căn chỉnh với luật Doanh nghiệp, luật Đầu tư và Luật Đất	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 4 Dự thảo Nghị định, đồng thời chỉnh sửa khoản 5 Điều 3 để chủ rừng hợp tác liên kết với nhà đầu tư.

		<p>đại, thì lẽ đương nhiên doanh nghiệp không có cơ sở pháp lý để thực hiện kế hoạch hành động, kế hoạch chiến lược và kế hoạch tầm nhìn của một Doanh nghiệp có triết lý và hành vi phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội và môi trường trước khi Doanh nghiệp đó quyết định phương án đầu tư, huy động vốn, lập dự án đầu tư để hợp tác và sâu sắc hơn là đồng quản trị với các loại Chủ rừng mà Doanh nghiệp đó thấy được các chỉ số thực tế cam kết dài lâu để cùng phát triển các chiến lược làm giàu bền vững rừng tự nhiên; để rừng tạo ra tín chỉ các-bon (Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thuộc tính tài nguyên các-bon của Rừng mưa nhiệt đới đặc thù ở Việt Nam phải quy đổi thành thuộc tính tài sản và đang pháp lý hóa trở thành hàng hóa thông qua tín chỉ các-bon qui đổi tương đương và lên sàn giao dịch theo logic kinh tế thị trường. Đây là tích tắc ngàn cân treo sợi tóc);</p> <p>- Quy định mục 2 sẽ không khuyến khích Bên cầu (bên mua tín chỉ Carbon) chủ động trong việc phối hợp với Chủ rừng để sáng tạo ra các hình thức hợp tác đẩy mạnh phát triển rừng, tạo ra một tương tác đồng trách nhiệm, đồng hưởng lợi (gọi là Đồng quản trị) để đảm bảo rừng tự nhiên do Chủ rừng chăm sóc, bảo vệ và giàu hóa vốn tài nguyên rừng - nguồn tạo ra khối lượng Tín chỉ các-bon lâu dài, lũy tiến và đóng góp hiệu quả kinh tế và sinh kế từ cơ chế giao dịch Tín chỉ carbon quy đổi hàng năm ổn định. Trên thực tế, có nhiều doanh nghiệp <u>khá năng động, chủ động, sáng tạo và sẽ đầu tư phát triển dự án làm giàu rừng với các chủ rừng mà Doanh nghiệp thấy trước được Chủ rừng thể hiện rõ nét tính đạo đức và triết lý phụng dưỡng Rừng không phải chỉ vì mục đích kinh tế thuần túy!</u> Tín chỉ các-bon cần được doanh nghiệp (chủ phát thải) nhận diện như là một chỉ số ân nhân từ chủ rừng đối với doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp trên nhiều quốc gia đã và đang đồng hành với chủ rừng, hiệu quả và tính ảnh hưởng tới sinh kế,</p>	
--	--	--	--

			<p><u>kinh tế, xã hội và môi trường đối với cả hai: Chủ rừng và doanh nghiệp hơn hẳn các doanh nghiệp kém sáng tạo, chỉ trông chờ phân bổ của Nhà nước.</u></p> <p>- Cần bổ sung 01 mục quy định tính pháp lý đối với các doanh nghiệp về: 1) Chiến lược đầu tư hợp tác đồng trách nhiệm với chủ rừng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư; và 2) Được phép mua bán và trao đổi tín chỉ và hạn mức thông qua cơ chế giám sát chặt chẽ của cơ quan đại diện Nhà nước đã quy định tại Điều 2. Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025. Có như vậy mới kích thích cung - cầu, tạo ra được thị trường giao dịch tín chỉ các-bon rừng tự nhiên (một loại hàng hóa đặc biệt) và sẽ thúc đẩy phong cách phát triển bền vững với không chỉ doanh nghiệp và chủ rừng mà đi đến cuối cùng là người nông dân sống trong các lưu vực rừng tự nhiên xung yếu, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý Nhà nước.</p>	
2		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	<p>Cần xem xét thay đổi tên như “đối tượng tham gia trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon rừng”. Các đối tượng tham gia cần được mở rộng, không chỉ bao gồm chủ rừng, mà còn các tổ chức, cá nhân có quyền hợp pháp về quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì việc xác định bên cung ứng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.</p>
3		Sở NN&MT tỉnh Lạng Sơn	<p>Đề nghị xem xét chủ thể các loại rừng thực hiện, cụ thể:</p> <p>- Theo Khoản 1, Điều 4, bên cung ứng dịch vụ bao gồm: “a) Chủ rừng quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp; b) Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật”</p> <p>- Theo Điều 8, Điều 9: Triển khai dự án các-bon đối với chủ rừng là rừng thuộc sở hữu toàn dân và rừng không thuộc sở hữu toàn dân.</p> <p>Như vậy, theo Luật Lâm nghiệp, diện tích rừng đang tạm giao cho UBND cấp xã quản lý, diện tích rừng người dân đang sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp (nhưng chưa được giao rừng nên chưa phải là chủ</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì việc xác định bên cung ứng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.</p>

			<p>rừng) không thuộc đối tượng để triển khai dự án các-bon rừng. Do đó, không thống nhất loại rừng giữa Khoản 1, Điều 4 với Điều 8, Điều 9.</p> <p>Ngoài ra, các nội dung ở dự thảo Nghị định có quy định đối tượng rừng theo Khoản 1, Điều 4 thuộc đối tượng rừng được phân bổ lượng đóng góp giảm phát thải khí nhà kính. Vì vậy, đề nghị xem xét, bổ sung đối tượng rừng để triển khai dự án các-bon tại Điều 8, Điều 9.</p>	
4		Tổng công ty Hàng không Việt Nam	<p>Đề nghị bổ sung thêm đối tượng thuộc bên cung ứng dịch vụ:</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, do theo Điều 8 của Nghị định có nhắc đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ đại diện bên cung ứng triển khai dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của tỉnh.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì tại khoản 5 Điều 2 đã đề cập đến nội dung này.
5		Bộ Xây dựng	Xem xét chỉnh sửa điểm a khoản 2 Điều 4 là “Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành” để phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo để phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, theo đó, các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính có nhu cầu mua tín chỉ các-bon rừng để bù trừ hạn ngạch phát thải KNK chứ không phải chỉ riêng đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp.
6		Bộ Tài chính	Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp quy định: “Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải chi trả tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”. Tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025) cũng quy định một số đối tượng thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định mở rộng thêm một số chủ thể khác sử dụng dịch vụ ngoài đối tượng nêu tại các quy	Tiếp thu, bổ sung tại Mục 3.1.4 dự thảo Tờ trình và Báo cáo thuyết minh Dự thảo Nghị định.

			định trên. Do đó, đề nghị Bộ NN&MT làm rõ về cơ sở pháp lý để mở rộng đối tượng sử dụng dịch vụ (ngoài đối tượng được quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định 06/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) tại dự thảo Nghị định.	
			Điểm a khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định Bên sử dụng dịch vụ gồm: “Cơ sở phát thải KNK được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025”. Quy định này chưa làm rõ được tính chất bắt buộc hay tự nguyện sử dụng dịch vụ đối với các đối tượng này.	Các đối tượng thuộc điểm a khoản 2 Điều 4 là đối tượng có tính chất bắt buộc mua tín chỉ để bù trừ giảm phát thải theo Nghị định 119/2025/NĐ-CP.
			Điểm b, c khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định có quy định về tổ chức, cá nhân nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Đề nghị Bộ NN&MT quy định cụ thể quy định pháp luật Việt Nam được đề cập tại điểm này là quy định pháp luật nào để có cơ sở thực hiện rõ ràng.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b, c khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định.
7		Bộ Ngoại giao	Tại điểm b khoản 2 Điều 4, đề nghị làm rõ hình thức, giá trị pháp lý của giao dịch với tổ chức, cá nhân nước ngoài là bên sử dụng dịch vụ.	Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.
8		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Tại điểm b khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung nội dung “ <i>và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên</i> ” vào cuối câu để phù hợp với quy định tại Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	Đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 2 Điều 4.
9		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị xem xét, chỉnh sửa điểm c khoản 2 là “ <i>Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh có phát thải khí nhà kính và không thuộc quy định tại điểm a khoản này, phải sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon để thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính</i> ” để phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 138 Luật Bảo vệ môi trường “ <i>Tổ chức, cá nhân phải trả</i>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo.

			tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên khi có hoạt động sản xuất, kinh doanh có phát thải khí nhà kính phải sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon của hệ sinh thái để thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính”.	
10		Tổ chức Emergent (tại văn bản thông qua email ngày 01 tháng 7 năm 2025)	Làm rõ tổ chức nước ngoài được thành lập và <u>hoạt động hợp pháp theo pháp luật nước ngoài</u> có thể là bên sử dụng dịch vụ và ký thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng theo Dự thảo Nghị định này (Điều 4.2(b) và 5.2(a) của Dự thảo Nghị định quy định rằng bên sử dụng dịch vụ có thể bao gồm “tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam”. Tuy nhiên, không có điều khoản hướng dẫn về tiêu chí xác định những gì cấu thành “hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam” của một tổ chức nước ngoài (như Emergent). Do đó, các Điều 4.2 (b) và 5.2 (a) của Dự thảo Nghị định vẫn chưa rõ ràng về việc liệu Emergent có thể là bên sử dụng dịch vụ nước ngoài được phép ký ERPA với Bộ Nông nghiệp và Môi trường hay không.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 2 Điều 4.
			Vui lòng xem xét bổ sung: “Bất kỳ hợp đồng nào mà việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được thẩm tra, xác minh theo tiêu chuẩn do một tổ chức khác ngoài Việt Nam thiết lập sẽ được điều chỉnh và chuyển giao theo Điều 9.”	
11		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Điểm b khoản 1: Một số ý kiến có thể đưa ra 2 lựa chọn, một là thông qua chính quyền cấp xã, hai là các tổ chức khác có quyền xây dựng dự án do họ đã có tư cách pháp nhân làm rất nhiều việc, bao gồm vay vốn ngân hàng.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo.
			Khoản 2: Bổ sung thêm bên sử dụng dịch vụ: xxx) Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia hoạt động đầu tư, kinh doanh tín chỉ các-bon rừng.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo.
12		CARE International	Điều 4 đã xác định chủ sở hữu rừng đủ điều kiện (bao gồm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng) và cho phép chuyển nhượng cho các pháp nhân. Tuy nhiên, hình thức pháp lý và yêu cầu đăng ký đối với các nhà	Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 2 Điều 4.

			phát triển dự án nước ngoài còn chưa rõ ràng. Để có thể hướng dẫn và thu hút với các nhà đầu tư nước ngoài, cần làm rõ một pháp nhân có phải đăng ký tại Việt Nam để hoạt động với tư cách là nhà phát triển hoặc thực hiện dự án hay không. Ngoài ra trong thực tế có nhiều tổ chức phi chính phủ và nhà phát triển dự án quốc tế đã và đang đóng góp vào quá trình hỗ trợ thị trường phát triển thì vai trò và quy định họ được làm gì và không được làm gì cần làm rõ.	
			Khoản 1a chỉ quy định các chủ rừng là bên cung ứng dịch vụ. Tuy nhiên, trong thực tế nhiều chủ rừng không có khả năng đó mà phải thông qua bên phát triển dự án do vậy khái niệm này cần được mở rộng để phản ánh thực tế của thị trường.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, đã có quy định chủ rừng có thể hợp tác liên kết tại Điều 8 dự thảo Nghị định.
			Cần quy định rõ điều kiện để người mua nước ngoài tham gia vào thị trường các bon tự nguyện có thể được phép thực hiện và thương mại tín chỉ các bon.	Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sử dụng dịch vụ đã được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Dự thảo Nghị định; Yêu cầu sử dụng dịch vụ được quy định tại khoản 2 Điều 5 Dự thảo Nghị định.
			Cũng cần quy định rõ khi nào thì các bên người mua nước ngoài được sở hữu và thương mại tín chỉ các bon, phát hành và bán theo tiêu chuẩn trong nước so với tiêu chuẩn quốc tế.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Khoản 2b. Cần chỉ rõ Tổ chức, cá nhân nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam là Quy định nào.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 2 Điều 4.
13		UNEP	Điều 4(1), (2) sử dụng thuật ngữ “bao gồm” trong danh mục minh họa, làm chưa rõ danh mục này là liệt kê đầy đủ hay chỉ có tính ví dụ. Cần sửa đổi cách diễn đạt để thể hiện rõ danh mục là đóng (đầy đủ) hay mở (minh họa), đồng thời chỉ ra các đối tượng khác có thể thuộc diện điều chỉnh.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
VI	Điều 5. Điều kiện cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng			

1		UBND tỉnh Lào Cai	<p>Đề nghị bổ sung quy định rõ: Dự án các-bon là loại hình dự án gì, trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án các-bon.</p>	<p>- Dự án các-bon rừng đã được định nghĩa tại khoản 7 Điều 2 Dự thảo Nghị định.</p> <p>- Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án các-bon rừng thực hiện theo quy định tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP.</p>
2		Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân văn vùng cao (CHESH)	<p>Trung tâm CHESH xin được góp ý và làm rõ tính thực tế của mục d này như sau:</p> <p>Mục d điểm 1, Điều 5 chưa thống nhất với Điều 2, Điểm 2, Giải thích thuật ngữ. Cụ thể: Điểm 2 của Điều 2 tại Nghị định này viết: “Tín chỉ các-bon rừng là tín chỉ các-bon do Bộ Nông nghiệp và Môi trường <u>hoặc Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế cấp cho kết quả giảm phát thải từ rừng</u>”.</p> <p>Trong khi Mục d, Điểm 1, Điều 5 viết như sau: “Chỉ được trao đổi chuyên nhượng khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định lượng kết quả giảm phát thải”?!. Trong trường hợp này, khi chủ rừng đã có tính pháp lý Quốc tế rồi sẽ xử lý ra sao trong nguyên tắc sòng phẳng và minh bạch và hài hòa giữa các chủ thể tham gia giao dịch Tín chỉ các-bon rừng tự nhiên?!</p> <p>Do vậy, Trung tâm CHESH xin được góp ý và viết lại điểm d thuộc khoản 1, Điều 5 của Nghị định như sau:</p> <p><i><u>Mục d. Khi các điều kiện kỹ thuật và pháp lý được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam hoặc một pháp nhân Quốc tế độc lập công nhận đủ điều kiện lên sàn, Chủ rừng hoàn toàn đủ tư cách pháp nhân và điều kiện pháp lý trong nước và quốc tế để đây tín chỉ các-bon rừng tự nhiên của họ lên sàn giao dịch và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế của một Chủ rừng được bổ sung tại bản góp ý này ở điểm 4, Điều 3 bản góp ý tờ trình dự thảo này của Trung tâm CHESH!</u></i></p>	<p>Đã chỉnh sửa, bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 5. Nghị định này chỉ quy định về lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được trao đổi, chuyển nhượng.</p>

3		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Tại điểm c khoản 1, đề nghị xem xét bổ sung như sau: “Việc cung ứng dịch vụ phải được thực hiện thông qua hợp đồng hoặc thực hiện trên sàn giao dịch các-bon trong nước”.	Tiếp thu, sửa điểm c khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định.
			Tại điểm d khoản 1, đề nghị xem xét, chỉnh sửa theo hướng: “Chỉ được trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng sau khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định nhận lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng theo quy định của pháp luật.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa điểm d khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định.
4		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị xem xét làm rõ nội hàm cụ thể triển khai dự án các- bon rừng theo quy định của pháp luật tại điểm a khoản 1 vì hiện nay chưa có quy định pháp luật về dự án các-bon rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
5		Bộ Tài chính	Tại điểm d khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định bên cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng phải đáp ứng điều kiện: “Chỉ được trao đổi, chuyển nhượng lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng theo quy định pháp luật”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa quy định về trình tự, thủ tục đối với nội dung nêu trên. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, bổ sung quy định về trình tự thủ tục xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 12 Dự thảo Nghị định.
6		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Điểm d khoản 1 Điều 5 “Chỉ được trao đổi, chuyển nhượng lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng theo quy định pháp luật”. Nội dung này cần tham chiếu với quy định của Nghị định 119/2025/NĐ-CP để làm rõ cơ quan có thẩm quyền.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm d khoản 1 Điều 5

7		Bộ Công an	Tại Điểm c khoản 1 Điều 5 đề nghị sửa “Việc cung ứng dịch vụ phải thông qua hợp đồng hoặc thực hiện trên sàn giao dịch các-bon trong nước” thành “Việc cung ứng dịch vụ phải thông qua hợp đồng và thực hiện trên sàn giao dịch các-bon trong nước” để đảm bảo tính công khai, minh bạch, thống nhất trong cung ứng dịch vụ.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì chỉ lựa chọn thực hiện 1 trong 2 hình thức.
8		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định: Đề nghị xem xét, bổ sung thêm nội dung điều kiện đáp ứng đối với bên sử dụng dịch vụ “ <i>Cơ sở phát thải khí nhà kính</i> ” theo quy định tại khoản 7 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đó là: Cơ sở phát thải khí nhà kính tham gia thị trường các-bon trong nước thực hiện trao đổi, đầu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ các-bon; thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì quy định tại khoản 7 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là thể hiện bên sử dụng dịch vụ chứ không phải là điều kiện.
9		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Tại điểm b khoản 2, cơ quan chủ trì xem xét chỉnh sửa lại như sau: “b) Thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng hoặc tuân thủ quy định của sàn giao dịch các-bon trong nước”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
10		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Bổ sung điều kiện về “Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án các-bon (bao gồm các biện pháp can thiệp, đo đạc, giám sát, biện pháp ngăn ngừa rủi ro đảo nghịch, đảm bảo an toàn môi trường – xã hội - thực hiện theo TCVN các-bon rừng (đang được biên soạn).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung này đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định.
11		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Điểm c khoản 1: Việc cung ứng dịch vụ phải thông qua hợp đồng được ký giữa bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Điểm d khoản 1: Chỉ được chuyển nhượng lượng tín chỉ các-bon của rừng sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng theo quy định pháp luật.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng được quy định tại Điều 12 Nghị định.

			Đề nghị quy định rõ: Bộ NN&MT cấp tín chỉ các-bon rừng, bổ sung quy định để tín chỉ các-bon rừng được trao đổi, bù trừ trên sàn giao dịch; tín chỉ các bon rừng được chuyển nhượng thông qua cung ứng dịch vụ,	
12	UBND thành phố Đà Nẵng		Tại khoản a: Đề nghị sửa cụm từ “Triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của pháp luật” thành cụm từ “Triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế”	Tiếp thu, đã chỉnh sửa điểm a khoản 1 Điều 5.
			Tại khoản c: Trong các nội dung điều chỉnh của Nghị định bao gồm cả tiêu chuẩn các-bon trong nước và quốc tế, thị trường trong nước và quốc tế, nhưng tại khoản c điều này lại chỉ quy định sản giao dịch trong nước. Để đảm bảo tính nhất quán, cần xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
13	Bộ Tư pháp		Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về điều kiện cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, tuy nhiên vẫn còn chung chung, có thể dẫn đến khó áp dụng trên thực tiễn. Bên cạnh đó, theo Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020, “ <i>Điều kiện đầu tư kinh doanh phải được quy định phù hợp với lý do quy định tại khoản 1 Điều này và phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư</i> ” (Điều 4) và quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh phải có các nội dung như đối tượng, phạm vi áp dụng, hình thức áp dụng, nội dung điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục hành chính để tuân thủ điều kiện (Điều 5). Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xác định rõ, đầy đủ các điều kiện hoặc viện dẫn chính xác, rõ ràng đến các văn bản pháp luật quy định các điều kiện mà bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ cần đáp ứng, đảm bảo tính khả thi, thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch, khách quan, chi phí tuân thủ thấp, dễ thực hiện trên thực tế. Ví dụ: - Điểm a, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 quy định bên cung ứng dịch vụ đáp ứng điều kiện về: (i)	Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại Điều 5 để quy định rõ yêu cầu chung của bên cung ứng và bên sử dụng. Các yêu cầu cụ thể được quy định chi tiết tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 dự thảo Nghị định.

			<p>triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của pháp luật; (ii) thực hiện nghĩa vụ đóng góp kết quả giảm phát thải và các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; (iii) hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đề nghị làm rõ các điều kiện được quy định tại điều khoản, văn bản pháp luật nào? Trường hợp các văn bản pháp luật có liên quan chưa quy định, đề nghị nghiên cứu, bổ sung đầy đủ các điều kiện pháp lý cụ thể. Ví dụ: làm rõ cơ chế xác định thế nào là dự án các-bon rừng; xác định giai đoạn nào được coi là đã “triển khai” dự án; xác định nghĩa vụ đóng góp kết quả giảm phát thải (tỉ lệ bao nhiêu % kết quả giảm phát thải phải đóng góp? cách tính và căn cứ pháp lý áp dụng?); xác định nghĩa vụ tài chính bao gồm các loại nghĩa vụ nào, được thực hiện tại giai đoạn nào và được điều chỉnh bởi quy định pháp luật nào?...</p> <p>- Điểm a khoản 2 Điều 5 quy định bên sử dụng dịch vụ đáp ứng điều kiện về hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đề nghị làm rõ điều kiện pháp lý cụ thể là gì, ví dụ: (i) có cần giấy phép không? do cơ quan có thẩm quyền nào cấp?; (ii) có cần đáp ứng năng lực về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện liên quan đến lĩnh vực môi trường, lâm nghiệp... không? theo quy định pháp luật nào?</p>	
14		CARE International	Khoản 1a. Đề xuất bổ sung: Triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế	Tiếp thu, đã chỉnh sửa điểm a khoản 1 Điều 5.
			Khoản 1b, cần làm rõ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật nào, khi tham gia vào thương mại các bon rừng có phải nộp thuế không? Đặc biệt là các nghĩa vụ đóng góp cả về giảm phát thải và tài chính mà các doanh nghiệp nước ngoài phải tuân thủ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Khoản 1c. Cần làm rõ khung hướng dẫn các thỏa thuận hợp đồng và hệ thống lưu giữ báo cáo các hợp đồng này để nhà nước có thể theo dõi. Ngoài ra ngay cả khi thực	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, được quy định tại Điều 14 dự thảo Nghị định.

			hiện giao dịch trên sàn giao dịch thì người mua và người bán vẫn cần có hợp đồng mua bán – do vậy có cần giải thích rõ hơn về vấn đề này. Có thể làm rõ hơn rằng hợp đồng đối với các dự án hướng tới thị trường tự nguyện còn giao dịch trên sàn trong nước là các hợp đồng cho thị trường trong nước	
			Khoản 1c. Trong các phần khác của Nghị định ghi nhận cả tiêu chuẩn các bon trong nước và quốc tế, và thị trường trong nước và quốc tế, nhưng trong mục này lại chỉ ghi nhận sàn giao dịch trong nước. Để đảm bảo tính nhất quán, cần công nhận cả giao dịch trong nước và nước ngoài. Cần bổ sung cung ứng theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Khoản 1c. Cần đảm bảo rằng bên cung ứng dịch vụ có khả năng xây dựng và thực hiện hệ thống theo dõi, giám sát và thẩm định dựa trên một phương pháp đã được thông qua và việc cung cấp dịch vụ cô lập và lưu trữ carbon từ rừng phải đảm bảo tính bổ sung, không gây tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội hoặc quyền và lợi ích của cộng đồng địa phương, đồng thời góp phần vào tính toàn vẹn của môi trường và phát triển bền vững. Đề xuất ghi rõ việc đăng ký với Hệ thống đăng ký quốc gia (Nghị định 119/2005)	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Khoản 1d. Nếu các dự án đã được các tiêu chuẩn các bon quốc tế thì liệu có cần Cơ quan nhà nước xác định lại nữa không? Việc tiến hành 2 cơ chế xác định có thể khiến chi phí giao dịch của dự án này cao lên khiến các bên đầu tư lo ngại. Cần làm rõ theo đúng quy định pháp luật là những quy định nào. Ngoài ra cần làm rõ <u><i>Chỉ được trao đổi, chuyển nhượng lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền XÁC MINH VÀ BAN HÀNH kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng theo quy định pháp luật.</i></u>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Điểm d khoản 1 là xác định lượng giảm phát thải, tín chỉ các-bon được cung ứng không phải được cấp theo tiêu chuẩn áp dụng.

			Khoản 2. cần làm rõ bao gồm cả bên sử dụng dịch vụ trong nước và quốc tế.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Khoản 2b. Nếu các dự án đã được tiêu chuẩn các bon quốc tế công nhận thì phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, được quy định cụ thể tại Điều 14 dự thảo Nghị định.
			Khoản 2c. Cần làm rõ các nghĩa vụ tài chính này là gì, theo quy định nào.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
15		UNEP	Tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định việc trao đổi tín chỉ các-bon được thực hiện trên Sàn giao dịch các-bon (CTX), bao gồm cả tín chỉ các-bon từ lĩnh vực lâm nghiệp; đồng thời khoản 1(c) Điều 17 quy định việc vận hành thử nghiệm Sàn giao dịch các-bon từ năm 2025. Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định chưa có quy định cụ thể nhắc đến hoặc cũng cố vai trò của Sàn giao dịch này trong việc mua bán tín chỉ các-bon từ rừng. Tương tự, Quyết định số 232/QĐ-TTg quy định việc tổ chức giao dịch trong nước do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện. Dự thảo Nghị định hiện chỉ sử dụng thuật ngữ “sàn giao dịch” tại khoản 4 Điều 2 hoặc “sàn giao dịch các-bon trong nước” tại điểm c khoản 1 Điều 5, mà chưa có dẫn chiếu cụ thể đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc CTX. Việc thiếu quy định rõ ràng có thể dẫn đến khó khăn trong việc xác định nền tảng giao dịch chính thức và cơ chế báo cáo tuân thủ, làm giảm tính thống nhất trong quản lý.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Khoản 2 Điều 5 quy định các điều kiện đối với “bên sử dụng dịch vụ”. Tuy nhiên, trong các điều kiện được nêu, không có quy định cụ thể về việc tuân thủ các yêu cầu bảo đảm xã hội và môi trường. Đây là nền tảng quan trọng cho quản trị môi trường hiệu quả và cần được coi là điều kiện tiên quyết để phê duyệt các hoạt động theo Nghị định. Nghị định cần quy định rõ các yêu cầu này, tham chiếu đến thực tiễn quốc tế và nêu cụ thể trách nhiệm đối với các bên sử dụng dịch vụ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, các yêu cầu này đã được quy định theo tiêu chuẩn các-bon áp dụng.
VII	Điều 6. Hình thức chi trả			

1		Sở NNMT tỉnh Tuyên Quang	<p>Về nội dung “Hình thức chi trả” tại Điều 6 (trang 3) dự thảo Nghị định, đề nghị xem xét, bổ sung hình thức hợp tác đầu tư phát triển rừng với mục đích hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.</p> <p>Lý do: Để thu hút các doanh nghiệp đầu tư, hợp tác đầu tư phát triển rừng với mục đích hấp thụ các-bon, bảo vệ môi trường sinh thái để trung hòa các-bon hướng đến Net Zero của doanh nghiệp.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì đây là hình thức chi trả tiên cho các đối tượng tham gia vào dự án các-bon rừng; còn hình thức hợp tác đầu tư phát triển rừng với mục đích hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng đã được quy định tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định.
2		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	<p>Khoản 1: 1. Chi trả trực tiếp</p> <p>a) Bên sử dụng dịch vụ trả tiền trực tiếp cho bên cung ứng dịch vụ theo hợp đồng chuyển nhượng dịch vụ cung ứng tín chỉ các-bon rừng.</p> <p>b) Bên mua tín chỉ các-bon rừng trả tiền trực tiếp cho tổ chức, cá nhân sở là chủ sở hữu tín chỉ các-bon của rừng theo cơ chế vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước.</p>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo tại khoản 1 Điều 6 đã bao gồm 2 nội dung của việc chi trả trực tiếp theo hợp đồng và trên sàn giao dịch.
3		UBND thành phố Đà Nẵng	<p>Tại khoản 2 Điều 6 quy định về hình thức chi trả gián tiếp: “Bên sử dụng dịch vụ trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ dịch vụ ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng...”. Tuy nhiên, trong bối cảnh đang tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp, vừa sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh nên một số địa phương có thể sẽ sắp xếp lại các quỹ tài chính ngoài ngân sách; qua đó, tên một số Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng có thể thay đổi. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh cho phù hợp.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý chỉnh sửa tại điểm a khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh hoặc đơn vị thực hiện nhiệm vụ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.
4		Bộ Tư pháp	<p>Khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định hình thức chi trả gián tiếp như sau: “<i>Bên sử dụng dịch vụ trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng theo hợp đồng giữa đại diện bên cung ứng là cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 và điểm b, điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này với bên sử dụng dịch vụ</i>”. Trong khi đó, khoản 2 Điều 58 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định.

			CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP) quy định: “ <i>Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp áp dụng trong trường hợp bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng không thỏa thuận được hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hình thức chi trả trực tiếp</i> ”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định về chi trả gián tiếp trong trường hợp bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ không thỏa thuận được hợp đồng chi trả dịch vụ theo hình thức chi trả trực tiếp để thống nhất, phù hợp với Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP).	
5		CARE International	Cần làm rõ hợp đồng với các người mua quốc tế như thế nào.	Đã được quy định tại Điều 14 dự thảo Nghị định.
			Làm rõ nghĩa vụ thuế và chi trả bằng ngoại tệ đối với các khoản thanh toán từ người mua quốc tế.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Xác nhận tính khả thi về mặt pháp lý của các thỏa thuận mua bán giảm phát thải đối với luật pháp Việt Nam. Nếu các thỏa thuận này đề cập tới việc chủ rừng chuyển giao quyền sử dụng và sở hữu tín chỉ thì có được công nhận trong hệ thống pháp lý của Việt Nam để từ đó họ có thể bán lại cho bên khác không?	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Chỉ rõ liệu khoản đầu tư trả trước từ người mua tư nhân có được phép hay không và cách thức bảo vệ khoản đầu tư này.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Theo Dự thảo Nghị định, sẽ có 3 hình thức mua bán, trao đổi tín chỉ carbon rừng thông qua (i) Hợp đồng trực tiếp, (ii) sàn giao dịch các bon (vẫn phải qua cơ chế hợp đồng); và (iii) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên chưa rõ 3 hệ thống này sẽ được kết nối và quản lý thế nào để đảm bảo hệ thống quản lý quốc gia không chồng chéo, phức tạp trong quản lý tín chỉ các bon rừng, giảm	Nghị định này quy định 02 hình thức trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng tại Điều 14 Dự thảo Nghị định

			tính minh bạch, gây khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc tín chỉ.	
			Cần lưu ý rằng hiện nay tại một số tỉnh như Lào Cai, đã sáp nhập Quỹ Bảo vệ Môi trường và Quỹ bảo vệ Phát triển rừng nên Nghị định cần cập nhật với tình hình mới.	Tiếp thu
		UNEP	Điều 6(2) viện dẫn “Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng” nhưng chưa nêu rõ cơ sở pháp lý thành lập theo văn bản nào.	Tiếp thu
VIII	Điều 7. Mức chi trả			
1		Bộ Công thương	<p>Đề nghị sửa khoản 1 như sau: “1. <i>Mức chi trả là giá trao đổi, chuyển nhượng 01 tấn CO₂ hoặc 01 tấn CO₂ tương đương hoặc 01 tín chỉ các-bon rừng, được tính bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác</i>”.</p> <p>Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về tần suất và thời điểm cập nhật bảng giá (định kỳ hằng năm hoặc khi có biến động lớn về giá trên sàn giao dịch các-bon trong nước) để đảm bảo giá dịch vụ phù hợp với thực tế và tăng tính minh bạch.</p> <p>Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc tổ chức đấu giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định.</p> <p>Tiếp thu quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định.</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì dự thảo Nghị định không quy định tổ chức đấu giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.</p>
2		Bộ Tài chính	Tại dự thảo Nghị định chưa có quy định rõ ràng về việc quy đổi tín chỉ các-bon sang 1 tấn các-bon dioxide (CO ₂). Ngoài ra, Luật bảo vệ môi trường định nghĩa: “Tín chỉ các-bon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí carbon dioxide (CO ₂) hoặc một tấn khí carbon dioxide (CO ₂) tương đương”. Do đó, đề nghị Bộ NN&MT quy định rõ việc quy đổi tín chỉ các-bon sang carbon dioxide và bổ sung thuật ngữ “một tấn khí carbon dioxide (CO ₂) tương đương” tại điều khoản này để đảm bảo chính xác.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định.

3		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Đề nghị xem xét chỉnh sửa như sau: “Mức chi trả là giá trao đổi, chuyển nhượng đối với 01 tấn các-bon dioxide (CO ₂) hoặc 01 tấn chỉ các-bon rừng, được tính bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác theo quy định của pháp luật.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định.
4		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định thẩm quyền quy định phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (điểm a khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định) bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền.</p> <p>Theo dự thảo Nghị định: “Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định hiện hành của pháp luật, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đều liên quan, chưa có quy định rõ Bộ nào chủ trì xây dựng phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ các-bon rừng (Theo khoản 3 Điều 90 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định phương pháp định giá rừng; khung giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân)</p>	Tiếp thu, phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định. Phương pháp này chỉ áp dụng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân, các tín chỉ các-bon do tổ chức, cá nhân sở hữu thì họ có quyền đưa ra giá sàn, không cần Nhà nước can thiệp.
5		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa như sau: “Việc xác định mức chi trả đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng thuộc sở hữu toàn dân được thực hiện như sau:”.</p> <p>Tại điểm b khoản 2, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc chỉnh sửa lại như sau: “b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ phương pháp định giá nêu tại điểm a khoản này để ban hành bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với diện tích rừng do địa phương quản lý. trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường”</p>	<p>Tiếp thu, phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo Nghị định.</p> <p>Tiếp thu, phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo Nghị định.</p>

			<p>Tại điểm c khoản 2, cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét chỉnh sửa theo hướng: “c) Mức giá quy định tại điểm b khoản này là căn cứ để xác định giá khởi điểm khi đầu giá hoặc khi niêm yết trên sàn giao dịch các-bon trong nước trước khi ký hợp đồng theo quy định của pháp luật. Trường hợp kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng thuộc phạm vi từ hai tỉnh trở lên, giá khởi điểm được xác định theo mức giá cao nhất trong các bảng giá do Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan ban hành. Trường hợp chưa có phương pháp định giá hoặc bảng giá, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đàm phán, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định mức giá cụ thể”.</p>	
6	Bộ Tài chính	<p>Điểm c khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định: “Giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng làm căn cứ xác định giá khởi điểm trên sàn giao dịch các-bon trong nước”. Dự thảo Nghị định về sàn giao dịch các-bon đang được xây dựng theo hướng hình thức giao dịch trên sàn là hình thức thỏa thuận. Do đó, đề nghị Bộ NN&MT làm rõ cơ sở pháp lý của việc quy định như trên.</p>	<p>Tiếp thu, phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm. Giá khởi điểm là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.</p>	
		<p>Khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định: “Trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng thuộc phạm vi 2 tỉnh/thành phố trở lên, giá khởi điểm là giá cao nhất từ các bảng giá do UBND các tỉnh, thành phố ban hành”. Đề nghị Bộ NN&MT làm rõ quy định này có dẫn tới việc các bên cung ứng đầy giá nhằm bán được giá cao hay không?</p>	<p>Tiếp thu, phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo Nghị.</p>	
		<p>Điều 7 được tách ra làm 02 trường hợp để xác định giá trao đổi, chuyển nhượng. Theo đó, rừng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được khuyến khích áp dụng theo khoản 2 Điều 7 để định giá. Quy định này dẫn đến việc định giá không được</p>	<p>Dự thảo Nghị định chỉ điều chỉnh đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước quản lý, còn rừng thuộc sở hữu của của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân,</p>	

			quản lý, kiểm soát chặt chẽ. Đề nghị Bộ NN&MT xem xét, điều chỉnh.	cộng đồng dân cư được khuyến khích áp dụng.
7		Cục Biến đổi khí hậu	Rà soát kỹ quy định Luật Giá năm 2023 để đề xuất quy định cơ quan quy định phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng tại điểm a khoản 2.	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo Nghị định
			Cân nhắc chỉ quy định “Trường hợp chưa có quy định phương pháp định giá và bảng giá, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đàm phán, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định mức giá cụ thể” tại điểm c khoản 2 khi thực hiện trao đổi, chuyển nhượng quốc tế. Đối với trao đổi, chuyển nhượng trong nước đề nghị quy định UBND cấp tỉnh tự quyết.	Tiếp thu, phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm. Giá khởi điểm là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
8		UBND tỉnh Nghệ An	<p>Đề nghị điều chỉnh bổ sung các điểm a, b khoản 2 Điều 7: <i>“a. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp định giá và ban hành khung giá tham chiếu đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng phát sinh từ rừng thuộc sở hữu toàn dân. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng khung giá này để làm căn cứ xây dựng bảng giá đối với rừng do địa phương quản lý.”</i></p> <p>Lý do: Việc định giá trao đổi, chuyển nhượng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân đặc biệt là đối với rừng tự nhiên (đối tượng chủ yếu của rừng thuộc sở hữu toàn dân); nên để mỗi tỉnh ban hành một bản giá riêng cho cùng một loại dịch vụ phát sinh từ cùng một loại rừng dẫn đến tình trạng thiếu nhất quán. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp định giá và ban hành khung giá tham chiếu, để UBND cấp tỉnh xây dựng bản giá đảm bảo phù hợp với thực tiễn mỗi địa phương và hạn chế chênh lệch giữa các tỉnh, thành trong cả nước.</p>	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm. Giá khởi điểm là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

9		Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	Khoản 2b: Quy định về bảng giá do UBND cấp tỉnh ban hành kèm hướng dẫn cụ thể về thời gian cập nhật (ví dụ: hàng năm hoặc 2 năm/lần) để phù hợp với biến động thị trường.	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
10		UBND tỉnh Sơn La	Điểm b khoản 2 Điều 7 quy định: UBND cấp tỉnh ban hành bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với rừng do địa phương quản lý trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.” Tại khoản 3, Điều 7 quy định: “Khuyến khích áp dụng quy định xác định giá tại khoản 2 Điều này để định giá các-bon đối với rừng sản xuất là rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Lâm nghiệp. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết và quy định cụ thể về phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
11		Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Kiến nghị bổ sung cơ chế giá tham chiếu linh hoạt, có thể gắn với giá thị trường quốc tế (VD: Voluntary Carbon Market, Gold standard)	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
12		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Điểm a khoản 2 Điều 7 “Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”. Thực tế không khả thi. Giá sản phẩm đối với các đối tượng rừng và theo khu vực nên được xác định và công bố bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn

			<p>đảm bảo chi phí cơ bản theo định mức về trồng, phục hồi, quản lý, bảo vệ rừng theo khu vực cho các đối tượng chủ rừng. Dựa trên giá sàn do Bộ NN và MT quy định, các địa phương quyết định mức giá giao dịch để bù trừ các chi phí khác ngoài chi chí cơ bản trong giá sàn. Việc trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon sẽ thực hiện trên sàn giao dịch các-bon trong nước và quốc tế, theo đó giá tín chỉ các-bon sẽ chịu ảnh hưởng bởi cung và cầu, do thị trường quyết định.</p> <p>Tương tự, các điểm b) và c) Khoản 2 Điều 7 cũng cần xem xét để đảm bảo tính khả thi và tuân theo nguyên tắc “thị trường”.</p>	cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
13		Bộ Công thương	<p>Đề nghị sửa khoản 3 như sau: “3. <i>Khuyến khích áp dụng quy định xác định giá tại khoản 2 Điều này để định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Lâm nghiệp</i>”.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định.
14		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét chỉnh sửa lại theo hướng: “Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng áp dụng phương pháp định giá quy định tại khoản 2 Điều này để xác định mức giá trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Lâm nghiệp”.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định.
15		Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	<p>Điều 7 (Mức chi trả): Cần bổ sung cơ chế điều chỉnh giá linh hoạt theo thị trường quốc tế, tránh trường hợp giá cố định không phản ánh đúng giá trị tín chỉ các-bon.</p>	Tiếp thu, phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo Nghị định.
16		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	<p>Tại Điều 7 dự thảo Nghị định: Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về mức giá tối thiểu.</p>	Tiếp thu, đã được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định.
17		Viện Chiến lược, Chính sách nông	<p>Giá sàn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận và quy định, tuy nhiên, giá</p>	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của

		ngành và môi trường	giao dịch cuối cùng sẽ được xác định thông qua các cơ chế theo thị trường (thị trường các-bon tự nguyện, các-bon bắt buộc), bao gồm đầu giá trao đổi trong nước hoặc các thỏa thuận song phương, để phản ánh chất lượng tín chỉ các-bon rừng (tiêu chuẩn các-bon khác nhau) và nhu cầu của bên mua. Đề nghị bổ sung thêm Mục này để đảm bảo đầy đủ hơn.	rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
18		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị xem xét bổ sung quy định về yêu cầu mức chi trả tín chỉ các-bon rừng thống nhất đối với từng loại rừng thuộc vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài-sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và chất lượng của hệ sinh thái rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
19		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Khoản 1. Mức chi trả là giá chuyển nhượng 1 tấn các-bon dioxide (CO ₂) hoặc 1 tín chỉ các-bon của rừng, được tính bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác chỉ áp dụng trong chuyển nhượng tín chỉ các-bon của rừng thông qua cung ứng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 2.	
			Bổ sung thêm 1 khoản: xxx. Đối với trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon rừng thông qua sàn giao dịch các-bon thì áp dụng giá 1 tấn các-bon dioxide (CO ₂) hoặc 1 tín chỉ các-bon của rừng theo giá thị trường.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Khoản 2. Việc xác định giá chuyển nhượng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân được quy định như sau:	
			Điểm a, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp định giá chuyển nhượng theo cơ chế cung ứng dịch vụ của 1 tấn các-bon dioxide (CO ₂) hoặc 1 tín chỉ các-bon của rừng	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên

				sản giao dịch các-bon trong nước.
			Bỏ điểm c	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Bỏ khoản 3	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
20		Sở NN&MT TP. Hồ Chí Minh	Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung quy định về cơ chế cập nhật, điều chỉnh bảng giá định kỳ (ví dụ: 06 tháng hoặc 01 năm một lần). Việc quy định rõ về thời gian và phương pháp điều chỉnh sẽ đảm bảo bảng giá luôn phản ánh đúng thực tiễn thị trường, tránh tình trạng giá khởi điểm trở nên lạc hậu, qua đó tăng tính minh bạch, linh hoạt và hấp dẫn của thị trường các-bon rừng.	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sản giao dịch các-bon trong nước.
21		Bộ Tư pháp	Khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định: “ <i>Mức chi trả là giá trao đổi, chuyển nhượng 1 tấn các-bon dioxide (CO₂) hoặc 1 tín chỉ các-bon rừng, được tính bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác</i> ”. Theo quy định hạn chế sử dụng ngoại hối (Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2013), “ <i>Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i> ”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ điều kiện, trường hợp nào được sử dụng ngoại tệ khác? ngoại tệ theo quy định pháp luật nào? đồng thời, làm rõ cơ chế quản lý đối với việc chuyển đổi ngoại tệ, kiểm tra, giám sát, báo cáo... của các chủ thể có liên quan khi thực hiện dịch vụ; đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về giá, ngoại hối và pháp luật khác liên quan.	Tiếp thu, đã sửa tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định.

22		Bộ Khoa học và Công nghệ	Xác định giá đối với giao dịch vượt 2 tỉnh/thành phố (khoản 2, đoạn cuối): Việc Bộ NN&MT đàm phán và báo cáo Thủ tướng quyết định mức giá cụ thể trong trường hợp chưa có phương pháp định giá và bảng giá có thể gây chậm trễ và chưa thực sự phản ánh cơ chế thị trường. Đề nghị cần đẩy nhanh việc xây dựng phương pháp định giá và bảng giá chi tiết để tạo khung pháp lý rõ ràng cho các giao dịch.	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
23		Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ NN&MT	Điều 7: Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung về "các nguyên tắc định giá các-bon rừng"	Tiếp thu, đã bổ sung tại khoản 2 Điều 7 Dự thảo Nghị định
24		CARE International	<p>Cần làm rõ mức chi trả trong 2 trường hợp thương mại khác nhau: thương mại đối với thị trường trong nước và thương mại đối với thị trường nước ngoài</p> <p>Đối với thị trường trong nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thị trường các bon và giá các bon rừng luôn có tính biến động cao, do vậy cần cân nhắc về thời gian áp dụng mức giá chỉ trong một thời gian nhất định (2-5 năm) sau đó cập nhật tình hình giá cả mới để áp dụng giá mới thể hiện giá thực của thị trường. - Tuy các tỉnh có quyền cung cấp bảng giá cung cấp dịch vụ phù hợp với địa phương mình nhưng cần có giá sàn chung cho cả nước để đảm bảo sản phẩm không bị bán phá giá. - Đối với Khoản 2c. Mỗi UBND tỉnh ban hành một bảng giá dịch vụ sẽ gây ảnh hưởng đến việc quản lý thị trường các bon trong nước. Việc cố định giá bán sẽ hạn chế tính cạnh tranh giữa các dự án và kìm hãm tiềm năng giá của tín chỉ các bon rừng có thể được nâng cao trên thị trường, do vậy chỉ nên xây dựng giá sàn thay vì quy định mức chi trả cụ thể và giá tín chỉ các bon cần tuân thủ nguyên tắc thị trường. 	Phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định cụ thể tại Điều 7 Dự thảo Nghị định để xác định giá khởi điểm, là căn cứ để đàm phán, ký hợp đồng hoặc bán tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.
			Đối với thị trường nước ngoài:	

			<p>- Thị trường nước ngoài sẽ quyết định giá bán thị trường và về nguyên tắc các dự án sẽ cạnh tranh lẫn nhau để có thể có mức chi trả cao hơn.</p> <p>- Ngoài ra cần làm rõ khi các nhà đầu tư và người mua dự án trên thị trường quốc tế tự nguyện thì có cần phải tuân theo mức giá mà UBND tỉnh đề ra hay không hay chỉ dùng mức đó để tham khảo.</p> <p>- Khoản 2b. Trên thực tế, sẽ rất khó để UBND tỉnh đưa ra một bảng giá vì mức giá chung của một tín chỉ các bon rừng vì giá chính xác phụ thuộc vào quy mô, tính phức tạp, lợi ích xã hội và môi trường của chúng. Một dự án độ cạnh quy mô lớn sẽ có bảng giá các bon rẻ hơn nhiều so với một dự án quy mô nhỏ, có sự tham gia cộng đồng và hướng tới bảo tồn đa dạng sinh học. Hơn nữa, giá của một tín chỉ các bon rừng tạo ra ở rừng giàu tự nhiên sẽ cao hơn rất nhiều so với rừng trồng nghèo kiệt. Để đảm bảo xác định đúng và đủ giá trị thực, cần có nhiều mức giá thể hiện giá trị của các loại tín chỉ khác nhau. Việc đưa ra các mức giá khác nhau nhấn mạnh vào các loại tín chỉ chất lượng cao, hướng tới đa dạng sinh học, có sự tham gia tích cực của cộng đồng sẽ là động lực để các nhà đầu tư tập trung đầu tư vào lĩnh vực này.</p> <p>- Việc định giá cũng cần thể hiện rõ mức sẵn lòng cung cấp dịch vụ của các chủ rừng để đảm bảo rằng số tiền nhận được xứng đáng với công sức các chủ rừng và người cung ứng dịch vụ đã bỏ ra đầu tư. Chính vì vậy, các đơn vị định giá dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon rừng cần đảm bảo phương pháp định giá và bảng giá được hình thành sau khi đã tham vấn với cộng đồng và lấy được góp ý của cả nam giới và nữ giới người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số tại địa phương.</p>	
25		UNEP	Điều 7 về “mức chi trả” cần được làm rõ khái niệm, định nghĩa và giải thích đối tượng, mục đích chi trả	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 1 Điều 7
IX	Điều 8. Triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước			

1		Bộ Công thương	<p>Đề nghị sửa điểm b khoản 1 như sau: <i>“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện bên cung ứng triển khai dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của tỉnh/thành phố”.</i></p>	Tiếp thu, chỉnh sửa điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định.
2		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	<p>Khoản 1 Điều 8 khá thiên về nhà nước quản lý. Điều này không đảm bảo nguyên tắc xã hội hóa để tạo nguồn lực cho thực hiện dự án các-bon. Quy định như dự thảo sẽ không tạo ra động lực để khối tư nhân có thể tham gia và nếu họ tham gia cần làm rõ quyền lợi của họ. Thực tế cho thấy, Chủ rừng Nhà nước khó có thể chủ động thực hiện dự án các-bon do nguồn lực tài chính và con người rất hạn chế.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo Nghị định, việc hợp tác liên kết được quy định tại khoản 5 Điều 3.
3		Sở NN&MT tỉnh Tuyên Quang	<p>Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung về Quy định <i>“Chủ rừng là tổ chức; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuê đơn vị tư vấn hoặc hợp tác liên kết để xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng trong trường hợp không tự triển khai dự án các-bon rừng”.</i></p> <p>Lý do góp ý như sau: Việc triển khai dự án các-bon rừng đòi hỏi trình độ chuyên môn rất cao, nhiều bước công việc phức tạp và cần kinh phí lớn để thực hiện, do đó trên thực tế thì không phải tất cả chủ rừng là tổ chức hoặc tất cả các địa phương cấp tỉnh nào cũng có đủ năng lực để thực hiện. Vì vậy, việc quy định chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuê đơn vị tư vấn hoặc liên kết với nhà đầu tư có đủ năng lực để thực hiện dự án nhằm giải quyết vấn đề nêu trên.</p>	Tiếp thu, đã bổ sung tại khoản 5 Điều 3 và Điều 8 Dự thảo Nghị định.
4		UBND tỉnh Lào Cai	<p>Đề xuất <i>“Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ủy quyền, hợp tác hoặc liên kết với tổ chức có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng”.</i> Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm nội dung <i>“hợp tác hoặc liên kết”</i> để tăng cơ hội, tính khả thi trong việc triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước cho các đối tượng chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.</p>	Tiếp thu, đã bổ sung tại khoản 5 Điều 3, Điều 8 dự thảo Nghị định.

5		UBND tỉnh Điện Biên	<p>Khoản 3: Đề nghị xây dựng mới quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục triển khai dự án các-bon rừng cụ thể trong Nghị định theo hướng đơn giản, dễ áp dụng trong thực tiễn của các địa phương.</p> <p>Lý do: Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025) tương đối nhiều, quy trình triển khai thực hiện phức tạp, nhiều giai đoạn, phải trình qua nhiều cơ quan, đơn vị; đồng thời, việc quy định như dự thảo cũng sẽ gây khó khăn cho các địa phương, đơn vị trong tra cứu, áp dụng, chức thực hiện.</p>	Tiếp thu, đã quy định tại Điều 10 Dự thảo Nghị định.
6		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị bổ sung làm rõ tại khoản 3 về điều khoản cụ thể trong Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ được áp dụng hồ sơ, trình tự thủ tục triển khai dự án các-bon rừng tại dự thảo Nghị định này.	Tiếp thu, đã quy định tại Điều 10 Dự thảo Nghị định.
7		Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	Điều 8, 9 (Triển khai dự án các-bon rừng): Cần quy định rõ cơ chế tham vấn cộng đồng dân cư và chủ rừng nhỏ lẻ trước khi triển khai dự án, đặc biệt ở khu vực có tranh chấp đất rừng. Đề xuất bổ sung quy trình giải quyết tranh chấp trong Phụ lục I.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung này sẽ được đề cập trong Tiêu chuẩn các-bon.
8		Sở NN&MT tỉnh Tuyên Quang	<p>Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung quy định trình tự, thủ tục lựa chọn tổ chức hợp tác đầu tư phát triển rừng với mục đích hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.</p> <p>Lý do: Hiện nay chưa có quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn tổ chức hợp tác đầu tư phát triển rừng với mục đích hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.</p>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, hợp tác liên kết đã được quy định tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định.

9		Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Điều 8, 9: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung thêm các hướng dẫn về đường phát thải cơ sở, chu kỳ dự án, thời gian tín chỉ, bởi vì mỗi tiêu chuẩn các-bon rừng có yêu cầu khác nhau ví dụ như đảm bảo an toàn môi trường, xã hội; rõ ràng dịch chuyển phát thải v.v.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì nội dung này sẽ được đề cập trong Tiêu chuẩn các-bon và văn bản hướng dẫn MRV
10		Bộ Tài chính	Việc triển khai dự án các-bon rừng đang được chia ra theo tiêu chuẩn các-bon trong nước và tiêu chuẩn các-bon quốc tế. Theo đó, đề nghị Bộ NN&MT quy định rõ tiêu chuẩn các-bon trong nước và tiêu chuẩn các-bon quốc tế là gì? Đồng thời, quy định tại Điều 8, Điều 9 chưa rõ ràng về hình thức triển khai đối với từng trường hợp. Đề nghị Bộ NN&MT làm rõ cơ sở pháp lý đối với quy định tại các Điều này.	Tiếp thu, đã quy định cụ thể triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế tại Điều 10, 11 dự thảo Nghị định.
			Điểm a khoản 1 Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 9 quy định chủ rừng triển khai dự án các-bon rừng hoặc hợp tác với chủ rừng khác để triển khai. Theo đó, quy định này mâu thuẫn với điểm b khoản 1 Điều 8 và điểm b khoản 1 Điều 9: “UBND cấp tỉnh đại diện bên cung ứng triển khai dự án các-bon rừng đối với <u>toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của tỉnh</u> ”. Đề nghị Bộ NN&MT rà soát để điều chỉnh nội dung này tại Điều 8, Điều 9.	Tiếp thu, đã rà soát chỉnh sửa các nội dung này tại Điều 9 và Điều 10 dự thảo Nghị định.
11		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Điểm a khoản 1, Chủ rừng là tổ chức đăng ký, triển khai dự án các-bon rừng hoặc hợp tác với chủ rừng khác triển khai dự án các-bon rừng	
			Một số ý kiến: Chỉnh sửa theo hướng: i) Bộ NN&MT đại diện bên cung ứng đăng ký, triển khai các dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ tỉnh trở lên; ii) UBND cấp tỉnh đại diện bên cung ứng đăng ký, triển khai các dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ 2 xã trở lên; iii) UBND cấp xã đại diện chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong phạm vi một xã.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

			Điểm a khoản 2, Chủ rừng là tổ chức đăng ký, triển khai dự án các-bon rừng hoặc hợp tác với các chủ rừng khác hoặc ủy quyền cho tổ chức khác có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng.	Đã được rà soát, chỉnh sửa quy định tại khoản 2 Điều 9 Dự thảo Nghị định
			Điểm b khoản 2, Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ủy quyền cho Tổ chức có tư cách pháp nhân đăng ký, triển khai dự án các-bon rừng.	Đã được rà soát, chỉnh sửa quy định tại khoản 2 Điều 9 Dự thảo Nghị định
			Khoản 3: Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký, triển khai dự án các-bon rừng theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025.	
			Một số ý kiến: i) Cân nhắc bổ sung khung văn kiện dự án các-bon rừng sử dụng tiêu chuẩn các-bon trong nước để phù hợp với đặc thù của ngành lâm nghiệp; ii) Bổ sung vào phụ lục Mẫu số 04 Phụ lục V (NĐ 06) THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRAO ĐỔI, BÙ TRỪ TÍN CHỈ CÁC-BON	Đã được rà soát, chỉnh sửa quy định tại Điều 10 Dự thảo Nghị định
12		UBND thành phố Đà Nẵng	Tại điểm a khoản 2 Điều 8: Đề nghị làm rõ tổ chức có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng phải đảm bảo tư cách pháp nhân như thế nào, theo quy định nào.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
13		Honda Việt Nam	Bổ sung cơ chế cho phép UBND cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Doanh nghiệp triển khai dự án. Có thể cân nhắc sửa đổi quy định như sau: Điều 8.1.b: b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện bên cung ứng <u>hoặc ủy quyền cho tổ chức khác có tư cách pháp nhân</u> triển khai dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của tỉnh.	Đã được sửa, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Dự thảo Nghị định
14		CARE International	Điều 8 mới chỉ quy định các chủ rừng phải làm gì để triển khai các dự án các bon. Tuy nhiên trong thực tế, cần quy định các bên có liên quan khác bao gồm bên đề	Trường hợp có hợp tác liên kết tham gia xây dựng, đăng ký, thực hiện dự án đã được quy

			xuất dự án, bên triển khai và bên trung gian thực hiện dự án để các nhà đầu tư và tổ chức phi chính phủ tham gia hỗ trợ được rõ ràng. Có thể làm rõ bên thực hiện dự án có thể là chủ rừng hoặc các đơn vị khác.	định tại Điều 9, 10 dự thảo Nghị định
			Bổ sung phần định nghĩa rừng thuộc sở hữu toàn dân trong Điều 2 để các nhà đầu tư nước ngoài hiểu rõ về phạm vi quy định	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, rừng thuộc sở hữu toàn dân đã được quy định trong Luật Lâm nghiệp
			Khoản 1a. Ý không rõ nghĩa vì vậy cần giải thích thêm. Ngoài ra, nếu 2 chủ rừng là tổ chức nằm ở 2 tỉnh khác nhau nhưng sát nhau về địa lý do vậy có thể kết hợp làm dự án các bon rừng ở quy mô lớn thì sẽ thực hiện thế nào?	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì mỗi chủ rừng sẽ có mức đóng NDC riêng được từng UBND cấp tỉnh quản lý.
			Khoản 1b. Hình thức đầu tư, kinh phí cho phát triển dự án, chi phí thẩm định, thẩm tra, nguồn thu từ bán tín chỉ các bon đối với các dự án do UBND tỉnh quản lý sẽ như thế nào? Hình thức phát triển dự án các-bon do UBND Tỉnh làm chủ dự án có phù hợp hay không đối với thị trường các bon trong nước?	Đã được rà soát, chỉnh sửa tại Điều 9 Dự thảo Nghị định
			Trong trường hợp đơn vị phát triển dự án muốn xây dựng dự án cho cả diện tích rừng thuộc sở hữu toàn dân (tạm gọi chủ rừng lớn) và diện tích không thuộc sở hữu toàn dân (tạm gọi chủ rừng nhỏ) để tạo cơ hội cho các chủ rừng nhỏ tham gia hưởng lợi với chi phí thấp nhất có thể thì sẽ xử lý như thế nào? Vì dự thảo NĐ chỉ ghi cho từng trường hợp.	Đã được quy định tại Điều 9, 10 Dự thảo Nghị định
			Đề xuất cần nhắc phân ra các mức ưu tiên/khuyến nghị dự án theo “lượng tín chỉ tạo ra” (Nếu có thể) để tránh việc đăng ký ồ ạt các dự án nhỏ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Đề xuất sửa đổi đồng nhất theo Khoản 2 của Điều 9 (Chủ rừng triển khai dự án các-bon rừng hoặc hợp tác với các chủ rừng khác hoặc ủy quyền cho tổ chức khác có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng) vì tất cả các đối tượng chủ rừng không thuộc sở hữu toàn dân được triển khai, hoặc hợp tác, hoặc ủy quyền..., nếu	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Theo quy định Nghị định 119/2025/NĐ-CP, cá nhân không được đăng ký xây dựng dự án các-bon rừng

			áp dụng được cho tiêu chuẩn quốc tế thì cũng nên được áp dụng cho tiêu chuẩn quốc gia, vì đã là chủ rừng thì có đủ tư cách pháp nhân. Đề xuất này cũng hoàn toàn phù hợp với ý “tạo hành lang pháp lí thuận lợi..., đơn giản hóa qui định về thủ tục hành chính...” Ngoài ra làm rõ: Tổ chức có tư cách pháp nhân là ai để các đối tượng chủ rừng này chủ động ủy quyền	
			Đề xuất bổ sung quy trình đánh giá và công nhận dự án các-bon rừng đạt theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, thủ tục thẩm định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, và thời hạn hiệu lực công nhận..	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
			Chưa có các quy định bảo sự tham gia của cộng đồng bao gồm nam giới, nữ giới và đại diện của các nhóm dễ bị tổn thương trong chia sẻ lợi ích, xây dựng và triển khai dự án. Cần bổ sung quy định về tham vấn cộng đồng địa phương và nhóm dễ bị tổn thương.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Cộng đồng là bên cung ứng đã được quy định tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo Nghị định.
15		UNEP	Các “cam kết tham gia” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 hiện chưa có yêu cầu về trách nhiệm xã hội và môi trường. Nghị định cần quy định cụ thể nghĩa vụ của các bên tham gia nhằm bảo đảm quyền lợi của rừng, cộng đồng và các bên liên quan, cũng như cơ chế xử lý khi có vi phạm gây hại hoặc có nguy cơ gây hại. Đồng thời, cần quy định cơ chế tham vấn công khai, trong đó bao gồm tham vấn cộng đồng và các chủ rừng, nhằm bảo đảm nguyên tắc đồng thuận tự nguyện, được cung cấp thông tin đầy đủ và sớm (FPIC). Nghị định chưa thiết lập cơ chế bảo đảm rằng các thỏa thuận tài chính hoặc các hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân với cộng đồng theo Nghị định được thực hiện trên cơ sở đồng thuận tự nguyện, được cung cấp thông tin đầy đủ và trước đó.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc tham gia là tự nguyện, có sự đồng thuận thông qua hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 9.
			Điều 8(1)(c) yêu cầu chủ rừng có “cam kết tham gia” nhưng chưa giải thích rõ đây là loại văn bản gì, nội dung, hình thức và nghĩa vụ cụ thể kèm theo.	Tiếp thu đã bổ sung quy định tại Điều 9 Dự thảo Nghị định

			Điều 8(3) nêu “Hồ sơ, thủ tục thực hiện dự án các-bon rừng theo quy định của Chính phủ về quản lý tín chỉ các-bon”. Nếu viện dẫn các quy định hiện hành, cần dẫn chiếu cụ thể trong Nghị định.	Tiếp thu đã bổ sung quy định tại Điều 10 Dự thảo Nghị định
X	Điều 9. Triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon quốc tế			
1		Cục Biến đổi khí hậu	Đề nghị nghiên cứu quy định thêm phương án các UBND cấp tỉnh thống nhất, đề xuất UBND cấp tỉnh của một địa phương làm đại diện bên cung ứng triển khai dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ 2 tỉnh/thành phố trở lên để đảm bảo quy định về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
2		Bộ Công thương	Đề nghị sửa điểm a khoản 1 như sau: <i>“a) Chủ rừng là tổ chức triển khai dự án các-bon rừng hoặc hợp tác với chủ rừng khác triển khai dự án các-bon rừng”.</i>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 1 Điều 9.
3		Tổ chức Emergent (tại văn bản thông qua email ngày 01 tháng 7 năm 2025)	Vui lòng làm rõ việc lồng ghép các dự án REDD+ nhỏ lẻ trong chương trình REDD+ quy mô lớn (J-REDD), tối thiểu gồm những cách sau: (i) phương pháp phân bổ kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng giữa chương trình J-REDD và dự án lồng ghép, (ii) quy trình công nhận hợp pháp các quyền đối với kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng và các lợi ích liên quan theo cách tiếp cận REDD+ lồng ghép, và (iii) thủ tục thực hiện lồng ghép (bao gồm các yêu cầu đăng ký, giám sát và báo cáo nếu có). Điều 9.1 (d) của Dự thảo Nghị định hiện chưa cung cấp hướng dẫn rõ ràng về việc lồng ghép các dự án REDD+ tư nhân trong tương lai vào chương trình J-REDD+. Mặc dù điều khoản này cho phép chủ rừng sản xuất tư nhân tham gia, nhưng nó có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về lồng ghép của ART TREES. Nó không đề cập rõ ràng phương pháp phân bổ lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng giữa chương trình J-REDD và các dự án lồng ghép, sự công nhận pháp lý	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung này đã được quy định tại Điều 8 dự thảo Nghị định.

			quyền sở hữu kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng hoặc quyền chia sẻ lợi ích cho các chủ rừng/bên cung ứng dịch vụ của dự án lồng ghép, cũng như thủ tục thực hiện lồng ghép (bao gồm các yêu cầu đăng ký, giám sát và báo cáo) nếu có.	
4		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị rà soát làm rõ nội hàm điểm a, b khoản 1 để tránh trùng lặp đối tượng quản lý trực tiếp rừng và triển khai dự án các-bon rừng; bổ sung hướng dẫn thực hiện khoản 3 để đảm bảo tính thống nhất trên toàn quốc.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a, b khoản 1 Điều 9.
5		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Điểm a Khoản 1 “Tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 và khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định này ký hợp đồng cung ứng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng”. Tại sao áp dụng đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân? Các chủ rừng này có quyền trực tiếp đăng ký, thực hiện dự án các-bon, mua bán, trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước theo quy định tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, rừng không sở hữu toàn dân đã được quy định tại khoản 2 Điều này.
			Cần làm rõ khái niệm cho thuật ngữ “rừng sở hữu toàn dân”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đã quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp.
6		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Đề nghị sắp xếp theo thứ tự dự án của Bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chủ rừng.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo.
			- Tại điểm b khoản 1, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát đối với thuật ngữ “phạm vi hành chính của tỉnh, thành phố trở lên”; đồng thời, tham khảo cách viết theo hướng: “b) Đối với dự án thực hiện trên toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện bên cung ứng tổ chức triển khai dự án các-bon rừng”.	Đã rà soát, chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định.
			Tương tự, chỉnh sửa điểm c khoản 1 như sau: “Đối với/Trường hợp dự án thực hiện trên toàn bộ diện tích rừng thuộc địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên: Bộ Nông nghiệp và Môi trường là	Đã rà soát, chỉnh sửa tại điểm c khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định.

			<p>ơ quan đại diện bên cung ứng tổ chức triển khai dự án các-bon rừng”.</p>	
			<p>- Tại điểm d khoản 1, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc chỉnh sửa như sau:</p> <p>“d) Trường hợp rừng sản xuất là rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nằm xen kẽ hoặc liền kề với diện tích rừng thuộc dự án do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai, chủ rừng phải có văn bản cam kết tham gia dự án và biên bản xác nhận theo Mẫu ... Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này”. Đồng thời, đề nghị làm rõ việc “thực hiện cam kết tham gia” bằng hình thức nào? Có phải thể hiện bằng văn bản không? Nếu có thì nghiên cứu quy định Mẫu để thuận tiện cho việc thực hiện.</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại điểm c khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định.</p>
7		Bộ Công thương	<p>Đề nghị sửa khoản 2 như sau:</p> <p><i>“2. Đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân Chủ rừng là tổ chức triển khai dự án các-bon rừng hoặc hợp tác với các chủ rừng khác hoặc ủy quyền cho tổ chức khác có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng.”</i></p>	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì đối với tiêu chuẩn các-bon quốc tế thì chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có thể đăng ký dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn quốc tế.</p>
8		Bộ Ngoại giao	<p>Đề nghị làm rõ khái niệm “cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế” gồm những cơ quan nào và giá trị pháp lý của các quy định của các cơ quan quốc tế này.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị định.</p>
9		Bộ Xây dựng	<p>Việc triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế (bao gồm hồ sơ, trình tự, thủ tục, mẫu Hợp đồng...) là nội dung mới, vì vậy Bộ Xây dựng đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thông tin chi tiết về các nội dung có liên quan đến hoạt động này.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì mỗi tiêu chuẩn các-bon quốc tế có các nội dung khác nhau.</p>
10		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	<p>Cần làm rõ “Tiêu chuẩn các-bon quốc tế” được hiểu như thế nào? Các tiêu chuẩn này về bản chất do các tổ chức NGO quốc tế xây dựng, quản lý và những tiêu chuẩn này có phù hợp với luật pháp Việt Nam về “Đánh giá sự phù hợp” hay không?</p>	<p>Đã rà soát, bổ sung giải thích thuật ngữ tiêu chuẩn các-bon tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định. theo khoản 8, 9 Điều 2 Dự thảo Nghị định.</p>

				Tiêu chuẩn các-bon quốc tế đã được quy định tại NĐ 119.
11		Sở NN&MT tỉnh Tuyên Quang	<p>Đề nghị bổ sung Quy định trình tự, thủ tục triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon quốc tế.</p> <p>Lý do: Lâm nghiệp là ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện với nhà đầu tư nước ngoài theo điểm 15, mục B, Phụ lục I (Kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư); và khoản 5, Điều 99 Luật Lâm nghiệp quy định Chính phủ ban hành chính sách hợp tác quốc tế về lâm nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, nội dung này đến nay Chính phủ chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định trình tự, thủ tục chi tiết để địa phương thực hiện, nên trong quá trình triển khai sẽ không có căn cứ để thực hiện.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì mỗi tiêu chuẩn các-bon quốc tế quy định trình tự, thủ tục khác nhau nên không quy định tại Nghị định này.
12		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, xem xét đối với trường hợp triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon quốc tế có phải thực hiện theo cả tiêu chuẩn các-bon trong nước không? Nếu phải tuân thủ cả hai thì khoản 3, cần nhắc chỉnh sửa lại theo hướng như sau: “3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục triển khai dự án các-bon rừng thực hiện theo quy định của tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam có liên quan”.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì các dự án các-bon chỉ lựa chọn 1 trong 2 tiêu chuẩn các bon quốc gia hoặc quốc tế.
13		Tổ chức Emergent (tại văn bản thông qua email ngày 01 tháng 7 năm 2025)	<p>Vui lòng xem xét bổ sung những nội dung sau để làm rõ khung pháp lý liên quan đến rừng trồng.</p> <p>(1) Bộ Nông nghiệp và Môi trường được tổ chức/cá nhân ủy quyền đàm phán, ký kết và thực hiện đầy đủ ERPA và Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm pháp lý trước bên sử dụng dịch vụ theo ERPA đối với lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng phát sinh từ rừng thuộc sở hữu tổ chức, cá nhân; và</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì trách nhiệm của Bộ NN&MT trong trường hợp ký thỏa thuận với các đối tác quốc tế đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 và Quản lý sử dụng tiền ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tại Điều 16.

			<p>(2) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam được ủy quyền tiếp nhận tiền từ thỏa thuận chuyển nhượng (ví dụ: ERPA) và chi trả cho chủ rừng theo quy định của pháp luật Việt Nam và ERPA do Bộ Nông nghiệp và Môi trường đại diện cho chủ rừng ký; và</p> <p>(3) Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam chịu trách nhiệm trước bên sử dụng dịch vụ về mọi nghĩa vụ được quy định trong ERPA do Bộ Nông nghiệp và Môi trường đại diện cho chủ rừng ký.</p> <p>Đề nghị Cục LN&KL xác nhận rằng lượng tín chỉ Emergent sẽ mua theo ERPA là thuộc sở hữu công (trái ngược với tín chỉ từ rừng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc cộng đồng).</p> <p>Lưu ý thêm, Emergent cũng sẽ phải sửa đổi ERPA để đảm bảo quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đại diện cho chủ rừng bán kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng và quyền của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tiếp nhận tiền và chi trả cho các đối tượng thụ hưởng/chủ rừng liên quan (Cả hai trường hợp chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc cộng đồng dân cư sở hữu rừng sản xuất nằm xen kẽ, liền kề với diện tích rừng của dự án các-bon rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai và trường hợp chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc cộng đồng dân cư sở hữu rừng sản xuất không nằm xen kẽ, không liền kề với diện tích rừng của dự án các-bon rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai).</p>	
14	Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	<p>Điều 9. Đăng ký, triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon quốc tế</p> <p>(Các khoản, điểm của Điều này tương tự như của Điều 8, tuy nhiên các tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ phải theo các quy định của quốc tế)</p>	<p>Điểm b, khoản 1: Đề nghị chỉnh sửa theo hướng UBND cấp tỉnh đại diện bên cung ứng triển khai dự án các-bon</p>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

			rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ 2 xã trở lên; UBND cấp xã đại diện chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong phạm vi một xã triển khai dự án các-bon rừng	
			Khoản 2: Đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân, chủ rừng tự đăng ký triển khai dự án các-bon rừng hoặc hợp tác với các chủ rừng khác hoặc ủy quyền cho tổ chức khác có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại khoản 2 Điều 9
			Khoản 3: Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký, triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế.	Đã được bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 10 Dự thảo Nghị định.
15	Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Hồ Chí Minh		Đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân khi triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon quốc tế quy định tại Điều 9 của dự thảo Nghị định: Việc triển khai một dự án các-bon rừng, đặc biệt theo tiêu chuẩn quốc tế, đòi hỏi nguồn lực lớn về tài chính và kỹ thuật, có thể là một rào cản đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư. Đề nghị dự thảo Nghị định bổ sung các quy định mang tính nguyên tắc về chính sách khuyến khích và hỗ trợ của Nhà nước nhằm huy động tối đa sự tham gia của các chủ rừng quy mô nhỏ để các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư triển khai dự án các-bon rừng đạt hiệu quả kinh tế cao.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định.
	Honda Việt Nam		Bổ sung cơ chế cho phép UBND cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Doanh nghiệp triển khai dự án. Có thể cân nhắc sửa đổi quy định như sau: <u>Điều 9.1.b</u> : Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện bên cung ứng <u>hoặc ủy quyền cho tổ chức khác có tư cách pháp nhân</u> triển khai dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của tỉnh/thành phố.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
	CARE International		Khoản 1a. Chủ rừng có thể kết hợp với chủ rừng khác hoặc các bên khác ví dụ như bên đề xuất dự án, bên trung gian để thực hiện dự án. Tuy nhiên cần làm làm	Đã rà soát, bổ sung quy định Chủ rừng là tổ chức được tự thực hiện hoặc ký hợp đồng hợp

			rõ cách thức phân bổ quyền sở hữu tín chỉ các bon khi chi phí dự án và xác minh do các bên tư nhân chịu nhưng đất đai lại do nhà nước quản lý.	tác, liên kết với tổ chức khác có tư cách pháp nhân đăng ký dự án; tổ chức đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải, cấp tín chỉ các-bon rừng tại a khoản 1 Điều 9
			Khoản 2. tổ chức khác có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng phải đảm bảo tư cách pháp nhân như thế nào, theo quy định nào.	Đã rà soát, bổ sung chỉnh sửa khoản 2 Điều 9 Dự thảo Nghị định.
			Chưa có các quy định bảo sự tham gia của cộng đồng bao gồm nam giới, nữ giới và đại diện của các nhóm dễ bị tổn thương trong chia sẻ lợi ích, xây dựng và triển khai dự án. Cần bổ sung quy định về tham vấn cộng đồng địa phương và nhóm dễ bị tổn thương.	Điều a khoản 1 Điều 4 đã quy định tham gia của cộng đồng là bên cung ứng. Việc tham vấn cộng đồng được thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn các-bon áp dụng.
			Ngoài ra, các chính sách thương mại các bon rừng trên thế giới đều cần nhắc và gắn kết với các hoạt động quản lý tài chính tiền tệ để đảm bảo phòng chống rửa tiền, tham nhũng và tội phạm liên biên giới. Tuy nhiên điều này chưa được cần nhắc trong dự thảo Nghị định như các Nghị định các bon rừng khác trên thế giới. Ngoài ra, Dự thảo chỉ đề cập tới quy trình cấp tín chỉ nhưng lại chưa đề cập rõ nội dung quan trọng của thương mại các bon rừng đó là hệ thống cấp giấy chứng nhận cho các tín chỉ các bon rừng đã được sử dụng và do vậy được coi là hết hạn không thể được giao dịch và phải loại bỏ trên hệ thống thương mại. Những yếu tố này cần được bổ sung để đảm bảo tính toàn vẹn chặt chẽ của hệ thống pháp lí.	Nội dung góp ý không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này.
XI	Điều 10. Xác định lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án các-bon rừng			
1		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Tên “Chương II. Xác định <u>lượng kết quả giảm phát thải</u>, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng” và tên Điều 10. Chỉ dùng một trong hai cách “lượng giảm phát thải” hoặc “kết quả giảm phát thải”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

2	Sở NN&MT tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị xem xét bổ sung quy định thời gian cụ thể trong năm đề Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp tỉnh phân bổ lượng đóng góp giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định cho các tổ chức, cá nhân theo quy định. Lý do: Để tổ chức, cá nhân có căn cứ triển khai dự án các- bon rừng theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế theo đúng quy định, cắt giảm bớt thủ tục hành chính trong việc chờ phân bổ lượng đóng góp giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định cho các đối tượng.	Tiếp thu, đã quy định trách nhiệm, tiêu chí phân bổ lượng giảm phát thải đóng góp tại Điều 11 Dự thảo Nghị định.
3	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Đề nghị làm rõ cách thức trừ và xác định tỷ lệ tín chỉ còn lại được phép giao dịch sau khi trừ phần “đóng góp quốc gia” để sử dụng cho nghĩa vụ quốc tế.	Tiếp thu, đã được quy định tại Điều 12 Dự thảo Nghị định.
4	Cục Môi trường	Tại khoản 2 Điều 10 (điểm a và điểm c) dự thảo Nghị định có yêu cầu “ <i>Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được ...sau khi thực hiện nghĩa vụ đóng góp giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định</i> ”, đối với nội dung này đề xuất nghiên cứu, có thể giao bổ sung “Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành phương pháp xác định tỷ lệ đóng kết quả giảm phát thải phục vụ mục tiêu theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) từ các dự án tín chỉ các-bon rừng”. Nội dung này cần được xây dựng, ban hành trước thời gian thí điểm vận hành để tạo được cơ chế rõ ràng, minh bạch, ổn định cho các đối tượng tham gia tại Nghị định, đây cũng là tiền đề để thử nghiệm cơ chế sandbox nêu trên.	Tiếp thu, đã được quy định tại Điều 12 Dự thảo Nghị định.
5	Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Tại khoản 2, xem xét quy định rõ từng trường hợp theo hướng như sau: “a) Đối với các dự án do Bộ Nông nghiệp và Môi trường trực tiếp triển khai: Bộ xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ được cung ứng, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đóng góp giảm phát thải khí nhà kính do quốc	Tiếp thu, đã quy định chi tiết các trường hợp tại Điều 12 Dự thảo Nghị định.

			<p>gia tự quyết định đã được phân bổ và thông báo cho các địa phương liên quan”.</p> <p>b) Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai: Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng trên cơ sở kết quả đã được thẩm định, tín chỉ các-bon rừng được cấp, sau khi trừ phần nghĩa vụ quốc gia đã được phân bổ cho địa phương.</p> <p>c) Đối với các dự án do Tổ chức triển khai tại địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng”.</p>	
6		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	<p>Đề nghị làm rõ nội hàm khoản 3 về thực hiện theo điều khoản nào của Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP hay Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa đã quy định rõ tại khoản 4 Điều 12 Dự thảo Nghị định.</p>
7		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Đề nghị xem xét bổ sung tên cho khoản 3 như sau: “3. Chuyên giao quốc tế”. Theo đó, nghiên cứu đề quy định theo hướng như sau: “Trường hợp kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được sử dụng cho chuyển giao quốc tế thì phải có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. Việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, được quy định theo Nghị định 119/2025/NĐ-CP.</p>
8		Bộ Xây dựng	<p>Đề nghị bổ sung hình thức này tại Điều 12: “Hình thức trao đổi chuyển nhượng” của dự thảo Nghị định đồng thời đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ lý do không phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 10 trong trường hợp trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng không cần có văn bản chấp thuận chuyển giao quốc tế và trao đổi, chuyển nhượng</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì trường hợp tại khoản 4 vẫn tính vẫn tính vào NDC của Việt Nam nên không cần thực hiện theo khoản 2.</p>

			tại thị trường trong nước cho các bên sử dụng để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện.	
9		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Đề có sự tách biệt giữa chuyển giao quốc tế và trong nước về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, đề nghị xem xét bổ sung tên cho khoản 4 như sau: “4. Giao dịch trong nước”. Theo đó, nghiên cứu đề quy định theo hướng như sau: “Trường hợp kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được chuyển nhượng tại thị trường trong nước để sử dụng cho mục đích giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện, thì không phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, phù hợp với khoản 4 theo quy định Nghị định 119/2025/NĐ-CP.
10		Bộ Công thương	Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc phân bổ lượng đóng góp giảm phát thải khí nhà kính và xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định về thời gian xác định, phương pháp tính toán chi tiết và thẩm quyền phúc tra kết quả trong trường hợp có tranh chấp. Đồng thời, xem xét bổ sung vai trò của bên thẩm định độc lập nếu có.	Tiếp thu, quy định tại khoản 3 Điều 19 Dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì nội dung này sẽ được đề cập trong Tiêu chuẩn các-bon trong nước.
11		Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Cần xem xét bổ sung khoản, mục quy định về tổ chức chứng nhận độc lập trong việc xác nhận kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon rừng. Thực tiễn hiện nay kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon rừng đều do bên thứ 3 (tổ chức chứng nhận độc lập) xác nhận.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đã được quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định 119/2025/NĐ-CP.
12		Viện Điều tra, Quy hoạch rừng	Cần nhắc bổ sung cụm từ “hàng năm”: “a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân bổ lượng đóng góp giảm phát thải khí nhà kính hàng năm do quốc gia tự quyết định lĩnh vực lâm nghiệp cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì NDC cập nhật liên tục tùy tình hình thực tế và yêu cầu của UNFCCC.
13		Tổ chức Emergent	Đọc Điều 5.1(b) và 10.2(c), Emergent hiểu rằng bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện các nghĩa vụ NDC của	Tiếp thu, phân bổ đóng góp giảm phát thải lĩnh vực lâm nghiệp quy định tại Điều 12 và

			<p>Việt Nam trước khi chuyển nhượng tín chỉ ra nước ngoài:</p> <p>+ Tại Điều 5.1(b) bản dự thảo ngày 18/06/2025 đề cập rằng bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp kết quả giảm phát thải [...].</p> <p>+ Tại Điều 10.2 (c) bản dự thảo ngày 18/06/2025 đề cập rằng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định kết quả giảm phát thải [...] sau khi thực hiện nghĩa vụ đóng góp giảm phát thải do quốc gia tự xác định đã được phân bổ cho tỉnh [...].</p> <p>Đề nghị Cục LN&KL làm rõ và xem xét điều chỉnh Dự thảo Nghị định để mô tả rõ ràng phạm vi áp dụng nghĩa vụ đóng góp theo quy định này (ví dụ: chỉ áp dụng cho ngành lâm nghiệp, cho lĩnh vực LULUCF hay là cho NDC tổng thể nói chung)?</p> <p>Dựa trên thực tế rằng bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện các nghĩa vụ NDC của Việt Nam trước khi chuyển nhượng tín chỉ ra nước ngoài, đề nghị Cục LN&KL cung cấp bối cảnh và dự báo mức đóng góp, nếu có thể?</p>	xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng quy định tại Điều 13 Dự thảo Nghị định.
14	Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Điều 10. Xác nhận lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án các-bon rừng		
		Khoản 2: Xác nhận lượng kết quả giảm phát thải khí các-bon và tín chỉ các-bon của rừng để chuyển nhượng thông qua cung ứng dịch vụ hoặc để trao đổi, bù trừ thông qua sàn giao dịch.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.	
		<p>KHOẢN NÀY CÓ MỘT SỐ Ý KIẾN CẦN ĐƯỢC XEM XÉT VÀ CÂN NHẮC:</p> <p>- Quy định các đơn vị dưới Bộ NN&MT tổ chức đo lường và báo cáo kết quả giảm phát thải là không phù hợp, nên mở rộng cho chủ rừng và người dân được tham gia đo lường, giám sát; nếu không có năng lực, có thể thuê đơn vị tư vấn.</p>	Quy định việc xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án các-bon rừng được chi tiết tại Điều 12 Dự thảo Nghị định.	

			<ul style="list-style-type: none"> - Phải tận dụng các phương pháp đo lường tiên bộ đã đạt được trong nước và quốc tế, áp dụng phương pháp phù hợp với vùng sinh thái, địa phương, không cần thống nhất cả nước. - Báo cáo cần quy định định kỳ bao lâu, vd 5 năm là giai đoạn sinh khối rừng tăng trưởng rõ ràng. sử dụng hình ảnh viễn thám. - Thẩm định cần được thực hiện bởi các tổ chức thứ ba trong và ngoài nước, vd viện trường. nhà nước có thể lập danh sách các tổ chức đủ năng lực thẩm định để tăng cường xã hội hóa quá trình thực hiện. - Cần dẫn chiếu cụ thể các văn bản pháp luật quy định các khía cạnh liên quan, vd thông tư quy định về đo đạc để tạo thuận lợi cho người đọc theo dõi và hiểu nghị định. 	
			<p>Điểm a, khoản 2: Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác nhận lượng kết quả giảm phát thải khí các-bon và tín chỉ các-bon của rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai trên cơ sở kết quả giảm phát thải được thẩm định, tín chỉ các-bon rừng được cấp sau khi thực hiện nghĩa vụ đóng góp giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định đã được phân bổ cho tỉnh/thành phố</p>	<p>Quy định việc xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án các-bon rừng cho từng trường hợp được chi tiết tại Điều 12 Dự thảo Nghị định Quy định việc xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án các-bon rừng cho từng trường hợp được chi tiết tại Điều 12 Dự thảo Nghị định</p>
			<p>Điểm b, khoản 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận lượng kết quả giảm phát thải khí các-bon và tín chỉ các-bon của rừng đối với dự án các-bon rừng do Tổ chức triển khai thuộc phạm vi quản lý của tỉnh/thành phố.</p>	<p>Quy định việc xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án các-bon rừng cho từng trường hợp được chi tiết tại Điều 12 Dự thảo Nghị định</p>
			<p>Điểm c, khoản 2: Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác nhận lượng kết quả giảm phát thải khí các-bon và tín chỉ các-bon của rừng đối với dự án các-bon rừng</p>	<p>Quy định việc xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án</p>

			do Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai sau khi thực hiện nghĩa vụ đóng góp giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định đã được phân bổ cho tỉnh/thành phố và thông báo cho các địa phương.	các-bon rừng cho từng trường hợp được chi tiết tại Điều 12 Dự thảo Nghị định
15		Honda Việt Nam	Xem xét, bổ sung quy định tại các văn bản pháp luật tương ứng trong đó cho phép các tổ chức thực hiện dự án các-bon rừng không nhằm mục đích mua bán được sử dụng trực tiếp kết quả giảm phát thải đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận để bù trừ cho phần phát thải vượt quá hạn ngạch được phân bổ và không bắt buộc phải thực hiện thủ tục phát hành tín chỉ các-bon trong trường hợp này.	Tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu
16		CARE International	Với cam kết NDC tham vọng cao, yêu cầu đóng góp vào giảm phát thải từ rừng là rất lớn, việc phân bổ lượng đóng góp giảm phát thải KNK cho từng địa phương, trên từng đối tượng rừng cần được làm rõ, cùng với cơ chế rõ ràng để các chủ đầu tư có đầy đủ thông tin, tạo động lực cho việc đầu tư vào các dự án các-bon rừng.	Tiếp thu và bổ sung quy định tại Điều 11 Dự thảo Nghị định.
			Khoản 2. Việc phân bổ không nên chỉ dựa vào lượng giảm phát thải được phân bổ để đóng góp vào NDC, mà phải dựa trên báo cáo dự án và kết quả xác nhận giảm phát thải bởi lượng phân bổ là dự kiến không phải kết quả đã được xác định và thẩm định.	Việc phân bổ được quy định tại Điều 11 và việc xác định lượng kết quả được cung ứng quy định tại Điều 12 Dự thảo Nghị định.
			Khoản 4. Cần xây dựng phương thức để các dự án không phải đóng góp vào NDC hoặc dự án có điều kiện đóng góp vào NDC cho các dự án quốc tế (các dự án không bồi hoàn và yêu cầu thư cho phép – letter of authorisation).	Đã quy định tại Điều 9, 10 dự thảo Nghị định.
			Cần làm rõ các thủ tục trao đổi và bán tín chỉ các bon quốc tế, bao gồm liệu có mở cửa cho Điều 6.2, 6.4 và 6.8 trong Thỏa thuận Paris và cả việc có sẵn sàng thực hiện các điều chỉnh tương ứng hay không ? Cũng cần làm rõ các thủ tục phê duyệt chuyển nhượng cũng các mốc thời gian khi nào có kết quả xác định lượng kết quả giảm phát thải.	Tiếp tục nghiên cứu, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

			<p>Nghị định hiện chưa qui định rõ số lượng hoặc tỷ lệ tín chỉ các-bon mà các nhà phát triển dự án và nhà đầu tư được phép bán. Điều này có thể làm giảm động lực tham gia của họ vào các sáng kiến các-bon rừng. Trong khi thẩm quyền xác định khối lượng tín chỉ cuối cùng sau khi tính toán các đóng góp NDC được giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các ủy ban cấp tỉnh, nghị định không nêu rõ mốc thời gian cụ thể hoặc phương pháp minh bạch để đưa ra những xác định này. Sự thiếu rõ ràng về mặt quy định này tạo ra rào cản đáng kể đối với đầu tư tư nhân dài hạn.</p>	<p>Điều 11 và Điều 12 Dự thảo Nghị định đã xác định rõ lượng tín chỉ các-bon được cung ứng.</p>
			<p>Ngoài ra, các chính sách thương mại các bon rừng trên thế giới đều cân nhắc và gắn kết với các hoạt động quản lý tài chính tiền tệ để đảm bảo phòng chống rửa tiền, tham nhũng và tội phạm liên biên giới. Tuy nhiên điều này chưa được cân nhắc trong dự thảo Nghị định như các Nghị định các bon rừng khác trên thế giới. Ngoài ra, Dự thảo chỉ đề cập tới quy trình cấp tín chỉ nhưng lại chưa đề cập rõ nội dung quan trọng của thương mại các bon rừng đó là hệ thống cấp giấy chứng nhận cho các tín chỉ các bon rừng đã được sử dụng và do vậy được coi là hết hạn không thể được giao dịch và phải loại bỏ trên hệ thống thương mại. Những yếu tố này cần được bổ sung để đảm bảo tính toàn vẹn chặt chẽ của hệ thống pháp lí.</p>	<p>Tiếp tục nghiên cứu, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh Dự thảo Nghị định.</p>
XII	Điều 11. Kinh phí triển khai dự án các-bon rừng			
1		Tổng công ty Hàng không Việt Nam	<p>Quy định tại Điều 11 còn khái quát, chưa làm rõ trình tự, thủ tục huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước cũng như các nguồn kinh phí hợp pháp khác.</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định rõ về cơ quan đầu mối tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt các khoản hỗ trợ quốc tế hay trong nước; cơ chế minh bạch trong lựa chọn nhà tài trợ hoặc đối tác, đặc biệt đối với hỗ trợ không hoàn lại.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo: Trình tự, thủ tục huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, cá nhân được thực hiện theo quy định pháp luật theo tính chất của nguồn vốn. Do vậy, không được quy định chi tiết tại Nghị định này.</p>

				- Cơ quan đầu mối, tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt các khoản hỗ trợ phụ thuộc vào việc cơ quan nào xây dựng dự án, tiếp nhận hỗ trợ.
2	Sở NN&MT tỉnh Lạng Sơn	<p>Đề nghị xem xét sửa lại thành:</p> <p><i>“Kinh phí triển khai dự án các-bon rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân được cân đối, bố trí từ ngân sách địa phương, nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng hoặc huy động nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.”</i></p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn tiền từ dịch vụ môi trường rừng được thực hiện theo Điều 62 Luật Lâm nghiệp, với nguyên tắc <i>“Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng”</i>, theo đó quy định thu, chi được thực hiện thông qua kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt hằng năm theo các Nghị định của Chính phủ, chủ yếu chi cho chủ rừng (chiếm 90%) và 10% chi phí quản lý để chi phụ cấp phục vụ công tác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; do đó việc bố trí nguồn tiền từ dịch vụ môi trường rừng cho lập dự án các-bon rừng là không khả thi, đặc biệt là những địa phương có nguồn thu thấp như tỉnh Lạng Sơn. - Nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước: Trong thực tiễn triển khai các dự án liên quan lâm nghiệp, việc được tiếp nhận nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước còn nhiều hạn chế. - Theo quy định của dự thảo Nghị định, việc triển khai được thực hiện thông qua dự án các-bon rừng, việc mở rộng nguồn kinh phí để xây dựng, lập dự án là cần thiết. Từ những lý do trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đề xuất bổ sung nguồn kinh phí triển khai dự án các-bon rừng từ nguồn cân đối của ngân sách địa phương, để trong trường hợp địa phương có khả năng cân đối ngân sách lập dự án các-bon rừng có thể chủ 	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì nguồn kinh phí hợp pháp khác đã bao gồm ngân sách địa phương.</p>	

			động thực hiện; hoặc sử dụng kinh phí ngân sách lập dự án các-bon thực hiện thí điểm, sau đó sử dụng các nguồn kinh phí như dự thảo đã nêu.	
3		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung thêm quy định kinh phí triển khai dự án các-bon rừng đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân để thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện Nghị định sau này.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo, kinh phí triển khai dự án các-bon được quy định tại Điều 13 dự thảo Nghị định để khuyến khích các chủ rừng triển khai dự án các-bon đối với rừng trồng không thuộc sở hữu toàn dân.
4		Sở NN&MT tỉnh Thái Nguyên	Đề nghị chỉnh sửa thành: “Kinh phí triển khai dự án các-bon rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân được cân đối, bố trí từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng, ngân sách nhà nước hoặc huy động nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.” Lý do: Đối với tỉnh có nguồn tiền thu dịch vụ môi trường rừng thấp cần bố trí ngân sách nhà nước để triển khai dự án các-bon rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo: Nguồn kinh phí hợp pháp khác đã bao gồm nguồn ngân sách nhà nước.
5		UBND tỉnh Kon Tum	Bổ sung vào Điều 11 Kinh phí triển khai dự án các-bon rừng như sau: “ <i>Kinh phí triển khai dự án các-bon rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân được cân đối, bố trí từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng theo điểm b khoản 3 Điều 14 (Đối với dự án các-bon rừng do Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam thực hiện), theo điểm b khoản 4 Điều 14 (Đối với dự án do Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện) quy định tại Nghị định này hoặc huy động nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác</i> ”.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo do: - Theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon là một trong năm loại dịch vụ môi trường rừng; - Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP: Quỹ BV&PTR Việt Nam và Quỹ BV&PTR cấp tỉnh được chi kinh phí quản lý để mở rộng nguồn thu về DVMTR. Việc triển khai các dự án các-bon là hoạt động huy động, mở rộng

				nguồn thu đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.
6		Bộ Tài chính	Theo Điều 61 Luật Lâm nghiệp 2017, dịch vụ môi trường rừng được chia thành nhiều loại dịch vụ. Do đó, việc quy định chung kinh phí triển khai dự án từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng dẫn đến việc bố trí kinh phí không được phân tách rõ ràng. Đề nghị Bộ NN&MT rà soát, điều chỉnh.	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon là một trong năm loại dịch vụ môi trường rừng; - Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP: Quỹ BV&PTR Việt Nam và Quỹ BV&PTR cấp tỉnh được chi kinh phí quản lý để mở rộng nguồn thu về DVMTR. Việc triển khai các dự án các-bon là hoạt động huy động, mở rộng nguồn thu đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.
7		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Có ý kiến đề nghị quy định rõ ai là người quyết định sử dụng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng, có áp dụng cơ chế tạm ứng tiền khi chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng lần đầu không?	<p>Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo do dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết về quản lý, sử dụng tiền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hình thức chi trả trực tiếp: Bên cung ứng có quyền quyết định số tiền thu được sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính về thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật (Điều 15 dự thảo Nghị định). - Đối với hình thức chi trả gián tiếp: việc trích kinh phí quản lý, điều phối cho địa phương và chi trả cho các đối tượng hưởng lợi

				trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 16 dự thảo Nghị định.
		UBND thành phố Đà Nẵng	Cần làm rõ đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân thì kinh phí triển khai sẽ được bố trí như thế nào.	Kinh phí triển khai dự án sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 13 dự thảo Nghị định: “ <i>Kinh phí đăng ký dự án; đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải, cấp tín chỉ các-bon rừng được cân đối, bố trí từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng hoặc huy động nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác, liên kết và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.</i> ”
			Hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí cụ thể theo từng hạng mục chi.	Việc sử dụng nguồn kinh phí đã được quy định chi tiết tại Điều 16 dự thảo Nghị định cho từng đối tượng.
8		Bộ Tư pháp	Tên Điều 11 dự thảo Nghị định được đặt là “ <i>Kinh phí triển khai dự án các-bon rừng</i> ”, tuy nhiên nội dung Điều 11 chỉ quy định về kinh phí triển khai dự án các-bon rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân. Đề nghị làm rõ cơ chế xác định kinh phí triển khai dự án các-bon rừng đối với các loại rừng không thuộc sở hữu toàn dân (như rừng của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư...) Trường hợp không quy định nội dung này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét chỉnh lý tên điều khoản cho phù hợp.	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo do “ <i>Kinh phí triển khai dự án</i> ” quy định tại Nghị định là kinh phí triển khai đối với các dự án các-bon rừng, không phân biệt giữa rừng thuộc sở hữu toàn dân hoặc rừng thuộc sở hữu của chủ rừng.
9		CARE International	Dự thảo chưa làm rõ kinh phí từ nước ngoài đầu tư trả trước cho các dự án các bon rừng sẽ được quản lý và đảm bảo như thế nào tại Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo do việc các tổ chức đầu tư triển khai các dự án các-bon sẽ

				được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên.
			Cần làm rõ các nhà đầu tư có thể trả trước và do vậy được sở hữu tín chỉ các bon trong tương lai hay không và đảm bảo họ đầu tư thì có thể được hưởng lợi và sở hữu tín chỉ trong tương lai.	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo do việc các tổ chức đầu tư triển khai các dự án các-bon sẽ được thực hiện theo thỏa thuận với các chủ rừng.
			Cần làm rõ hơn đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân thì các kinh phí triển khai sẽ được bố trí như thế nào?	Việc triển khai dự án các-bon từ nhiều nguồn kinh phí như: dịch vụ môi trường rừng, huy động hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác.
XIII	Điều 12. Hình thức trao đổi, chuyển nhượng			
1		Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai	Đề nghị nghiên cứu, hướng dẫn mẫu hợp đồng trao đổi, chuyển nhượng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại điểm b khoản 1 Điều 12.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì việc chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài phụ thuộc vào Tiêu chuẩn các-bon quốc tế và theo yêu cầu của các đối tác quốc tế nên không thể quy định mẫu chung hợp đồng, dự thảo Nghị định chỉ quy định nội dung chính của hợp đồng. (Điều 14 dự thảo Nghị định)
2		Bộ Xây dựng	Việc triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế (bao gồm hồ sơ, trình tự, thủ tục, mẫu Hợp đồng...) là nội dung mới, vì vậy Bộ Xây dựng đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thông tin chi tiết về các nội dung có liên quan đến hoạt động này.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì hồ sơ, mẫu hợp đồng phụ thuộc vào chuyển nhượng cho đối tác nào, tiêu chuẩn các-bon quốc tế và theo yêu cầu của các đối tác quốc tế.
3		Bộ Công thương	Tại điểm c khoản 1 quy định về hợp đồng và sàn giao dịch trong nước, nhưng chưa quy định cơ chế kết nối với thị trường quốc tế. Do vậy đề xuất bổ sung quy định mở về khả năng xuất khẩu tín chỉ các-bon rừng, đi kèm điều kiện cụ thể để chuyển giao quốc tế nhưng phải phù hợp với quy định về quản lý tín chỉ các-bon, thị trường	Tiếp thu ý kiến góp ý, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với trường hợp trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải trong nước và quốc tế.

			<p>các-bon và tránh mâu thuẫn với cam kết NDC của Việt Nam.</p> <p>Dự thảo hiện chỉ cho phép trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng thông qua hợp đồng mẫu và trên sàn giao dịch. Tuy nhiên, thực tiễn có nhiều mô hình hợp tác linh hoạt giữa doanh nghiệp và chủ rừng (ví dụ: góp vốn đầu tư ban đầu, không xác định giá cụ thể của tín chỉ).</p> <p>Do đó, đề nghị:</p> <p>(1) Mở rộng hình thức giao dịch (bao gồm cả thỏa thuận hợp tác ngoài sàn);</p> <p>(2) Không quy định mẫu hợp đồng, hoặc cho phép điều chỉnh linh hoạt phù hợp thực tế.</p>	
4		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	<p>Tại điểm b và điểm c khoản 1, đề nghị xem xét quy định Mẫu chung thực hiện hợp đồng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Nghị định đã quy định hình thức trao đổi, chuyển nhượng thông qua hợp đồng hoặc sàn giao dịch. - Tiếp thu, chỉnh sửa mẫu hợp đồng chỉ quy định những nội dung chính, có thể cho phép điều chỉnh linh hoạt phù hợp thực tế.
5		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	<p>Khoản 1: Chuyển nhượng tín chỉ các-bon của rừng theo hợp đồng được ký giữa bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ</p>	
6		CARE International	<p>Không nên có hai loại hợp đồng tạo nên sự khác biệt giữa các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài bởi (i) các tổ chức trong nước có thể ký kết với các tổ chức nước ngoài) và (ii) hợp đồng thương mại các bon rừng cần chuẩn hóa quốc tế để đảm bảo sự tuân thủ và lợi ích, quyền hạn và trách nhiệm của các bên được đảm bảo.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo do dự thảo Nghị định đang quy định về hợp đồng trong nước và hợp đồng cho đối tác quốc tế do:</p> <p>tiêu chuẩn các-bon khác nhau, đối tác quốc tế sẽ yêu cầu về hồ</p>

				sơ, hợp đồng, trách nhiệm, quyền hạn khác nhau.
			Cần làm rõ các hợp đồng có thể ghi nhận bằng Việt Nam đồng hay cả ngoại tệ và nguyên tắc tính tỉ giá.	Việc ghi nhận bằng tiền Việt nam hay ngoại tệ sẽ được hai bên thỏa thuận và quy định tại hợp đồng
			Ngoài ra, các chính sách thương mại các bon rừng trên thế giới đều cân nhắc và gắn kết với các hoạt động quản lý tài chính tiền tệ để đảm bảo phòng chống rửa tiền, tham nhũng và tội phạm liên biên giới. Tuy nhiên điều này chưa được cân nhắc trong dự thảo Nghị định như các Nghị định các bon rừng khác trên thế giới. Ngoài ra, Dự thảo chỉ đề cập tới quy trình cấp tín chỉ nhưng lại chưa đề cập rõ nội dung quan trọng của thương mại các bon rừng đó là hệ thống cấp giấy chứng nhận cho các tín chỉ các bon rừng đã được sử dụng và do vậy được coi là hết hạn không thể được giao dịch và phải loại bỏ trên hệ thống thương mại . Những yếu tố này cần được bổ sung để đảm bảo tính toàn vẹn chặt chẽ của hệ thống pháp lí.	<p>- Việc quản lý và sử dụng tiền đã được quy định chi tiết tại Điều 16 dự thảo Nghị định. Công tác kiểm tra, giám sát, công khai tài chính đã được quy định tại Điều 18 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Việc cấp giấy chứng nhận để thực hiện chuyển nhượng các-bon đã được quy định tại Điều 12 dự thảo Nghị định.</p>
XIV	Điều 13. Quản lý sử dụng nguồn thu theo hình thức chi trả trực tiếp			
1		UBND tỉnh Điện Biên	<p>Đề nghị quy định cụ thể “<i>nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật</i>” mà bên cung ứng phải thực hiện để sử dụng được số tiền thu được từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng.</p> <p>Lý do: Hiện nay, quy định của pháp luật về lâm nghiệp và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 chưa quy định cụ thể nghĩa vụ tài chính đối với nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng; do vậy, việc quy định chung như dự thảo Nghị định dẫn đến khó khăn cho các địa phương trong quá trình thực hiện.</p>	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì nội dung này phụ thuộc vào quy định của Luật Thuế, phí, lệ phí.

2		Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai	Tại khoản 1 Điều 13. Quản lý sử dụng nguồn thu theo hình thức chi trả trực tiếp, nội dung “ <i>Bên cung ứng có quyền quyết định việc sử dụng số tiền thu được từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật</i> ”, đề nghị xem xét, hướng dẫn rõ việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định nào?	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì nội dung này phụ thuộc vào quy định của Luật Thuế, phí, lệ phí.
3		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị làm rõ đối tượng “tổ chức” quy định tại khoản 2 để đảm bảo tương thích với Điều 11 dự thảo Nghị định.	“Tổ chức” ở đây được hiểu là chủ rừng là tổ chức (Ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp, VQG...)
4		Bộ Xây dựng	Đề nghị quy định rõ việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động trao đổi, chuyển nhượng, mua bán tín chỉ các-bon rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân.	Tiếp thu, chỉnh sửa tiêu đề tại Điều 16 Dự thảo Nghị định.
5		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Đề nghị quy định tương tự như quản lý nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi Nghị định 156. Mấu chốt là ưu tiên thị trường trong nước. tạo điều kiện tối đa để chủ rừng trong nước tự chủ, kêu gọi đầu tư, liên doanh liên kết.	Việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ các dự án các-bon rừng tại dự thảo Nghị định được đề xuất trên cơ sở việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ các loại DVMTR quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
6		CARE International	Khoản 1. Cần làm rõ nghĩa vụ tài chính của bên cung ứng bao gồm nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật.	Đề nghị giữ nguyên dự thảo vì nội dung này phụ thuộc vào quy định của Luật Thuế, phí, lệ phí.
			Làm rõ trường hợp là tổ chức được ủy quyền bởi các đối tượng chủ rừng khác thực hiện dự án các bon (Điều 8-9) thì sẽ áp dụng ra sao?	Việc ủy quyền cho các chủ rừng khác thực hiện dự án các-bon sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên
			Khoản 2, "phần còn lại được hạch toán là nguồn thu của đơn vị và được quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật" --> Điều này xung đột với điều 3 khoản 4 ở trên về việc doanh thu từ bán tín chỉ các bon sẽ được tái đầu tư cho phát triển và bảo vệ rừng.	Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.
XV	Điều 14. Quản lý sử dụng nguồn thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng			

1		Bộ Tài chính	<p>Điểm a khoản 1 Điều 14 quy định: “a) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận nguồn tiền và thực hiện điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh để thực hiện chi trả cho các đối tượng hưởng lợi đối với các Hợp đồng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ký”. Trong khi đó, khoản 1 Điều 4 quy định về bên cung ứng không bao gồm Bộ NN&MT. Do đó, đề nghị Bộ NN&MT rà soát lại quy định này</p> <p>Theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Lâm nghiệp 2017, nguồn tài chính hình thành Quỹ bảo vệ và phát triển rừng không bao gồm nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở quy định Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng được tiếp nhận toàn bộ nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.</p>	<p>Theo quy định của dự thảo Nghị định thì Bộ NN&MT đại diện cho các bên cung ứng trong phạm vi từ 2 tỉnh trở lên đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân ký hợp đồng.</p> <p>Dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng là 1 trong 5 loại dịch vụ môi trường rừng được quy định tại khoản 3 điều 61 Luật Lâm nghiệp nên nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng được tiếp nhận và quản lý nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.</p>
2		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	<p>Tại điểm b khoản 1 Điều 14 của dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm nội dung “<i>và nguồn phân bổ từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam</i>” sau cụm từ “<i>Hợp đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký</i>”.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa Tại điểm b khoản 1 Điều 16 của dự thảo Nghị định.</p>
3		Sở NN&MT tỉnh Lạng Sơn	<p>Tại điểm b khoản 1 Điều 14, đề xuất sửa đổi, bổ sung: “<i>Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận và thực hiện chi trả cho các đối tượng hưởng lợi đối với các Hợp đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký và nguồn tiền điều phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam.</i>”</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa Tại điểm b khoản 1 Điều 16 của dự thảo Nghị định.</p> <p>“<i>Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận và thực hiện chi trả cho các đối tượng hưởng lợi đối với các Hợp đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký và nguồn tiền điều</i></p>

				<i>phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam.”</i>
4		Bộ Tài chính	Khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định về số tiền điều phối và chi trả. Theo đó, đề nghị Bộ NN&MT làm rõ cơ sở, nguyên tắc để đưa ra công thức, xác định số tiền điều phối và chi trả cho các bên, đảm bảo công bằng, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.	<p>- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam thực hiện điều phối cho Quỹ tỉnh theo 2 tiêu chí:</p> <p>+ Diện tích rừng tự nhiên từng tỉnh;</p> <p>+ Kết quả giảm phát thải của từng địa phương.</p> <p>- Quỹ tỉnh thực hiện chi trả cho các đối tượng hưởng lợi theo diện tích rừng.</p> <p>Nguyên tắc chi trả này đã được thực hiện tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, đảm bảo số tiền điều phối cho địa phương công bằng, công khai, minh bạch.</p>
5		Sở NN&MT tỉnh Đắk Nông	<p>Tại khoản 3, 4, Điều 14, quy định tổng kinh phí trích tối đa là 20,5% tổng số tiền thực thu (Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam trích tối đa 5,5%; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trích tối đa 15%).</p> <p>Đề nghị điều chỉnh thành:</p> <p><i>“Tổng kinh phí trích tối đa là 10,5% tổng số tiền thực thu (Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam trích tối đa 5,5%; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trích tối đa 5%)”.</i></p> <p>Lý do: Công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông còn gặp nhiều khó khăn trong khi nguồn thu của các đơn vị chủ rừng còn hạn chế (<i>chủ yếu nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng</i>), chi đủ trả lương cho người lao động, không có kinh phí đầu tư cho công tác phát</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, tiếp tục nghiên cứu và chỉnh sửa mức trích kinh phí tại dự thảo Nghị định theo hướng mức trích theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và kế thừa kinh nghiệm triển khai thí điểm tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP để đảm bảo kinh phí cho một số hoạt động đặc thù như: đo đạc, báo cáo, xác minh kết quả giảm phát thải, phí cấp tín chỉ các-bon, ...</p>

			triển rừng; do đó, tổng kinh phí trích tối đa 20,5% tổng số tiền thực thu là quá lớn.	
6		UBND tỉnh Lào Cai	<p>Đề xuất cho điểm a: bổ sung kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động “Ban hành bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”.</p> <p>Lý do: Tại Khoản 1 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ hiện chưa quy định cụ thể đối với việc chi cho hoạt động ban hành bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b, khoản 4: “Xây dựng bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”.
			<p>Đề xuất cho điểm b: thêm nội dung chi cho “mua thiết bị, vật tư để ứng dụng công nghệ mới nhằm tăng cường công tác bảo vệ rừng”</p> <p>Lý do: để phù hợp với xu thế chung và thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.</p>	Tiếp thu điểm b: thêm nội dung chi cho “mua thiết bị, vật tư phục vụ công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng”
			<p>Đối với cụm từ “Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh” trong dự thảo Nghị định đề nghị thay thế bằng cụm từ “Đơn vị quản lý quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh”,</p> <p>Lý do: để phù hợp với tình hình thực tế, bởi một số tỉnh sau sáp nhập hiện không còn Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh riêng biệt.</p>	Tiếp thu: “Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh hoặc Đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng cấp tỉnh”.
7		Bộ Tài chính	<p>Theo khoản 3 và khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định, Quỹ được phép trích kinh phí quản lý và chi các hoạt động khác trên tổng số tiền thực thu trong năm (không phải căn cứ số thu theo kế hoạch). Bên cạnh đó, trên mẫu Báo cáo kế hoạch tài chính của Quỹ (mẫu số 01 và mẫu số 02 Phụ lục IV) có trình bày chỉ tiêu “năm trước chuyển sang” thuộc điểm 1 “thu từ bên sử dụng” (trong mục “Tổng thu”). Vì vậy, đề nghị Bộ NN&MT rà soát, làm rõ số liệu trên mẫu kế hoạch tài chính (mẫu số 01, mẫu số 02 Phụ lục IV) về số thu “năm trước chuyển sang” có tính trong tổng thu năm nay làm căn cứ trích</p>	<p>Tiếp thu và báo cáo giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng thu đã được trích chi phí quản lý của năm trước sẽ không được trích tiếp của năm sau. - Đối với các dự án quốc tế đang được hỗ trợ từ nguồn quốc tế (FCPF), trong thực tế đây là mức trích tối đa. Nghị định số 107/2022/NĐ-CP được xây dựng trong điều kiện có sự hỗ

		<p>kinh phí quản lý và chi các hoạt động khác hay không? Nếu tính trong tổng thu năm nay làm căn cứ trích thì sẽ dẫn đến trích trùng số liệu (vì năm trước đã tính trích trên số thực thu).</p>	<p>trợ của các dự án quốc tế cho các hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định, cấp tín chỉ, tăng cường năng lực, xây dựng hồ sơ, hồ trợ đàm phán... nên mức trích tối đa là 3%. Nội dung này đã được tham vấn và thống nhất bởi các bên liên quan trong quá trình xây dựng Nghị định. Tuy nhiên, nội dung này sẽ được tiếp tục nghiên cứu, rà soát để đề xuất mức trích kinh phí phù hợp.</p>
		<p>Điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 14 quy định: “b) Ngoài các chi phí theo quy định tại điểm a khoản này, được trích tối đa 5% tổng số tiền thực thu để chi cho các hoạt động bao gồm: đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải khí nhà kính, cấp tín chỉ các-bon; xây dựng các hướng dẫn; điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; tăng cường thực thi pháp luật về lâm nghiệp; giải quyết khiếu nại; các loại thuế, phí và chi khác có liên quan. Mức trích và nội dung chi cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp tỉnh phê duyệt.”</p>	
		<p>Đề nghị Bộ NN&MT thuyết minh bổ sung về cơ sở xác định phần trăm tổng số tiền thực thu được trích lại, hiện nay, Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ chỉ cho phép trích tỷ lệ tối đa 3% so với tổng nguồn thu.</p> <p>Đồng thời, làm rõ cơ sở quy định những nhiệm vụ chi từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo điều khoản trên, bao gồm đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải, cấp tín chỉ; xây dựng các hướng dẫn; điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; tăng cường thực thi pháp luật về lâm nghiệp; giải quyết khiếu nại (là những nhiệm vụ quản lý nhà nước);</p> <p>Làm rõ khoản tiền này được giao cho cơ quan, đơn vị nào, theo quy trình nào để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về rừng.</p>	
		<p>Điểm d khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định về trường hợp không xác định hoặc chưa xác định đối tượng nhận tiền. Đề nghị Bộ NN&MT giải thích rõ về trường hợp không/chưa xác định được đối tượng nhận tiền do việc mua bán, chuyển nhượng đã được các bên</p>	<p>- Đối với các dự án các-bon do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp tỉnh ký hợp đồng chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, một số diện tích rừng</p>

			ký hợp đồng rõ ràng hoặc giao dịch công khai trên sàn giao dịch các-bon.	tự nhiên không xác định hoặc chưa xác định đối tượng chi do: không xác định được chủ rừng do diện tích rừng đang tranh chấp hoặc chủ rừng đã chuyển đi, không còn ở địa phương hoặc diện tích chưa đủ điều kiện chi trả, ...
8		Sở NN&MT tỉnh Lạng Sơn	Tại điểm b khoản 4 Điều 14, đề xuất sửa đổi, bổ sung: <i>“Ngoài các chi phí theo quy định tại khoản điểm a khoản này, được trích tối đa 5% tổng số tiền thực thu để chi cho các hoạt động bao gồm: đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải, cấp tín chỉ; xây dựng các hướng dẫn: điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; tăng cường thực thi pháp luật về lâm nghiệp; giải quyết khiếu nại; các loại thuế, phí và chi khác theo quy định. Mức trích và nội dung chi cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”</i>	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo, mức trích và nội dung cụ thể: UBND tỉnh quyết định để phù hợp chức năng, nhiệm vụ, phân cấp phân quyền tại địa phương.
9		UBND thành phố Huế	Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “khoản”, cụ thể: “b) Ngoài các chi phí theo quy định tại khoản điểm a khoản này, được trích tối đa.....UBND cấp tỉnh quyết định” sửa thành: “b) Ngoài các chi phí theo quy định tại điểm a khoản này, được trích tối đa.....UBND cấp tỉnh quyết định”.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định.
10		UBND tỉnh Sơn La	Tại điểm a, đề nghị bổ sung nội dung chi cho các hoạt động như: xây dựng quy chế quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; điều tra trữ lượng các-bon rừng; mua sắm thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định.
			Tại điểm b, đề nghị chỉnh sửa “b) Ngoài các chi phí theo quy định tại khoản điểm a khoản này,...” thành “b) Ngoài các chi phí theo quy định tại điểm a khoản này,...”.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định.
11		Bộ Tài chính	Ngoài các chi phí cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, doanh nghiệp còn có thể phát sinh các chi phí như chi phí sản xuất, kinh doanh. Theo đó, đề nghị Bộ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nguồn thu này nằm

			<p>NN&MT làm rõ các chi phí này có thuộc chi phí được khấu trừ hay không?</p>	<p>trong phạm vi sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.</p>
12		UBND tỉnh Nghệ An	<p>Đề nghị điều chỉnh bổ sung các điểm a, b thành nội dung:</p> <p>“a) Trường hợp chủ rừng là tổ chức không khoán bảo vệ rừng hoặc chỉ khoán một phần diện tích, toàn bộ số tiền nhận được từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ là nguồn thu hợp pháp của chủ rừng. Chủ rừng được hạch toán là nguồn thu của đơn vị và được quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật trong đó ưu tiên các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Ngoài ra, chủ rừng có thể sử dụng phần nguồn thu này cho các mục tiêu phục vụ phát triển lâm nghiệp bền vững như: hỗ trợ sinh kế cộng đồng, phát triển mô hình nông-lâm kết hợp, giao đất giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo tồn đa dạng sinh học, khuyến nông - khuyến lâm, truyền thông pháp luật và các nội dung khác phù hợp với mục tiêu dự án.</p> <p>b) Trường hợp chủ rừng là tổ chức đã khoán bảo vệ toàn bộ diện tích rừng, phần kinh phí còn lại sau khi chi trả cho bên nhận khoán được chủ rừng quản lý, sử dụng như nguồn thu đơn vị để phục vụ các hoạt động hỗ trợ triển khai dự án các-bon rừng, bao gồm: đào tạo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm, truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng các quy chế quản lý và cam kết thực thi pháp luật lâm nghiệp. Việc sử dụng khoản thu này thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm trước pháp luật.”</p> <p>Lý do: để đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc chung quy định tại Khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định: “Nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là nguồn thu của chủ rừng, được sử</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định do các nội dung quy định đã kế thừa kinh nghiệm triển khai Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.</p>

			dụng cho các hoạt động phục vụ bảo vệ và phát triển rừng” và bình đẳng với quản lý sử dụng tiền bằng hình thức chi trả trực tiếp được quy định tại khoản 2 điều 13 dự thảo Nghị định: “trường hợp bên cung ứng là tổ chức, tiền thu được, sau khi trừ đi các chi phí để triển khai dự án các-bon rừng, trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, bao gồm tiền trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng, phần còn lại được hạch toán là nguồn thu của đơn vị và được quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.	
13		UBND tỉnh Sơn La	Tại điểm a, điểm b, đề nghị bổ sung nội dung chi cho các hoạt động như: điều tra, kiểm kê, đánh giá chất lượng rừng, trữ lượng rừng; mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định.
14		UBND tỉnh Sơn La	Đối với chủ rừng là cộng đồng dân cư việc sử dụng kinh phí thu được đề nghị phân cấp cho địa phương xây dựng chi tiết quy định sử dụng kinh phí cho các hoạt động quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.	Đề nghị giữ nguyên Dự thảo Nghị định do nguồn thu từ DVMTR do cộng đồng dân cư thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn tại cộng đồng.
15		Tổ chức Emergent	Làm rõ từ ngữ để tuân thủ Mục đích sử dụng được phê duyệt (Approved Uses) như được định nghĩa trong ERPA (mà Emergent và Cục LN đã thống nhất rằng tiền sẽ được giới hạn sử dụng cho mục đích PFES theo bản dự thảo ERPA dùng để tham vấn) bằng cách bổ sung: "Việc sử dụng số tiền thu được từ thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng sẽ tuân theo các quy định hiện hành (ví dụ: Nghị định 156/2018) trừ khi các bên tham gia thỏa thuận chuyển nhượng có thỏa thuận khác" (Trong trường hợp ERPA với Emergent, cần giới hạn mục đích sử dụng số tiền thu được của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và chủ rừng theo "Mục đích sử dụng được phê duyệt" (Approved Uses) quy định tại Phụ lục E của ERPA, có phạm vi hạn chế hơn so với những gì được đề cập tại Điều 14 của Dự thảo Nghị định).	Trong trường hợp ERPA với Emergent, có thể giới hạn mục đích sử dụng số tiền thu được của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và chủ rừng theo "Mục đích sử dụng được phê duyệt" (Approved Uses) quy định tại Phụ lục E của ERPA, có phạm vi hạn chế hơn so với những gì được đề cập tại Điều 16 của Dự thảo Nghị định).

16		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Đề nghị làm rõ chủ rừng là tổ chức khác không khoán bảo vệ rừng và chủ rừng là tổ chức khác có khoán bảo vệ rừng. Đồng thời, làm rõ cơ sở của việc quy định các chủ rừng được sử dụng kinh phí chi cho các hoạt động quy định tại điểm a khoản 6.	Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể chủ rừng có khoán bảo vệ rừng và không khoán bảo vệ rừng. Việc quy định nội dung chi của chủ rừng dựa trên quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
17		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Đề nghị bổ sung làm rõ việc sử dụng nguồn thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo thống nhất với nguyên tắc quy định về sử dụng nguồn thu tại Điều 3 dự thảo Nghị định và phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.	Nội dung sử dụng nguồn thu ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng đã đảm bảo thống nhất với nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.
18		Bộ Tài chính	Về quản lý sử dụng nguồn thu, đề nghị Bộ NN&MT đánh giá việc thực hiện và quản lý nguồn thu tại Nghị định 107/2022/NĐ-CP về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ để quy định tại dự thảo Nghị định này.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã dự thảo Báo cáo sơ kết kết quả triển khai Nghị định số 107/2022/NĐ-CP và các quy định tại dự thảo Nghị định đã kế thừa các quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP và khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.
19		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Điều 14 và 15: có thể phù hợp với một số chương trình REDD+ do cơ quan nhà nước làm đại diện. Tuy nhiên, tương tự như Điều 8, các quy định này sẽ không tạo ra cơ hội cho khối tư nhân tham gia.	Việc trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải qua hình thức trực tiếp (khối tư nhân) đã được quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định, bên cung ứng có quyền quyết định việc quản lý sử dụng tiền sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.
20		Hội Chủ rừng Việt Nam và Tổ chức Forest Trends	Bổ sung 1 hoặc 2 khoản cho 02 đối tượng là: hộ gia đình, cộng đồng dân cư là bên nhận khoán bảo vệ rừng	Việc khoán bảo vệ rừng: chủ rừng ký hợp đồng khoán với hộ gia đình, cộng đồng dân cư. Do

			xxx) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng từ chủ rừng thì được chủ rừng chi trả 90% số tiền thu được từ trao đổi, chuyển nhượng tín chỉ các-bon ở các diện tích khoán. Hộ gia đình được toàn quyền tự quyết định sử dụng số tiền này; cộng đồng dân cư sử dụng số tiền này theo quy chế của cộng đồng.	đó, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên nhận khoán được quy định tại hợp đồng khoán, theo quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP.
21		UBND tỉnh Thanh Hóa	Tại điểm d, khoản 4, điều 14 về quản lý sử dụng nguồn thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng: Đề nghị bổ sung nội dung hỗ trợ mua sắm tài sản phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và sửa thành <i>“d) Đối với số tiền thu được từ bên sử dụng dịch vụ nhưng không xác định hoặc chưa xác định đối tượng nhận tiền, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và hỗ trợ mua sắm một số công cụ, dụng cụ, máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng”</i> .	Đề nghị giữ nguyên theo dự thảo Nghị định do nội dung mua sắm công cụ, dụng cụ, tài sản cố định, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng đã được quy định tại điểm b, khoản 3; điểm b, khoản 4 và khoản 6 Điều 16 dự thảo Nghị định.
			Tại điểm b, khoản 6, điều 14 về quản lý sử dụng nguồn thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, quy định: <i>“b) Chủ rừng là tổ chức khác có khoán bảo vệ toàn bộ diện tích rừng, thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ”</i> . Tuy nhiên, từ quá trình thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ; việc khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng là tổ chức gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, khó thực hiện; vì vậy Nghị định cần làm rõ hoạt động này theo hướng lồng ghép các nguồn kinh phí và cụ thể	Tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa, bổ sung tại khoản 9 Điều 16 dự thảo Nghị định

			<p>về định mức. Từ đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 6, điều 14 thành “Chủ rừng là tổ chức khác có khoán bảo vệ toàn bộ diện tích rừng, thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; trong đó, nguồn kinh phí sử dụng để khoán bảo vệ rừng có thể lồng ghép với các nguồn kinh phí hợp pháp khác và mức khoán tối thiểu bằng mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, tối đa không lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng theo đối tượng nhận khoán trên cùng địa bàn cấp tỉnh.</p> <p>Mức cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Ngoài ra, chủ rừng được sử dụng kinh phí quản lý để chi cho các hoạt động tham quan, học hỏi kinh nghiệm; xây dựng các quy chế, cam kết thực thi pháp luật về lâm nghiệp”.</p>	
22	CARE International	<p>Khoản 2. Trong thực tế triển khai chi trả dịch vụ môi trường rừng lần Chương trình Giảm phát thải Vùng Bắc Trung Bộ, việc điều phối chi trả từ Quỹ trung ương tới Quỹ tỉnh thường chậm trễ do không quy định về thời gian phải thực hiện chi trả. Cần làm rõ thời gian các số tiền này được chi trả để quy trách nhiệm rõ ràng về các bên đồng thời đảm bảo Chi trả được thực hiện kịp thời. Ví dụ, Quỹ Trung ương sẽ chuyển chi trả sau 30 ngày nhận được chi trả và xác định lượng tín chỉ được cung cấp.</p>	<p>- Việc điều phối từ Quỹ Trung ương đến Quỹ tỉnh phụ thuộc vào thời gian chuyển tiền của bên sử dụng dịch vụ.</p> <p>- Dự thảo Nghị định đã quy định thời gian giải ngân tại khoản 2 Điều 17.</p>	
		<p>Nhiều tỉnh hiện nay đã sát nhập Quỹ BVPTR với Quỹ Bảo vệ Môi trường (ví dụ như Lào Cai) trong khi một số tỉnh khác không có Quỹ BVPTR (Cà Mau) do vậy Nghị định cần phải cập nhật với tình hình mới.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa bổ sung quy định: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng hoặc đơn vị thực hiện nhiệm vụ Quỹ Bảo vệ và</p>	

				phát triển rừng để đảm bảo đúng với tất cả các địa phương
			Khoản 3b, quy định sử dụng 5% tổng số tiền thực thu để chi cho các hoạt động bao gồm: đo đạc, báo cáo, thăm định kết quả giảm phát thải khí nhà kính, cấp tín chỉ carbon; xây dựng các hướng dẫn; điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; tăng cường thực thi pháp luật về lâm nghiệp; giải quyết khiếu nại; các loại thuế, phí và chi khác có liên quan trong thực tế không khả thi và quá thấp so với chi phí thực tế. Tuy nhiên, mức thu 5% này có thể ảnh hưởng đối với các dự án cộng đồng quy mô nhỏ. Cần xem xét quy định các mức sử dụng tùy thuộc vào quy mô của dự án thay vì cố định một mức chuẩn.	Tiếp thu ý kiến góp ý, tiếp tục nghiên cứu và đề xuất mức trích kinh phí theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm triển khai thí điểm tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.
			Khoản 5. Cần có quy định chặt chẽ về việc chủ rừng là tổ chức kinh tế chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương.	Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết tại khoản 6 Điều 16.
23		UNEP	Khoản 3(b) Điều 14 dự thảo Nghị định quy định trích 5% nguồn thu để chi cho hoạt động quản lý, do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định mức phân bổ và nội dung chi. Tuy nhiên, chưa có cơ chế bảo đảm rằng việc phân bổ nguồn thu sẽ tính đến yếu tố công bằng, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số hoặc cộng đồng dễ bị tác động, để bảo đảm việc chi trả công bằng và minh bạch.	Việc chi trả cho các đối tượng hưởng lợi sẽ được chi trả theo diện tích đang quản lý, đảm bảo tiền từ việc trao đổi, chuyển nhượng công bằng, công khai, minh bạch.
XVI	Điều 15. Lập kế hoạch tài chính, giải ngân, thanh toán, quyết toán, chế độ báo cáo			
1		UBND tỉnh Điện Biên	Điểm b, c, khoản 1: Để có căn cứ áp dụng, thực hiện đề nghị quy định cụ thể cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tài chính của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh và Kế hoạch tài chính của chủ rừng là tổ chức là cơ quan nào?	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b, c khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định
2		UBND tỉnh Quảng Bình	Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung điểm b, c, d khoản 1 về thời gian lập, trình phê duyệt kế hoạch tài chính. Tại điểm b, đề nghị điều chỉnh cấp phê duyệt kế hoạch tài chính là UBND tỉnh.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do: - Chưa xác định thời điểm nhận tiền.

			Tại điểm c, đề nghị quy định cụ thể cơ quan thẩm định, phê duyệt kế hoạch tài chính đối với chủ rừng là tổ chức	- Cơ quan quản lý cấp trên thẩm định, phê duyệt kế hoạch tài chính đối với chủ rừng là tổ chức.
3	Sở NN&MT tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về thời gian lập kế hoạch tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, Chủ rừng là tổ chức, UBND cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.		Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì chưa xác định thời điểm nhận tiền
		Tại điểm b khoản 1 Điều 15 có nội dung “Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.” Tại điểm b khoản 2 Điều 15 có nội dung: “Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chi trả cho chủ rừng, UBND cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng căn cứ kế hoạch tài chính được UBND cấp tỉnh phê duyệt, trước ngày 31/12 hằng năm.” Đề nghị xem xét và thống nhất về đơn vị phê duyệt kế hoạch tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh.		Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định
4	Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	<p>- Tại điểm b khoản 1 Điều 15 của dự thảo Nghị định:</p> <p>+ Đề nghị sửa cụm từ “<i>trình cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>” thành “<i>trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt</i>”.</p> <p>+ Đề nghị sửa nội dung “<i>Căn cứ kế hoạch tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thông báo số tiền chi trả cho bên cung ứng; gửi kế hoạch tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam</i>” thành “<i>Căn cứ kế hoạch tài chính được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thông báo số tiền chi trả cho bên cung ứng; gửi kế hoạch tài chính được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam</i>”.</p>		Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định

5		Bộ Tài chính	<p>Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 15 Dự thảo Nghị định quy định việc lập kế hoạch tài chính căn cứ vào “số tiền nhận được từ bên sử dụng dịch vụ”. Tuy nhiên, cụm từ này có thể bị hiểu nhầm là căn cứ số thu thực tế, trong khi trên thực tế, kế hoạch tài chính thường được lập vào đầu năm, căn cứ trên kế hoạch thu có cơ sở pháp lý (hợp đồng, thỏa thuận, văn bản ủy thác...). Do đó, đề nghị Bộ NN&MT rà soát, cân nhắc quy định này.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định</p>
6		UBND tỉnh Điện Biên	<p>Điểm b khoản 2: Đề nghị xem xét chỉnh sửa thời hạn chi trả cho chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng từ “trước ngày 31/12 hằng năm” thành “trước ngày 01/6 hằng năm” để thống nhất với thời hạn chi trả với các dịch vụ môi trường rừng khác quy định tại Điều 71, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì kết quả giảm phát thải được tính trong quá khứ (năm trước) do tính đặc thù của dịch vụ này khác với các loại dịch vụ môi trường rừng khác.</p>
7		UBND tỉnh Quảng Bình	<p>Đề nghị điều chỉnh cấp phê duyệt kế hoạch tài chính là Chủ tịch UBND tỉnh.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phụ thuộc vào cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.</p>
8		Tổ chức Emergent	<p>Bổ sung một điều khoản trong Dự thảo Nghị định yêu cầu Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Môi trường có nghĩa vụ thực hiện các chức năng giám sát và báo cáo theo các điều khoản của thỏa thuận chuyên nhượng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ký (Mặc dù có cơ sở pháp lý chung về giám sát và báo cáo đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (tại các Điều 15.1 và 15.4 của Dự thảo Nghị định, Điều 64, 68, 76.1(i) và 76.2(k), 71.4 và 81 và 72.1 của Nghị định 156), vẫn chưa xác định rõ vai trò của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam trong việc có một quy trình tổng thể và một khung kiểm soát nội bộ bao gồm các cơ chế bảo vệ dữ liệu, kiểm soát nội bộ, v.v. như được nêu tại Phụ lục K của ERPA (mục 5), hoặc để đảm bảo rằng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam sẽ áp dụng các nguyên tắc và tiêu chuẩn ủy thác đầy đủ liên quan đến</p>	<p>Đây là trường hợp đặc biệt và sẽ theo Thỏa thuận được ký kết, vì vậy sẽ thực hiện theo Thỏa thuận. Đã được quy định tại Điều về điều khoản thực hiện.</p>

			pháp luật và quy định về "Biết khách hàng của mình" (Know your customer – KYC), v.v. như được nêu tại Phụ lục J (mục 2 và 7) của ERPA).	
9		Bộ Tài chính	Tại khoản 4 Điều 15 dự thảo Nghị định có quy định chế độ báo cáo về quản lý, sử dụng nguồn thu, tuy nhiên không có quy định về mẫu biểu báo cáo. Trường hợp áp dụng mẫu báo cáo như quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp thì cần có trích dẫn cụ thể.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định
10		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, thời gian chốt số liệu báo cáo được quy định như sau: “4. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.” Theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát khoản 4, nghiên cứu để quy định bổ sung thời hạn gửi báo cáo, đồng thời, xem xét bổ sung mẫu báo cáo để đảm bảo thuận tiện cho các cơ quan, đơn vị thực hiện và tổng hợp báo cáo.	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định
11		CARE International	Hiện nay trong dự thảo chỉ đề cập đến trách nhiệm chung khi lập kế hoạch tài chính, giải ngân, tuy nhiên, để đảm bảo hệ thống quản lý tín chỉ các bon rừng của Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn toàn diện, cốt lõi và chất lượng cao, Nghị định có thể cần nhắc: Bổ sung hướng dẫn về việc đảm bảo công bằng giới trong việc tiếp cận và phân phối lợi ích vào phụ lục hoặc gắn với phụ lục IV “Lập kế hoạch tài chính”; trong đó, có đề cập đến “ các nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương ” — bao gồm phụ nữ — cần được ưu tiên và hỗ trợ để tiếp cận thông tin, tham gia và hưởng lợi	- Hệ thống tín chỉ các-bon không thuộc phạm vi quy định của Nghị định. - Nội dung chi quy định tại Điều 16 dự thảo Nghị định đã đảm bảo việc chi trả tiền đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, ưu tiên các cộng đồng dân cư sống gần rừng.
			Hiện nay chế độ báo cáo chỉ dừng lại ở chia sẻ thông tin giữa cơ quan nhà nước, người mua và người bán và Quỹ Bảo vệ Phát triển rừng. Tuy nhiên, theo các tiêu chuẩn quốc tế và theo kinh nghiệm của các nước đã phát triển	Tại Điều 18 đã quy định về công khai tài chính.

			quy định về các bon rừng, toàn bộ hệ thống tài chính và giải ngân cần được công bố rộng rãi trên hệ thống trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch.	
12		UNEP	<p>Quy trình phê duyệt kế hoạch tài chính tại Điều 15 còn thiếu rõ ràng. Cụ thể: Nghị định yêu cầu “lập báo cáo trình Hội đồng quản lý Quỹ để phê duyệt và trình cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt”. Chưa rõ quy trình này được thực hiện song song hay theo trình tự, cơ quan nào là “cơ quan có thẩm quyền”, cũng như căn cứ, tiêu chí phê duyệt hoặc từ chối kế hoạch tài chính. Đồng thời, chưa có quy định về quy trình nộp hồ sơ và xét duyệt kế hoạch tài chính.</p> <p>Để bảo đảm tính minh bạch, Dự thảo Nghị định cần giao trách nhiệm rõ ràng cho một cơ quan cụ thể, đồng thời quy định rõ quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tài chính. Ngoài ra, để tăng tính công khai, các kế hoạch tài chính sau khi phê duyệt cần được công bố và cho phép công chúng tiếp cận.</p>	Việc quy định tại dự thảo Nghị định đã được triển khai tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể: Quỹ lập kế hoạch, sau khi được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua các hoạt động trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt. Việc báo cáo thông qua các cấp đảm bảo tiền DVMTR được thực hiện hiệu quả, công khai, minh bạch.
			Điều 15 đề cập đến “Hội đồng quản lý Quỹ” nhưng chưa có giải thích về mục đích, cơ cấu tổ chức, chức năng hoặc cơ sở thành lập.	Hội đồng quản lý Quỹ đã được quy định về tổ chức Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
XVII	Điều 16. Kiểm tra, giám sát, công khai tài chính			
1		Tổ chức Emergent	Vui lòng xem xét bổ sung: “Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm liên đới và riêng lẻ và phải tuân thủ nghiêm ngặt bất kỳ hướng dẫn hoặc yêu cầu nào do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng (ví dụ: ERPA) do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ký với bên sử dụng dịch vụ. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề quan trọng nào và theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc bên sử dụng dịch vụ có liên quan theo thỏa thuận đó, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam sẽ phối hợp với bên sử dụng dịch vụ và có hành động thích hợp để giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đề xuất sẽ được quy định tại Thỏa thuận. - Tại Điều 18 dự thảo Nghị định, quy định về kiểm tra, giám sát đã quy định rõ Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra việc quản lý và sử dụng tiền của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam.

			vấn đề, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc bồi thường hoặc hoàn trả bất kỳ khoản tiền thu được nào mà đã được sử dụng không phù hợp với mục đích theo thỏa thuận liên quan”.	
1		CARE International	Điều 72 Nghị định 156 chỉ qui định "Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tiền dịch vụ" Đề xuất bổ sung qui định minh bạch hoá dữ liệu - thẩm định, kiểm kê, xác minh, báo cáo lượng các bon trong quá trình thực hiện dự án các-bon rừng cho phục vụ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon.	Việc thẩm định, xác minh kết quả giảm phát thải đã được quy định tại Nghị định số 06/2020/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.
			Ngoài ra cần kiểm tra giám sát về các biện pháp đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội, và có quy định về hệ thống giám sát và báo cáo về bình đẳng giới. Cụ thể hơn, - Cần có cơ chế khiếu nại và giải quyết tranh chấp có nhạy cảm giới - Cần có yêu cầu thu thập dữ liệu phân tách theo giới - Cần giám sát tác động về giới trong quá trình thực hiện chính sách. Đề cập đến việc không gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi cộng đồng (Do-no-harm) - Bổ sung điều khoản về xây dựng cơ chế khiếu nại từ cộng đồng và có yêu cầu cụ thể với cơ chế phải có các kênh phù hợp để phụ nữ có thể tiếp cận và phản ánh một cách an toàn	- Các nội dung này sẽ được thực hiện khi xây dựng báo cáo kết quả giảm phát thải. - Việc khiếu nại, phản hồi sẽ được thực hiện theo Luật tố cáo, khiếu nại và các văn bản quy phạm pháp luật khác.
XVIII	Điều 19. Trách nhiệm thi hành			
1		Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai	Đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã đã được quy định tại một số Điều của Nghị định.
2		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Tại điểm d khoản 1 và điểm c khoản 4 đang quy định trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, qua rà soát, nhận thấy không có sự khác biệt về trách nhiệm giữa Bộ và UBND cấp tỉnh, vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn	Tiếp thu, đã chỉnh sửa quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 19 Dự thảo Nghị định.

			thảo rà soát để quy định trách nhiệm phù hợp với từng cơ quan.	
3		Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ NN&MT trong việc tổng hợp kết quả tình hình chi trả, sử dụng nguồn thu từ Quỹ Bảo vệ phát triển rừng, của các chủ rừng và UBND tỉnh, xã; kiểm tra, giám sát việc sử dụng, quản lý chi tiêu nguồn thu đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đã được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định.
4		Bộ Tài chính	Dự thảo Nghị định có quy định về việc Bộ NN&MT quy định phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; UBND cấp tỉnh ban hành bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Luật giá 2023 chưa có các quy định liên quan đến định giá các-bon. Đồng thời, căn cứ khoản 2 Điều 8 Luật giá 2023 quy định về quyền của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được tự định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh theo khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phù hợp với căn cứ, nguyên tắc, phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Luật này. Do đó, việc định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật giá. Việc quy định giao Bộ Tài chính phối hợp hướng dẫn phương pháp định giá là không có cơ sở. Đề nghị Bộ NN&MT bỏ quy định này, theo đó, Bộ Tài chính sẽ theo chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý nhà nước của mình phối hợp với Bộ NN&MT thực hiện Nghị định này theo quy định tại khoản 3 Điều 17 dự thảo Nghị định	Tiếp thu, chỉnh sửa.
5		UBND tỉnh Đắk Lắk	Tại dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh “Quản lý, đảm bảo việc thực hiện đóng góp giảm phát thải do quốc gia tự quyết định lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất tại địa phương”; hiện tại nội dung này cũng chưa có hướng dẫn và quy định chi tiết về	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 12 dự thảo Nghị định.

			phân bổ đóng góp giảm phát thải quốc gia tự quyết cho địa phương cụ thể là bao nhiêu và phân bổ dựa trên chỉ tiêu, tiêu chí như thế nào; trong khi đó để tính được giá trị cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon của chủ rừng cần phải trừ đi giá trị đóng góp quốc gia tự quyết (NDC). Do đó, cần có quy định cụ thể, hướng dẫn chi tiết để địa phương triển khai, giao chỉ tiêu về các bên cung ứng dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ NDC trước khi tham gia trao đổi, chuyển nhượng loại hình dịch vụ này.	
			Tại dự thảo Nghị định cũng quy định trách nhiệm của UBND tỉnh “Ban hành bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”; vì chưa có quy định cụ thể, do đó đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung sẽ ban hành hướng dẫn phương pháp định giá, cập nhật giá quốc tế, hoặc thiết lập hệ thống báo giá tham chiếu do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định, hướng dẫn.	Tiếp thu, đã rà soát bỏ trách nhiệm này của UBND tỉnh, được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo Nghị định.
			Ngoài ra, UBND tỉnh Đắk Lắk nhận thấy tín chỉ các-bon là một loại hình dịch vụ trao đổi, chuyển nhượng (một loại hàng hoá) mà đây là thị trường mới, giá còn biến động lớn và thay đổi thường xuyên theo giá thị trường trong nước và quốc tế; việc quy định UBND tỉnh ban hành bảng giá cố định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng sẽ khó phù hợp để áp dụng với tình hình thực tế biến động chung của thị trường. Do đó, UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu có một quy định chung theo hướng cho phép áp dụng giá linh động theo thị trường để linh hoạt áp dụng, không vướng mắc trong quá trình thực hiện.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 7 dự thảo Nghị định.
6		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Tại điểm b khoản 4 dự thảo Nghị định, quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành bảng giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”, đề nghị Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm rà soát Luật Giá và Luật Lâm nghiệp để đảm bảo tính thống nhất, phù hợp, vì theo khoản 4 Điều 73 Luật Giá (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 90 của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, quy	Tiếp thu, rà soát

			định: “4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định khung giá rừng trên địa bàn quản lý”.	
7		CARE International	Khoản 1c. Để đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam có thể tiệm cận và dễ dàng được chấp nhận trên thị trường quốc tế, tiêu chuẩn này nên sử dụng các tiêu chuẩn các bon chất lượng cao đã được ghi nhận và thông qua trên thị trường như CORSIA, the Paris Agreement Crediting Mechanism và IC-VCM.	Tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu
			Hiện nay chưa rõ ràng về hệ thống hướng dẫn mà các công ty nước ngoài có thể làm việc. Theo các ý kiến đóng góp từ khối tư nhân, việc có một đầu mối tiếp nhận các yêu cầu và đề xuất của các công ty nước ngoài sẽ dễ dàng đối với các công ty nước ngoài hơn.	Tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu
			Cần có những hướng dẫn cụ thể về quy trình đăng ký và quản lý (đơn vị nào của Bộ, đầu mối liên hệ là ai) để hỗ trợ doanh nghiệp nước ngoài tốt hơn.	Tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu, hướng dẫn triển khai
			Cả Bộ Nông Nghiệp và Môi trường và UBND tỉnh đều có trách nhiệm tổ chức triển khai dự án các-bon rừng; đàm phán, ký và triển khai hợp đồng trao đổi, chuyên nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng với đối tác quốc tế và trong nước. Cần làm rõ các hợp đồng và thỏa thuận có phải được hai cơ quan này chấp nhận và ký hay không. Điều này cần làm rõ ở cả Điều 17 này lẫn Điều 12.	
			Khoản d. Cần nhấn mạnh về việc Việt Nam sẽ thực hiện triển khai dự án các bon rừng theo Điều khoản 6 của Thỏa thuận Paris.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định.
			Vai trò của Bộ Tài chính trong việc xây dựng định giá các bon rừng và các chính sách thuế khác có liên quan đến thương mại các bon rừng	
			Khoản 4b. Trên thực tế, sẽ rất khó để UBND tỉnh đưa ra một bảng giá vì mức giá của một tín chỉ các bon phụ thuộc vào quy mô, tính phức tạp, lợi ích xã hội và môi trường của chúng. Một dự án độc canh quy mô lớn sẽ	Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại Điều 7 dự thảo Nghị định.

			có bảng giá các bon rẻ hơn nhiều so với một dự án quy mô nhỏ, có sự tham gia cộng đồng và hướng tới bảo tồn đa dạng sinh học.	
			Các dự án trong nước đã có hệ thống theo dõi, giám sát và báo cáo nhưng các dự án do các tổ chức nước ngoài bán trên thị trường quốc tế thì chưa có quy định họ sẽ phải báo cáo như thế nào cho các cấp có thẩm quyền.	
8		UNEP	<p>Điều 17 đã xác định trách nhiệm chung của Bộ quản lý ngành, song chưa quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong bộ máy. Việc phân công cụ thể trách nhiệm cho từng đơn vị trực thuộc hoặc thành lập tổ chức mới (nếu cần thiết) sẽ giúp tránh chồng chéo, trùng lặp chức năng, đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp và trách nhiệm giải trình.</p> <p>Khi giao trách nhiệm, Dự thảo Nghị định cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao, đồng thời xem xét thành phần tham gia để bảo đảm chuyên môn và có sự tham gia của các bộ, ngành liên quan, giới học thuật, xã hội dân sự, khu vực tư nhân (nếu phù hợp)</p>	Tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu.
			Khoản 3 Điều 17 yêu cầu các bộ, ngành chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công. Tuy nhiên, quy định này cần được cụ thể hóa bằng cách xác định rõ những bộ, ngành nào có trách nhiệm phối hợp, cũng như quy định nghĩa vụ phối hợp của chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường với các bộ, ngành liên quan. Điều này sẽ bảo đảm cơ chế phối hợp hai chiều, tránh hình thức, nâng cao hiệu quả thực thi.	Đề nghị giữ như dự thảo, các Bộ, ngành có chức năng nhiệm vụ rõ ràng.
			Điều 17(1)(b) yêu cầu xây dựng “Tiêu chuẩn các-bon rừng”, nhưng chưa đưa ra định hướng về mục tiêu, nội dung, cơ quan chịu trách nhiệm trong Bộ, đối tượng cần tham vấn, quy trình tham vấn và mốc thời gian ban hành sau khi Nghị định có hiệu lực.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, Tiêu chuẩn các-bon rừng quốc gia đang được xây dựng theo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
XIX	Điều 20. Hiệu lực thi hành			

1		Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 3 Điều 18, Điều khoản này là cần thiết để bảo vệ các hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, để bảo đảm quản lý chặt chẽ và hướng tới sự đồng bộ trong tương lai, đề nghị bổ sung yêu cầu các tổ chức, cá nhân có hợp đồng đã ký trước ngày Nghị định có hiệu lực phải báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong một khoảng thời gian nhất định (ví dụ: trong vòng 06 tháng) về tình hình thực hiện hợp đồng.	Tiếp tục nghiên cứu bổ sung
XX	Phụ lục I: Mẫu bản cam kết tự nguyện tham gia dự án và biên bản kiểm tra diện tích rừng tham gia dự án			
1		Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	Mẫu cam kết cần bổ sung điều khoản về quyền từ chối tham gia dự án của chủ rừng để đảm bảo tính tự nguyện.	Nghiên cứu bổ sung
2		UBND tỉnh Đắk Lắk	Về đối tượng được tham gia dự án là các hộ gia đình, cá nhân: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có rất nhiều các chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc ranh giới quản lý rừng không rõ ràng; việc yêu cầu nội dung cam kết tham gia dự án (mẫu số 01, phụ lục 1, dự thảo Nghị định) hồ sơ gồm có: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc quyết định giao đất, giao rừng sản xuất” sẽ gây khó khăn và ảnh hưởng đến quyền lợi của các cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp bảo vệ rừng từ trước đến nay không được hưởng các dịch vụ nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và cải thiện sinh kế. Do đó, UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu có quy định theo hướng gợi mở để cho phép chủ rừng chưa có GCN QSDĐ nhưng có quyết định giao rừng, hợp đồng giao khoán, hoặc xác nhận thực tế sử dụng đất từ UBND xã cũng được tham gia dự án và được hưởng lợi.	Nghiên cứu để chỉnh sửa quy định phù hợp.
3		UBND thành phố Huế	Đề nghị cơ quan soạn thảo cập nhật theo thông tin cư trú Căn cước công dân, không nên đưa vào các thông tin khác như: dân tộc, nguyên quán, hộ khẩu thường trú.	Nghiên cứu để chỉnh sửa quy định phù hợp.
4		Sở NN&MT tỉnh Thái Nguyên	Tại mẫu số 04, 05, 06 Phụ lục I trong dự thảo Nghị định, nội dung thành phần kiểm tra gồm: “1. Đại diện Bộ	Tiếp thu, chỉnh sửa

			Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...”. Đề nghị chỉnh sửa thành: “ Đại diện cấp, cơ quan có thẩm quyền... ”. Lý do: Hiện nay, Chính phủ đã ban hành 28 Nghị định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền giữa Chính phủ và chính quyền địa phương 2 cấp. Đề nghị chỉnh sửa để thuận tiện cho các địa phương trong việc kiểm tra các diện tích rừng tham gia dự án.	
5		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị sửa lại “Mẫu số 05. Biên bản kiểm tra diện tích rừng tham gia dự án áp dụng cho chủ rừng là tổ chức” để phù hợp với danh sách các mẫu biểu ở phía sau.	Tiếp thu, chỉnh sửa
6		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị sửa lại “Mẫu 06 Biên bản kiểm tra diện tích rừng tham gia dự án áp dụng cho chủ rừng là cộng đồng dân cư” để phù hợp với danh sách các mẫu biểu ở phía sau.	Tiếp thu, chỉnh sửa
7		UBND tỉnh Thanh Hóa	Tại Phụ lục I, Mẫu số 06. Mẫu biên bản kiểm tra diện tích rừng tham gia dự án áp dụng cho chủ rừng là cộng đồng dân cư: Đề nghị bổ sung “ Đại diện Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh ” vào thành phần ký biên bản. Lý do: Vì thành phần kiểm tra có đại diện Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh.	Tiếp thu, chỉnh sửa
XXI	Phụ lục II: Mẫu hợp đồng trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng			
1		Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	Mẫu hợp đồng cần bổ sung điều khoản về cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế (nếu bên sử dụng là tổ chức nước ngoài) và quy định về tỷ giá quy đổi USD/VND tại thời điểm thanh toán.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa
2		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Phần căn cứ chưa đầy đủ, nên bổ sung các căn cứ quan trọng gồm: Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định 06/2022/NĐ-CP và Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025.	Tiếp thu, chỉnh sửa
			Điều 1 và Điều 3: Loại mặt hàng giao dịch là tín chỉ các-bon tạo ra từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng nên không cần bảng kê tên hàng hoá. Thay vào đó là bảng kê số lượng tín chỉ theo các lô/khoảnh rừng đăng	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa

			ký dự án hoặc lượng tín chỉ tạo ra từ diện tích rừng theo các chủ rừng.	
3		CARE International	Dự thảo Nghị định hiện nay đi theo xu thế quốc tế khi xây dựng và quản lý tín chỉ các bon rừng thông qua các hướng dẫn về thỏa thuận hợp đồng (Phụ lục 2 của Dự thảo Nghị định). Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu khắt khe của thị trường, giảm thiểu rủi ro thương mại cho Việt Nam và các chủ rừng, đặc biệt khi có sự tham gia của các công ty nước ngoài và phòng tránh các vấn đề pháp lý về các bon, cần cân nhắc sử dụng các mẫu hợp đồng quốc tế đã được các luật sư trên toàn cầu rà soát và đang được các quốc gia sử dụng để yêu cầu các bên tham gia thương mại các bon sử dụng.	
4			Phụ lục II - MẪU HỢP ĐỒNG TRAO ĐỔI, CHUYỂN NHƯỢNG KẾT QUẢ GIẢM PHÁT THẢI, TÍN CHỈ CÁC-BON RỪNG quá đơn giản và bỏ qua các vấn đề then chốt mà bất cứ hợp đồng nào liên quan đến tín chỉ các bon rừng cũng phải giải quyết. Nên sử dụng các mẫu hợp đồng đã được quốc tế công nhận và sử dụng.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa
5		UNEP	Mẫu Hợp đồng chuyển giao kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon rừng (Điều 7, Phụ lục II) chỉ quy định các bên có thể đưa vụ việc ra “Tòa án có thẩm quyền”. Ngoài cơ chế khởi kiện, Dự thảo Nghị định chưa có quy định về hình thức giải quyết tranh chấp khác (như hòa giải, trọng tài). Đặc biệt, một số mẫu “cam kết tham gia” có nội dung yêu cầu bên ký cam kết “không khởi kiện Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh... liên quan đến lợi ích” là chưa phù hợp, vì mâu thuẫn với quyền tiếp cận công lý và cơ chế khiếu nại, khởi kiện theo pháp luật.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa
XXII	Phụ lục III: Xác định số tiền điều phối cho Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, chủ rừng và tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng			

1		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Tại phụ lục III. Xác định số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, chủ rừng và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng: Các công thức tính tại mục 1 và 2 chưa đầy đủ, đề nghị xem xét, bổ sung.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
2		UBND tỉnh Sơn La	Đề nghị bổ sung quy định cụ thể hơn đối với việc xác định số tiền chi trả cho chủ rừng, UBND cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng đối với nguồn thu từ các Hợp đồng trao đổi, chuyển nhượng do Ủy ban nhân dân tỉnh ký kết với bên sử dụng dịch vụ ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể nội dung này dựa trên quy định tại phụ lục III kèm theo dự thảo Nghị định (<i>Theo dự thảo mới chỉ quy định đối với việc xác định số tiền điều phối từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam, mà chưa quy định đối với số tiền thu từ bên sử dụng dịch vụ ký Hợp đồng với UBND tỉnh ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh</i>).	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
3		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Công thức (1) và (2) thiếu các tham số.	Tiếp thu.
XXIII	Phụ lục IV: Mẫu kế hoạch tài chính			
XXIV		Ý kiến chung		
1		Sở NN&MT tỉnh Đắk Nông	Ngoài ra, đề nghị bổ sung: - Cơ chế định giá và giao dịch tín chỉ các-bon rừng: Hướng dẫn cụ thể về cách xác lập, đo đạc, giám sát, xác minh lượng các-bon hấp thụ, cũng như phương pháp định giá tín chỉ các-bon rừng (ví dụ: <i>Thiết lập chuẩn mực quốc gia cho việc MRV,...</i>). - Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về hấp thụ các-bon rừng, kết nối liên thông với hệ thống kiểm kê khí nhà kính.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung

2		UBND tỉnh Kon Tum	- Dự thảo Nghị định có đề cập đến giảm phát thải khí nhà kính nhưng nội dung dự thảo chưa quy định cụ thể về giảm phát thải khí nhà kính, cam kết giảm phát thải thông qua các hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, suy thoái rừng.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
3		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	Tại các mẫu biểu, mục 1. Vị trí đề nghị bổ sung thêm cụm từ “Tiểu khu” ở sau cụm từ “Lô, khoảnh”.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
4		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	<p>Đề nghị nghiên cứu, quy định theo hướng ưu tiên, cụ thể liên quan đến số tiền thu được của hộ gia đình dân tộc thiểu số trong quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống đồng bào.</p> <p>Trong dự thảo Nghị định viện dẫn một số văn bản quy phạm pháp luật như: Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ,... Tuy nhiên việc viện dẫn, viện dẫn lại văn bản trong dự thảo Nghị định chưa đúng nguyên tắc được quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP).</p>	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
5		Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai	<p>Đối với các nội dung liên quan đến Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng trong dự thảo, đề nghị xem xét, chỉnh sửa tên cho phù hợp</p> <p>Lý do: Hiện nay, tại các địa phương đang thực hiện việc hợp nhất lại các đơn vị, tổ chức có liên quan; trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã hợp nhất Quỹ Bảo vệ Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và Quỹ Phòng, chống thiên tai lấy tên là Quỹ Nông nghiệp và Môi trường. Vì vậy, đề nghị rà soát lại cho thống nhất, phù hợp.</p>	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa

			Từ các nội dung góp ý nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa dự thảo Tờ trình về Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; Báo cáo thuyết minh dự thảo Nghị định cho phù hợp với dự thảo Nghị định.	
6		Sở NNMT tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị xem xét bổ sung quy định về xử lý rủi ro trong thực hiện dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước và quốc tế. Lý do: Tín chỉ các bon rừng là sản phẩm có thể được hình thành trong tương lai, trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng có thể phát sinh những rủi ro, vì vậy cần có quy định cụ thể cho việc xử lý rủi ro trong quá trình thực hiện để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm cho các bên có liên quan.	Đã được tiêu chuẩn các-bon quy định
7		Bộ Nội vụ	Đối với nội dung về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường quy định tại dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về vấn đề này. Đối với nội dung kỹ thuật trong hoạt động dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng được quy định tại dự thảo Nghị định (nội dung kỹ thuật này là chuyên ngành đặc thù và không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ), đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp.
8		UBND tỉnh Đắk Lắk	Hầu hết tại các Điều của Nghị định đều có nội dung “Triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của pháp luật”; tuy nhiên, đến nay chưa thấy văn bản nào hướng dẫn chi tiết, cụ thể về việc đăng ký dự án các-bon rừng, đăng ký tín chỉ các-bon rừng (ví dụ như: đăng ký ở đâu; thành phần hồ sơ đăng ký; quy trình, đơn vị tiếp nhận, thẩm định, xử lý và kết quả hồ sơ đăng ký...). Do đó, đề	Tiếp thu, đã chỉnh sửa bổ sung

			ngợi đơn vị soạn thảo nghiên cứu làm rõ, viện dẫn quy định để không vướng mắc trong quá trình thực hiện.	
9		Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	<p>Đối với các Phụ lục liên quan đến diện tích, loại rừng tham gia dự án tín chỉ các-bon rừng, đề nghị bổ sung làm rõ diện tích của từng loại rừng và chất lượng hệ sinh thái rừng đó.</p> <p>Đề nghị rà soát, chỉnh sửa chính xác điểm, khoản, điều và tên văn bản trích dẫn để áp dụng thực hiện trong dự thảo Nghị định, ví dụ tại: khoản 3 Điều 8; khoản 3 Điều 10; khoản 2 Điều 12; điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a, b khoản 6 và khoản 8 Điều 14; khoản 3 Điều 15.</p>	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
10		UBND tỉnh Đắk Lắk	<p>Hiện nay trên địa bàn tỉnh có rất nhiều các dự án trồng rừng và nông lâm kết hợp đang được triển khai thực hiện. Các mô hình nông lâm kết hợp (NLKH) đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường độ che phủ, mang lại nhiều lợi ích về môi trường và kinh tế. Các mô hình này bao gồm việc tích hợp cây rừng với các hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi, hoặc các hệ thống canh tác khác, tạo ra sự đa dạng sinh học, cải thiện chất lượng đất, và tăng thu nhập cho người dân. Chính vì vậy mà canh tác nông lâm kết hợp sẽ làm giảm sức ép của con người vào rừng tự nhiên, giảm tốc độ phá rừng; việc khuyến khích và hỗ trợ các mô hình nông lâm kết hợp tham gia vào các dự án dịch vụ môi trường rừng và tín chỉ các-bon là một giải pháp hiệu quả nhằm tăng cường công tác phục hồi rừng, tăng độ che phủ, cải thiện sinh kế giảm áp lực phá rừng, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống của người dân.</p> <p>Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định có liên quan để các đối tượng xây dựng và triển khai các mô hình nông lâm kết hợp cũng được tham gia các dự án các-bon và được hưởng lợi từ nguồn dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng trong Nghị định này.</p>	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nông lâm kết hợp là một biện pháp giảm phát thải khí nhà kính được quy định trong tiêu chuẩn các-bon.

11		UBND tỉnh Đắk Lắk	Ngoài ra, để các nội dung về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng sớm được triển khai thực hiện, UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm có quy định cụ thể, chi tiết hướng dẫn về việc phân bổ hạn ngạch phát thải cho các đối tượng sử dụng dịch vụ, để các bên liên quan có căn cứ tổ chức thực hiện trao đổi, chuyển nhượng theo quy định.	Tiếp thu, đã được quy định trong Nghị định.
12		Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	<p>Xuyên suốt Nghị định, Luật Lâm nghiệp cần ghi cụ thể Luật Lâm nghiệp 2017.</p> <p>Chưa có quy định cụ thể về “Thẩm định kết quả”.</p> <p>Bổ sung điều khoản về quy trình thực hiện dự án chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.</p> <p>Xuyên suốt Nghị định chỉ nhấn mạnh khía cạnh “giảm phát thải khí nhà kính” của rừng. Cần xem xét lại, thực chất dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng chủ yếu tạo ra lượng “hấp thụ tăng thêm” để bù đắp cho phát thải từ các nguồn khác. Theo Luật Lâm nghiệp 2017, “hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính” là 2 khía cạnh riêng.</p> <p>Một số kiến nghị:</p> <p>Cần làm rõ quyền các-bon (tín chỉ các-bon). Có thể xem xét tín chỉ các-bon là một sản phẩm từ rừng và tổ chức, cá nhân có quyền hợp pháp về rừng, đất được quyền hưởng dụng tín chỉ các-bon.</p> <p>Cần có các quy định phù hợp để xã hội hóa nguồn lực đầu tư từ khối tư nhân, tham gia thực hiện các dự án tạo tín chỉ các-bon với sự rõ ràng về cơ chế chia sẻ lợi ích, các ưu đãi đầu tư.</p> <p>Với các chủ rừng là tổ chức nhà nước, cần tạo ra cơ chế để họ chủ động và trực tiếp thực hiện dự án các-bon, trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.</p>	<p>Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung</p> <p>Quyền các-bon không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p> <p>Tiếp thu, đã bổ sung tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định.</p>
13		Trung tâm nghiên cứu sinh thái nhân	<u>Trung tâm CHESH xin kiến nghị thêm: Điều. Giám sát và đánh giá độc lập</u>	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung

	văn vùng cao (CHESH)	<p><u>Điều này quy định chức năng độc lập về giám sát và đánh giá trong nguyên tắc thi trường (một tư vấn độc lập với cơ quan giám sát thuộc Nhà nước) để nhằm minh bạch, sòng phẳng và củng cố độ tin cậy thi trường (Nghị định 107/NĐ-CP ngày 28/12/2022 đã vướng về tính minh bạch của Nghị định trong vi phạm Quyền được tham gia của Chủ rừng, nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp và tính minh bạch của công thức tính trữ lượng các-bon rừng tự nhiên tại 6 tỉnh Bắc Trung Bộ mà ở đó các loại Chủ rừng chưa được tôn trọng bởi quy trình tiếp cận của Ngân hàng Thế giới!) trong tiến trình hiện thực hóa việc đưa nguyên tố các-bon và khả năng tích lũy các-bon từ bề sinh khối rừng tự nhiên trở thành tín chỉ các-bon quy đổi tương đương như là một loại hàng hóa đặc biệt trong quy trình: 1) Hàng hóa hóa nguyên tố các-bon; 2) Thương mại hóa tín chỉ các-bon thông qua sàn giao dịch; 3) Giá hóa; 4) Tài chính hóa và cuối cùng là mục tiêu Kinh tế tuần hoàn xanh (thực chất là một quy trình; 5) Vốn hóa nguyên tố các-bon) thông qua quy trình chuyển hóa thành tín chỉ các-bon tương đương! Do vậy, một TRONG TÀI ĐỘC LẬP có nền tảng chuyên môn về quy trình sinh địa hóa, về ngưỡng sinh thái của bề các-bon rừng tự nhiên nhiệt đới Việt Nam được ví như là sáng tạo phẩm rừng mưa nhiệt đới mà ít các quốc gia trên hành tinh có được món quà đặc biệt này do Vũ trụ ban tặng. Hơn tất cả là giới hạn BIÊN KINH TẾ SINH THÁI mà nhân loại đang đối mặt là nồng độ CO2 đã tiệm cận giới hạn hơi thở (424 PPM) và cuối cùng là trách nhiệm của tất cả chúng ta: 1) Chủ rừng; 2) Chủ phát thải; 3) Chính quyền; 4) Truyền thông giáo dục; 5) Trọng tài độc lập trong hành trình đi để đến lời thề Net zero 2050 mà Việt Nam đã cam kết tại COP 26!</u></p> <p>Trung tâm CHESH kính trình chính kiến của mình tới các cơ quan đang soạn thảo và lấy ý kiến “<i>Tờ trình dự</i></p>	
--	----------------------	---	--

			<p><i>thảo Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng</i>” của Bộ Nông nghiệp và Môi trường với nghĩa vụ là một Chủ rừng mang chức năng nghiên cứu - ứng dụng và phân tích các bất cập của thực tiễn trong lĩnh vực tín chỉ các-bon rừng mưa nhiệt đới lưu vực đầu nguồn (<i>Nội của gần 14 triệu đồng bào các dân tộc anh em đang sinh sống và là Chủ của những cánh rừng</i>) trong cơ chế giao dịch tín chỉ các-bon mà tính chủ động của các chủ rừng này đang còn nhiều bất cập.</p>	
14	Sở NN&MT tỉnh Gia Lai	<p>Đề xuất bổ sung điều khoản yêu cầu báo cáo định kỳ về lượng tín chỉ các-bon đã chuyển nhượng ra quốc tế để đảm bảo lợi ích quốc gia.</p> <p>Cần bổ sung quy định về hỗ trợ kỹ thuật (đo đạc, giám sát, báo cáo) cho các tỉnh, chủ rừng và các hộ gia đình nhỏ lẻ và cộng đồng dân cư, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, để đảm bảo khả năng tham gia dự án các-bon rừng.</p>	<p>Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p>	
15	Bộ Xây dựng	<p>Trong dự thảo Nghị định có đề xuất bổ sung 02 nội dung ngoài quy định của Luật Lâm nghiệp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung 2 đối tượng được mua kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng là <i>các đối tác quốc tế</i> và các <i>doanh nghiệp trong nước “phát thải ít”</i> ngoài đối tượng được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp là “Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn”. - Bổ sung <i>hình thức chi trả</i> theo <i>cơ chế vận hành của sàn giao dịch các-bon</i> trong nước ngoài 02 hình thức được quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Lâm nghiệp là “trả tiền trực tiếp hoặc trả tiền ủy thác qua quỹ bảo vệ và phát triển rừng”. <p>Do đó Bộ Xây dựng đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động về những đề xuất bổ sung nêu trên trong dự thảo Tờ trình. Đặc biệt do việc trao đổi chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon là nội dung mới và có tính đặc thù, có liên quan đến an ninh môi trường quốc gia và thực hiện cam kết quốc tế</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung vào Tờ trình Chính phủ.</p>	

			<p>về biến đổi khí hậu, Bộ Xây dựng đề nghị bổ sung 01 Điều trong dự thảo Nghị định quy định về việc ưu tiên trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng đối với các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và các tổ chức, cá nhân khác (phát thải ít) trong nước.</p> <p>Đề nghị nêu cụ thể các điều khoản được trích dẫn từ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP để các đối tượng áp dụng Nghị định thực hiện các quy định được thuận lợi hơn.</p>	
16		Bộ Công thương	<p>Đề nghị bổ sung điều khoản dẫn chiếu hoặc quy định chuyên tiếp liên quan đến các văn bản đang xây dựng về thị trường các-bon (sàn giao dịch, cơ chế ETS, MRV, giao dịch tín chỉ) và tham khảo các nội dung liên quan trong quá trình xây dựng Nghị định quản lý tín chỉ các-bon và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để đảm bảo sự đồng bộ giữa các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ nội hàm của việc đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) kết quả giảm phát thải cho từng loại rừng và tình trạng rừng (trồng mới, phục hồi,...) và cấp tín chỉ các-bon rừng theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế để đảm bảo đồng bộ với quy định về đo đạc, báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.</p> <p>Hiện nay việc đánh giá, xác nhận, thẩm định kết quả tín chỉ các-bon rừng đều được giao cho cơ quan nhà nước. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, nghiên cứu, bổ sung điều khoản về cơ chế giám sát độc lập của bên thứ ba để phù hợp với thực tiễn triển khai theo kinh nghiệm quốc tế của các nước.</p> <p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về việc sau khi ký hợp đồng trao đổi, chuyển nhượng giữa bên cung</p>	<p>Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung</p> <p>Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung, đã quy định đối với tiêu chuẩn các-bon rừng quốc gia, mỗi tiêu chuẩn các-bon quốc tế đã có quy định cụ thể.</p> <p>Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung</p>

			<p>ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ thì bên sử dụng dịch vụ được phép/không được phép thực hiện việc trao đổi, chuyển nhượng lại lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng cho các bên sử dụng khác trong trường hợp không sử dụng hết lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng đã chuyển nhượng.</p> <p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về chế tài và xử lý vi phạm hành chính liên quan hoạt động cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, cụ thể: (1) Đo đạc, báo cáo, thẩm định sai kết quả; gian lận tín chỉ các-bon rừng; (2) Trao đổi, chuyển nhượng vượt quá lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng; (3) Kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng đã được trao đổi, chuyển nhượng theo hợp đồng hoặc trên sàn giao dịch các-bon, bên cung ứng tiếp tục sử dụng để trao đổi, chuyển nhượng cho bên sử dụng khác; (4) Vi phạm các nghĩa vụ tài chính theo quy định...</p>	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
17		Sở NN&MT tỉnh Hà Tĩnh	<p>Theo quy định tại dự thảo Nghị định thì chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư chỉ được tham gia dự án các-bon rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay có rất nhiều diện tích rừng phòng hộ là rừng trồng do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự bỏ vốn trồng (<i>theo quy định tại Điều 7 của Luật Lâm nghiệp 2017 thì đối tượng rừng này không thuộc sở hữu toàn dân mà cũng không thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự bỏ vốn trồng</i>). Đề nghị bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét đưa đối tượng rừng phòng hộ là rừng trồng do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự bỏ vốn trồng được tham gia dự án các-bon rừng để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia trồng rừng.</p>	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
18			Xem xét bổ sung từ ngữ để làm rõ rằng việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng bao	

		Tổ chức Emergent	<p>gồm chuyển nhượng quyền tài sản liên quan và tuyên bố giảm nhẹ KNK liên quan trừ khi các bên tham gia thỏa thuận chuyển nhượng có thỏa thuận khác.</p> <p>Bổ sung một điều khoản trong Dự thảo Nghị định quy định cụ thể rằng, khi có yêu cầu chính thức của bên sử dụng dịch vụ (ví dụ: Emergent), thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh phải chịu kiểm toán độc lập bên thứ ba (bao gồm kiểm toán viên quốc tế được thành lập và hoạt động tại Việt Nam) đối với tất cả các hoạt động liên quan đến việc thực hiện ERPA (Mặc dù có cơ sở pháp lý chung cho kiểm toán, kiểm tra tài chính (tại Điều 82.3, 86.1(b), 86.2(b) và Điều 72.1 Nghị định 156 và Điều 64.1(c) của Luật Lâm nghiệp 2017), hiện tại Dự thảo Nghị định và pháp luật hiện hành của Việt Nam không có quy định nào yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam hoặc các Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh phải thực hiện kiểm toán độc lập bên thứ ba cho bất kỳ hoạt động hoặc chương trình nào, bao gồm cả những hoạt động theo ERPA, nhằm đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của ERPA).</p>	<p>Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung</p> <p>Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung</p>
19		Sở NN&MT tỉnh Quảng Ninh	Việc đo đạc, báo cáo, thẩm định, phát hành và thương mại tín chỉ các-bon rừng cần nguồn kinh phí lớn và cần thực hiện trên phạm vi liên vùng, không phù hợp khi thực hiện riêng lẻ từng địa phương. Do đó, kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định, phát hành và thương mại tín chỉ các-bon rừng trên phạm vi vùng, cả nước để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trên cơ sở sớm hoàn thiện chính sách, quy định pháp luật tín chỉ các-bon rừng.	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
20		UBND tỉnh Sơn La	Đề nghị Dự thảo bổ sung vai trò của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh như một kênh điều phối tài chính, hỗ trợ kỹ thuật, kiểm soát thực hiện và làm đầu mối liên kết các bên liên quan tại địa phương, phân cấp cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thay mặt các chủ rừng	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung

			ký hợp đồng ủy thác trao đổi, chuyển 2 nhượng các bon rừng với bên sử dụng dịch vụ tương tự như Dịch vụ môi trường rừng với một số đối tượng cụ thể.	
21		Bộ Tài chính	<p>Về tên gọi của Nghị định: Tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 8/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng: “Nghị định về chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát tên gọi của dự thảo Nghị định theo nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, đảm bảo chính xác.</p> <p>Đề nghị Bộ NN&MT rà soát, bổ sung các Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có); đồng thời hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định đảm bảo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>Tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017 (Điều 119 đến Điều 124) quy định chế độ quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên; trong đó, quy định việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, thu tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên được thực hiện theo quy định của các luật về tài nguyên. Tại khoản 21 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 quy định bổ sung khoản 3 Điều 120 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau: “Các nội dung khác về quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên thực</p>	<p>Tiếp thu, giải trình tại Tờ trình Chính phủ</p> <p>Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung</p> <p>Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung</p>

			<p>hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên và pháp luật có liên quan”.</p> <p>Hiện nay, các pháp luật về tài nguyên (như tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tín chỉ các-bon, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính...) do Bộ chuyên ngành như Bộ NN&MT chủ trì xây dựng (Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ...). Từ cơ sở trên, đề nghị Bộ NN&MT căn cứ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về chuyên ngành để xây dựng dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon rừng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
22		Bộ Công an	<p>Chỉnh lý lại tên gọi cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh và các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định.</p> <p>Rà soát các quy định trong dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế; đồng thời, xây dựng báo cáo tính tương thích của dự thảo Nghị định với pháp luật quốc tế có liên quan do nội dung của Nghị định có liên quan đến pháp luật quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon rừng; lưu ý rà soát các quy định, hướng dẫn thực hiện khi tổ chức lại bộ máy hành chính theo mô hình chính quyền 2 cấp.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung
23		Cục Môi trường	<p>Thị trường các-bon, đặc biệt là các-bon từ rừng là lĩnh vực mới, phức tạp, nhiều nội dung kỹ thuật nên cần thiết nghiên cứu và có cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox). Do đó, đề xuất nghiên cứu bổ sung thêm quy định về “Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng” tại một số địa phương có tiềm năng và sẵn sàng cao để tham gia thí điểm. Trong đó, có thí điểm một số cơ chế chi trả và chia sẻ lợi ích (Điều 13, 14 dự thảo Nghị định), phương pháp định giá (Điều 7 dự thảo Nghị định), quy trình thủ tục (Điều 8, 9, 10 dự thảo Nghị định)... đồng nhất với</p>	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung

			thời gian thí điểm phù hợp với lộ trình (từ năm 2025 – 2028) đã quy định tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	
24		UBND thành phố Đà Nẵng	Bên cạnh đó cần bổ sung quy định về quyền các-bon, cụ thể: Hiện nay, các quy định của Luật, Nghị định hiện hành và Dự thảo Nghị định này vẫn chưa quy định rõ ràng về quyền các-bon hoặc quyền sở hữu tín chỉ các-bon sinh ra từ rừng. Điều này gây khó khăn trong tổ chức thực hiện, nhất là trong định nghĩa nội hàm về quyền sở hữu, quyền sử dụng các tín chỉ các-bon.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, quyền các-bon không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.
			Đề nghị nghiên cứu, bổ sung cơ chế xử lý việc xác định lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng và quản lý sử dụng nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng trong trường hợp các bên đang triển khai theo dự án các-bon rừng nhưng cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật lâm nghiệp (nhất là cơ chế xử lý đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân).	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
			Đối với các nội dung của dự thảo Nghị định là các vấn đề kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính... Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, chuyên gia, nhà khoa học, người làm thực tiễn, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp trong lĩnh vực này để đảm bảo tính phù hợp, khả thi, hiệu quả, kịp thời, chính xác. Từ đó, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình đầy đủ, hợp lý các ý kiến; hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ dự thảo Nghị định (và chịu trách nhiệm về vấn đề này)	Tiếp thu, đã lấy ý các bên liên quan, nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
25		Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy trình thẩm định tín chỉ: dự thảo Nghị định cần làm rõ hơn về quy trình thẩm định độc lập các dự án các-	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, thẩm định kết quả giảm

			bon rừng, đặc biệt là đối với các dự án theo tiêu chuẩn quốc tế, để bảo đảm tính minh bạch và đáng tin cậy của tín chỉ các-bon được tạo ra.	phát thải được bên thứ ba độc lập thực hiện theo tiêu chuẩn các-bon áp dụng.
			Bảo đảm tính linh hoạt: Thị trường các-bon là một lĩnh vực mới, tiềm năng và năng động. Dự thảo Nghị định nên có điều khoản khuyến khích nghiên cứu, áp dụng các phương pháp luận, công nghệ mới trong đo đạc, báo cáo, thẩm định để bảo đảm cập nhật và hiệu quả.	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
26		Honda Việt Nam	Bổ sung hình thức triển khai dự án các-bon từ trồng cây phân tán vào hệ thống pháp luật và hướng dẫn kỹ thuật nhằm đa dạng hóa hình thức triển khai, góp phần đẩy nhanh tiến độ giảm phát thải và thu hút doanh nghiệp tham gia.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
27		HTX lâm nghiệp cộng đồng Cao Quảng (dự thảo)	<p>Vấn đề:</p> <p>Dự thảo hiện nay chưa quy định rõ tỷ lệ (%) chi phí được phép trích cho các khâu đánh giá, thẩm định, công nhận, quản lý và giám sát tín chỉ carbon rừng. Điều này có nguy cơ dẫn đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi địa phương áp dụng một mức khác nhau, thiếu thống nhất. - Phần chi phí quản lý có thể bị lạm dụng, làm giảm lợi ích thực nhận của chủ rừng, đặc biệt là hộ gia đình và cộng đồng dân cư. - Chủ rừng khó dự đoán thu nhập, làm giảm động lực tham gia thị trường các-bon. <p>Đề xuất quy định cụ thể tỷ lệ phân bổ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chi phí quản lý Nhà nước và Quỹ Bảo vệ & Phát triển rừng: tối đa ...% tổng giá trị tín chỉ các-bon. 2. Chi phí kỹ thuật (đánh giá, thẩm định, công nhận, MRV): tối đa%. 3. Phần còn lại (tối thiểu%) thuộc về chủ rừng và cộng đồng dân cư. <p>Nguyên tắc:</p>	Tiếp thu, đã được quy định định cụ thể tại Chương 3 của dự thảo Nghị định

			<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ này cần được quy định cụ thể trong nghị định để thống nhất toàn quốc. - Việc thu – chi phải công khai, minh bạch và được kiểm toán hàng năm. - Bất kỳ khoản chi ngoài quy định nào đều phải được chủ rừng đồng thuận. 	
28		UNEP	Mặc dù Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm tiếp tục thúc đẩy nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tuy nhiên chưa xác định rõ mục tiêu tổng thể và kết quả chính sách mong đợi. Dự thảo chưa đưa ra cơ sở lý luận, lý do cụ thể cho việc ban hành, điều này có thể làm suy giảm tính định hướng, tính rõ ràng trong áp dụng và diễn giải các quy định, cũng như ảnh hưởng đến trách nhiệm giải trình trong việc thực hiện các mục tiêu quốc gia và hiệu quả lâu dài của Nghị định.	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
			Nghị định số 06/2022/NĐ-CP cũng đưa ra các mốc thời gian liên quan đến việc trao đổi và giao dịch tín chỉ các-bon giai đoạn 2026–2030 (Điều 4(b)), bao gồm: (i) thử nghiệm cơ chế trao đổi và bù trừ tín chỉ các-bon trong một số ngành, lĩnh vực (bao gồm lâm nghiệp) đến năm 2027 (khoản 1(b) Điều 17); (ii) vận hành thử nghiệm CTX từ năm 2025 (khoản 1(c) Điều 17); và (iii) vận hành chính thức CTX từ năm 2028 (khoản 2(a) Điều 17). Như vậy, quá trình hình thành thị trường các-bon trong nước và quốc tế cho lĩnh vực lâm nghiệp đã được tính đến trong các mốc thời gian này. Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định chưa có sự dẫn chiếu, làm rõ mối liên hệ với các mốc thời gian trên, có thể gây khó khăn trong việc đồng bộ thị trường và làm giảm tính nhất quán khi triển khai	
			Quyết định số 232/QĐ-TTg quy định hàng hóa trên thị trường các-bon bao gồm tín chỉ thu được từ Cơ chế phát triển sạch (CDM), Cơ chế tín chỉ chung (JCM) và cơ chế theo Điều 6 Thỏa thuận Paris. Trong đó, tín chỉ từ	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung

			<p>các cơ chế này có thể bao gồm cả tín chỉ từ rừng. Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định mặc dù tập trung điều chỉnh về tín chỉ các-bon rừng, nhưng chưa làm rõ sự liên kết, tương thích với các cơ chế quốc tế này</p>	
			<p>Dự thảo Nghị định chưa quy định rõ hậu quả pháp lý đối với các hành vi vi phạm tại một số điều khoản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 5 về các điều kiện đối với “bên sử dụng dịch vụ”; - Điều 8 về “cam kết tham gia” nhưng chưa quy định thẩm quyền của cơ quan có trách nhiệm trong việc bảo đảm thực thi các nghĩa vụ được nêu trong cam kết; - Điều 15 về việc vi phạm hoặc không thực hiện nghĩa vụ trong kế hoạch tài chính; - Điều 17 giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền kiểm tra, nhưng chưa nêu rõ trường hợp, điều kiện, cơ quan cụ thể thực hiện, cũng như hậu quả pháp lý đối với đối tượng vi phạm. 	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
			<p>Dự thảo Nghị định chưa quy định cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận công lý cho cá nhân, tổ chức khi cho rằng quyền lợi của mình bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại. Quyền tiếp cận công lý là quyền thủ tục quan trọng, góp phần củng cố tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và niềm tin của xã hội đối với quản trị. Các cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp là trụ cột của pháp luật môi trường, cho phép cá nhân, tổ chức khiếu kiện các hành vi hoặc sự thiếu hành động theo quy định của pháp luật.</p>	
			<p>Dự thảo Nghị định chưa quy định rõ ràng các cơ chế bảo đảm tính minh bạch trong quá trình ra quyết định. Để bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, Nghị định cần bổ sung quy định cho phép công chúng được tiếp cận và tra cứu các tài liệu liên quan khi có yêu cầu, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết tham gia (Điều 8), cũng như việc giám sát, thực thi các cam kết này; 	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung

			<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tài chính (Điều 15); - Báo cáo hằng năm gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tình hình thực hiện dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (khoản 4(d) Điều 17); - Hoạt động chuyển giao, mua bán tín chỉ các-bon, kết quả xác minh và thông tin về quyền sở hữu tín chỉ; - Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình xem xét, thẩm định và quyết định (bao gồm phê duyệt, từ chối hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ đối với các đề nghị thực hiện); - Các trường hợp vi phạm Nghị định và các biện pháp xử lý được cơ quan có thẩm quyền áp dụng. 	
			Dự thảo Nghị định chưa xác định rõ các tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thủ tục để đánh giá kết quả giảm phát thải và cấp tín chỉ các-bon rừng. Hiện còn thiếu quy định cụ thể về tiêu chí, phương pháp luận hoặc quy trình thẩm tra bởi bên thứ ba để bảo đảm công nhận kết quả. Khoảng trống này có thể dẫn đến sự khác biệt trong cách hiểu và áp dụng giữa các địa phương, làm giảm niềm tin của nhà đầu tư đối với tính hợp lệ của tín chỉ các-bon được chứng nhận	Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung
B	DỰ THẢO TÒ TRÌNH			
I	Sự cần thiết ban hành Nghị định			
1		UBND thành phố Huế	Đề nghị bổ sung Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Tờ trình
2		Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Về cơ sở chính trị, nên bổ sung Kết luận 81/KL-TW ngày 04/6/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Tờ trình
II	Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự thảo nghị định			

1		Bộ Ngoại giao	Đề nghị bổ sung vào cuối đoạn 1 nội dung “và các cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã tham gia”	Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Tờ trình
III		Quá trình xây dựng dự thảo nghị định		
IV		Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo nghị định		
1		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Dự thảo Tờ trình đang trình bày khá dài, đề nghị xem xét tóm tắt nội dung chính theo từng nhóm vấn đề.	Tiếp thu, rà soát chỉnh sửa tóm tắt theo nhóm vấn đề vào dự thảo Tờ trình
2		Cục Biến đổi khí hậu	Mục IV/3/3.1/e) về Mức chi trả, đề nghị xem lại nội dung thuyết minh đối với đề xuất quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Lý do: Khoản 6 Điều 14 Luật Giá năm 2023 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính: “Định giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hướng dẫn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này.” Khoản 6 Điều 15 Luật Giá năm 2023 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: “Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo quy định tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật”. Trong khi đó, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023 là Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Do đó, quy định phương pháp định giá thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính.	Phương pháp định giá được quy định trong dự thảo Nghị định, sẽ bổ sung thuyết minh vào Tờ trình
V		Những nội dung bổ sung mới so với dự thảo nghị định gửi thẩm định		
VI		Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị định và thời gian trình thông qua/ban hành		
1		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát đối với số liệu về nguồn nhân lực hiện có của các loại hình chủ rừng (167 ban quản lý rừng đặc dụng, 231 ban quản lý rừng phòng	Tiếp thu, đã bổ sung vào Tờ trình

			hộ; 160 công ty lâm nghiệp; 1,3 triệu hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao rừng) để đảm bảo phù hợp với chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo hướng đảm bảo tinh gọn và hiệu quả.	
VII		Về đánh giá thủ tục hành chính		
1		Bộ Xây dựng	Việc triển khai dự án các-bon rừng theo quy định của cơ quan quản lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế (bao gồm hồ sơ, trình tự, thủ tục, mẫu Hợp đồng...) là nội dung mới, vì vậy Bộ Xây dựng đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thông tin chi tiết về các nội dung có liên quan đến hoạt động này.	Đề nghị giữ nguyên vì mỗi tiêu chuẩn các-bon quốc tế sẽ có quy định khác nhau.
2		Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT	Đề nghị xem lại đối với phần VII về đánh giá thủ tục hành chính, trường hợp dự thảo Nghị định có thủ tục hành chính thì phải làm riêng Bản đánh giá TTHC theo quy định của pháp luật; trường hợp, không có TTHC thì khẳng định dự thảo Nghị định không có TTHC và có thể đưa lên phần nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định.	Tiếp thu, dự thảo Nghị định có TTHC và sẽ bổ sung Bản đánh giá TTHC
VIII		Những vấn đề xin ý kiến		
IX		Ý kiến khác		
1		Cục Biến đổi khí hậu	Đối với các nội dung trích dẫn tới điều, khoản của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, đề nghị rà soát nội dung Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP để cập nhật.	Tiếp thu
2		Bộ Tài chính	Đề nghị Bộ NN&MT căn cứ Điều 6 Nghị định 78/2025/NĐ-CP để hoàn thiện nội dung tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, trong đó báo cáo rõ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất cơ chế quản lý nguồn thu từ trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng không đưa vào cân đối thu – chi ngân sách nhà nước mà quản lý thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (nằm ngoài ngân sách nhà nước), trong khi	Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung vào Tờ trình Chính phủ

			<p>các bên cung ứng tại dự thảo Nghị định bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước và NSNN đang thực hiện chi cho các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bao gồm nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng. Đồng thời, đề nghị Bộ NN&MT đánh giá tác động lên ngân sách nhà nước trong trường hợp nguồn thu (thuộc ngân sách nhà nước) không nộp về ngân sách nhà nước mà chuyển qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.</p> <p>Dự thảo Nghị định ngoài quy định chi tiết theo khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp (về đối tượng, hình thức, mức chi trả, quản lý sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng), đồng thời quy định chi tiết Điều 138 (về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng) và Điều 139 (về tổ chức và phát triển thị trường các-bon) của Luật Bảo vệ môi trường. Vì vậy, đề nghị Bộ NN&MT thuyết minh bổ sung tại dự thảo Tờ trình về phạm vi điều chỉnh quy định chi tiết Điều 138, Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường.</p>	
C		Dự thảo Báo cáo sơ kết việc thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ- CP		
1		Bộ Ngoại giao	<p>Đề nghị bổ sung Phụ lục rà soát các điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	Tiếp thu, bổ sung